

Mục Lục

Lời Giới Thiệu	3
Những Câu Hỏi Thường Gặp.....	5
Danh Sách Các Từ Viết Tắt	13
Danh Sách Thuốc theo Tình Trạng Y Tế	15

Chương Trình OneCare Connect Cal MediConnect (Medicare-Medicaid Plan)

Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ năm 2018 (Danh Sách Thuốc)

Đây là danh sách những loại thuốc mà các thành viên của OneCare Connect có thể được nhận.

- ❖ OneCare Connect Cal MediConnect Plan (Medicare-Medicaid Plan) là một chương trình y tế có hợp đồng với cả Medicare và Medi-Cal để cung cấp các phúc lợi của cả hai chương trình cho các tham dự viên.
- ❖ Danh Sách Thuốc được Đài Thọ và/hoặc các hệ thống nhà thuốc và nhà cung cấp dịch vụ có thể thay đổi trong năm. Chúng tôi sẽ gửi thông báo đến quý vị trước khi thực hiện sự thay đổi mà có thể gây ảnh hưởng đến quý vị.
- ❖ Các phúc lợi và/hoặc tiền phụ phí có thể thay đổi vào ngày 1 tháng 1 mỗi năm.
- ❖ Quý vị luôn có thể kiểm tra Danh Sách Thuốc được Đài Thọ mới nhất của OneCare Connect trên trang mạng tại địa chỉ **www.caloptima.org/onecareconnect** hoặc bằng cách gọi số **1-855-705-8823**.
- ❖ Những giới hạn, tiền phụ phí, và hạn chế có thể được áp dụng. Để biết thêm thông tin, xin gọi Văn Phòng Dịch Vụ OneCare Connect hoặc xin đọc Cẩm Nang Thành Viên OneCare Connect.
- ❖ Tiền phụ phí của các loại thuốc có toa có thể thay đổi dựa theo mức Trợ Giúp Thêm mà quý vị nhận được. Xin vui lòng liên lạc với chương trình để biết thêm chi tiết.
- ❖ You can get this information for free in other languages. Call OneCare Connect Customer Service at **1-855-705-8823**, 24 hours a day, 7 days a week. TDD/TTY users can call **1-800-735-2929**. The call is free.
- ❖ Puede obtener esta información gratis en otros idiomas. Llame al Departamento de Servicios para Miembros de OneCare Connect al **1-855-705-8823**, las 24 horas al día, los 7 días de la semana. Usuarios de la línea TDD/TTY deben llamar al **1-800-735-2929**. Esta llamada es gratuita.
- ❖ Quý vị có thể nhận thông tin này miễn phí bằng những ngôn ngữ khác. Xin gọi Văn Phòng Dịch Vụ OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi ở số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

❖ شما می توانید این اطلاعات را به صورت رایگان به زبانهای دیگر دریافت کنید. با بخش خدمات مشتریان OneCare Connect ، طی 24 ساعت شبانه روز، در 7 روز هفته از طریق شماره **1-855-705-8823** تماس بگیرید. کاربران خط TDD/TTY می توانند با شماره **1-800-735-2929** تماس بگیرند. تماس با این شماره رایگان است.

- ❖ 이 안내서는 다른 언어로 무료로 받으실 수 있습니다. OneCare Connect 고객 서비스 번호 **1-855-705-8823** 으로, 주 7 일 24 시간 전화 주십시오. TDD/TTY 사용자는 번호 **1-800-735-2929** 로 전화 주십시오. 통화는 무료입니다

❖ يمكنك الحصول على هذه المعلومات مجاناً بلغات أخرى. اتصل بخدمة عملاء OneCare Connect على **1-855-705-8823**، 24 ساعة في اليوم، 7 أيام في الأسبوع. يمكن لمستخدمي TDD/TTY الاتصال على **1-800-735-2929**. المكالمات مجانية.

- ❖ 您可以免費索取本資訊其它語言印刷的版本。請致電 OneCare Connect 計劃客戶服務部門專線 **1-855-705-8823**，服務時間為每週 7 天，每天 24 小時。TDD/TTY 用戶可以撥打 **1-800-735-2929**。此號碼為免費。
- ❖ Quý vị có thể nhận thông tin này miễn phí bằng những hình thức khác, như khổ chữ in lớn, chữ nổi braille hoặc đĩa thu thanh. Xin gọi số **1-855-705-8823**, thành viên sử dụng máy TDD/TTY gọi số **1-800-735-2929**, 24 giờ một ngày, bảy ngày một tuần. Cuộc gọi này thì miễn phí.
- ❖ Quý vị cũng có thể yêu cầu để luôn nhận các tài liệu bằng tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt, tiếng Hàn Quốc hoặc tiếng Trung Đông. Xin gọi số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi đường dây miễn phí số **1-800-735-2929**. Cuộc gọi này thì miễn phí.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. Để biết thêm chi tiết, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect.



Những Câu Hỏi Thường Gặp

Xin hãy tìm câu trả lời tại đây cho những câu hỏi mà quý vị có về Danh Sách Thuốc được Đài Thọ này. Quý vị có thể đọc tất cả Những Câu Hỏi Thường Gặp để tìm hiểu thêm, hoặc tìm kiếm một câu hỏi và câu trả lời.

1. Những thuốc theo toa nào nằm trong Danh Sách Thuốc được Đài Thọ? (Chúng tôi gọi tất Danh Sách Thuốc được Đài Thọ là “Danh Sách Thuốc”).

Những loại thuốc trong Danh Sách Thuốc là những loại thuốc được OneCare Connect đài thọ. Những thuốc này có sẵn tại các nhà thuốc trong hệ thống của chúng tôi. Một nhà thuốc nằm trong hệ thống khi họ có hợp đồng làm việc với chúng tôi và cung cấp dịch vụ cho quý vị. Chúng tôi gọi những nhà thuốc này là “nhà thuốc trong hệ thống”.

OneCare Connect sẽ đài thọ tất cả thuốc cần thiết về mặt y khoa trong Danh Sách Thuốc nếu:

- Bác sĩ của quý vị hoặc những nhà cho toa thuốc khác cho biết là quý vị cần đến chúng để khỏi bệnh hoặc để duy trì sức khỏe, *và*
- Quý vị mua thuốc theo toa tại một nhà thuốc trong hệ thống của OneCare Connect.

Trong một vài trường hợp, quý vị sẽ phải làm một số việc trước khi nhận được thuốc (xem câu hỏi số 5 dưới đây).

Quý vị cũng có thể xem danh sách thuốc mới nhất mà chúng tôi đài thọ trên trang mạng của chúng tôi tại www.caloptima.org/onecareconnect hoặc gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số **1-855-705-8823**.

2. Danh Sách Thuốc có bao giờ thay đổi không?

Có. Trong năm, OneCare Connect có thể thêm vào hoặc lấy ra những thuốc trong Danh Sách Thuốc. Thông thường, Danh Sách Thuốc sẽ chỉ thay đổi nếu:

- Có một loại thuốc rẻ hơn và cũng hiệu quả như thuốc hiện có trong Danh Sách Thuốc, *hoặc*
- Chúng tôi được biết là một loại thuốc không an toàn.

Chúng tôi cũng có thể thay đổi quy định về thuốc của chúng tôi. Ví dụ, chúng tôi có thể:

- Quyết định yêu cầu hoặc không yêu cầu sự chấp thuận trước cho một loại thuốc. (*Chấp thuận trước* là sự cho phép của OneCare Connect trước khi quý vị có thể nhận được một loại thuốc.)
- Thêm hoặc thay đổi số lượng thuốc mà quý vị có thể nhận (được gọi là “giới hạn số lượng”).
- Thêm hoặc thay đổi những hạn chế về trị liệu từng bước (step therapy restrictions) của thuốc. (*Trị liệu từng bước* có nghĩa là quý vị phải dùng thử một loại thuốc trước khi chúng tôi đài thọ một loại thuốc khác.)

(Để biết thêm chi tiết về những quy định về thuốc này, xin xem trang 13.)

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect.



Chúng tôi sẽ cho quý vị biết khi một loại thuốc mà quý vị đang dùng bị lấy ra khỏi Danh Sách Thuốc. Chúng tôi cũng sẽ cho quý vị biết khi chúng tôi thay đổi các quy định về đài thọ cho một loại thuốc. Câu hỏi 3, 4, và 7 dưới đây sẽ cho biết thêm chi tiết về những gì sẽ xảy ra khi có những thay đổi trong Danh Sách Thuốc .

→ Quý vị luôn có thể kiểm tra Danh Sách Thuốc mới nhất của OneCare Connect trên trang mạng tại địa chỉ www.caloptima.org/onecareconnect. Quý vị cũng có thể gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số **1-855-705-8823** để kiểm tra Danh Sách Thuốc hiện tại.

3. Điều gì sẽ xảy ra khi có một loại thuốc rẻ hơn và cũng hiệu quả như thuốc hiện có trong Danh Sách Thuốc?

Nếu quý vị đang sử dụng một loại thuốc bị lấy ra khỏi danh sách vì có một loại thuốc khác rẻ hơn và cũng hiệu quả không kém, chúng tôi sẽ cho quý vị biết. Chúng tôi sẽ thông báo ít nhất 60 ngày trước khi chúng tôi lấy thuốc ra khỏi Danh Sách Thuốc **hoặc** khi quý vị yêu cầu lấy thêm thuốc. Khi đó, quý vị sẽ được cung cấp số lượng thuốc cho 60 ngày trước khi thuốc bị lấy ra khỏi danh sách thuốc. Chúng tôi sẽ cho quý vị biết về sự thay đổi này bằng văn bản mà chúng tôi soạn thảo cho quý vị gọi là Giải Thích Phúc Lợi Phần D (Part D Explanation of Benefits hay đôi lúc gọi là "Part D EOB").

4. Điều gì sẽ xảy ra khi chúng tôi phát hiện một loại thuốc không an toàn?

Nếu Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (Food and Drug Administration- FDA) cho biết là loại thuốc quý vị đang dùng không an toàn, chúng tôi sẽ lấy thuốc đó ra khỏi Danh Sách Thuốc ngay lập tức. Chúng tôi cũng sẽ gửi thư thông báo cho quý vị về việc này. Trong thư chúng tôi sẽ cho quý vị biết sẽ phải làm gì sau đó. Chúng tôi cũng sẽ thông báo cho bác sĩ của quý vị cũng như người viết toa về sự thay đổi này. Bác sĩ của quý vị hoặc người viết toa có thể làm việc với quý vị để tìm một loại thuốc khác cho tình trạng của quý vị. Xin liên lạc với bác sĩ của quý vị hoặc người viết toa nếu quý vị cần giúp đỡ để tìm một loại thuốc khác. Quý vị cũng có thể liên lạc với Văn Phòng Dịch Vụ ở số **1-855-705-8823**.

5. Có bất cứ sự giới hạn hoặc hạn chế nào về sự đài thọ thuốc không? Hoặc có bất cứ hành động được yêu cầu nào cần thực hiện để nhận các thuốc nhất định không?

Có, một số thuốc có những quy định về đài thọ hoặc có giới hạn về số lượng quý vị được nhận. Trong một số trường hợp, quý vị hoặc bác sĩ của quý vị hoặc người viết toa phải làm một số việc trước khi quý vị nhận được thuốc này. Ví dụ:

- **Chấp thuận trước (hoặc cho phép trước):** Đối với một số thuốc, quý vị hoặc bác sĩ của quý vị hoặc nhà cho toa thuốc khác phải có được sự chấp thuận của OneCare Connect trước khi quý vị lấy thuốc. Nếu quý vị không được chấp thuận, OneCare Connect có thể sẽ không đài thọ thuốc này.
- **Giới hạn số lượng:** Đôi khi, OneCare Connect giới hạn số lượng thuốc quý vị được nhận.
- **Trị liệu từng bước:** Đôi khi, OneCare Connect yêu cầu quý vị phải trị liệu từng bước. Điều này có nghĩa là quý vị phải dùng thử thuốc theo một thứ tự nào đó cho bệnh trạng của quý vị. Quý vị có thể phải dùng thử một loại thuốc trước khi chúng tôi đài thọ một loại thuốc khác. Nếu bác sĩ

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect.



của quý vị nghĩ rằng loại thuốc đầu tiên không có tác dụng cho quý vị, lúc đó chúng tôi sẽ đài thọ thuốc thứ nhì.

Quý vị có thể tìm hiểu xem thuốc của quý vị có bất kỳ yêu cầu bổ sung hoặc giới hạn nào bằng cách tìm trong các bảng bắt đầu ở trang 16. Quý vị cũng có thể nhận thêm thông tin bằng cách truy cập trang mạng của chúng tôi tại **www.caloptima.org/onecareconnect**. Chúng tôi có các tài liệu được đăng trên trang mạng để giải thích các giới hạn của sự cho phép trước và trị liệu từng bước của chúng tôi. Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi gửi cho quý vị một bản sao.

Quý vị có thể yêu cầu một "ngoại lệ" từ những giới hạn này. Xin vui lòng xem câu hỏi 11 để biết thêm thông tin về những ngoại lệ.

➔ Nếu quý vị đang sống trong viện dưỡng lão hoặc cơ sở chăm sóc dài hạn và cần một loại thuốc không nằm trong Danh Sách Thuốc, hoặc nếu quý vị không thể dễ dàng lấy thuốc mà quý vị cần, chúng tôi có thể giúp quý vị. Chúng tôi sẽ đài thọ một số lượng thuốc khẩn cấp cho quý vị dùng cho 31 ngày (trừ khi toa thuốc của quý vị được viết cho ít ngày hơn), dù cho quý vị có phải là thành viên mới của OneCare Connect hay không. Điều này sẽ giúp quý vị có thời gian để nói chuyện với bác sĩ của quý vị hoặc nhà cho toa thuốc. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc nào tương tự trong Danh Sách Thuốc mà quý vị có thể dùng để thay thế hoặc yêu cầu một sự ngoại lệ. Xin xem câu hỏi 11 để biết thêm chi tiết về các ngoại lệ.

6. Làm thế nào để biết là loại thuốc quý vị muốn dùng có những giới hạn hoặc đòi hỏi quý vị phải làm một số việc để nhận được thuốc?

Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ bắt đầu ở trang 16 có một cột được ghi là "Những hành động cần thiết, hạn chế, hoặc giới hạn về việc sử dụng".

7. Điều gì sẽ xảy ra khi chúng tôi thay đổi quy định về sự đài thọ cho một số thuốc? Ví dụ như khi chúng tôi thêm vào yêu cầu phải có sự cho phép trước (chấp thuận trước), việc hạn chế số lượng, và/hoặc trị liệu từng bước đối với một loại thuốc.

Chúng tôi sẽ cho quý vị biết khi chúng tôi thêm vào yêu cầu phải có sự cho phép trước, việc hạn chế số lượng, và/hoặc trị liệu từng bước đối với một loại thuốc. Chúng tôi sẽ thông báo cho quý vị biết ít nhất là 60 ngày trước khi thêm vào những giới hạn, hoặc khi quý vị yêu cầu nhà thuốc của quý vị cấp thêm thuốc. Sau đó, quý vị có thể nhận được một số lượng thuốc cho 60 ngày trước khi thay đổi về quy định đài thọ được áp dụng. Điều này sẽ giúp quý vị có thời gian để nói chuyện với bác sĩ của quý vị hoặc nhà cho toa thuốc về những việc phải làm tiếp theo.

8. Làm thế nào để tìm một loại thuốc trong Danh Sách Thuốc?

Có hai cách để tìm một loại thuốc:

- Quý vị có thể tìm theo thứ tự chữ cái (nếu quý vị đánh vần được tên thuốc), **hoặc**
- Quý vị có thể tìm theo bệnh trạng.

Để tìm **theo thứ tự chữ cái**, hãy đến phần Liệt Kê Theo Thứ Tự Chữ Cái. Quý vị có thể tìm thấy tên của thuốc trong phần Mục Lục bắt đầu sau Danh Sách các loại thuốc theo tình trạng y tế 162.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.



Phần Mục Lục cung cấp một danh sách theo thứ tự chữ cái của tất cả những loại thuốc được bao gồm trong tài liệu này. Cả hai loại thuốc chính hiệu (brand name) và thuốc tương đương (generic name) đều được liệt kê trong phần Mục Lục. *Xem trong phần Mục Lục và tìm thuốc của quý vị.* Bên cạnh thuốc của quý vị, quý vị sẽ thấy số trang, là nơi quý vị có thể tìm thấy thông tin dài thọ. Xin lật đến trang được liệt kê trong phần Mục Lục và tìm tên thuốc của quý vị trong cột đầu tiên của danh sách.

Để tìm **theo bệnh trạng**, tìm phần có tựa đề “Danh sách thuốc theo bệnh trạng” ở trang 15. Các thuốc trong phần này được xếp nhóm thành những mục dựa vào loại tình trạng y tế mà thuốc được dùng để chữa trị. Ví dụ, nếu quý vị bị bệnh tim, quý vị nên tìm trong thể loại “Thuốc Dành Cho Bệnh Tim” (“Cardiovascular Agents”). Đây là nơi quý vị sẽ tìm thấy các loại thuốc điều trị bệnh tim.

9. Nếu loại thuốc quý vị muốn sử dụng không có trong Danh Sách Thuốc?

Nếu quý vị không tìm thấy thuốc của mình trong Danh Sách Thuốc, xin gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số **1-855-705-8823** và hỏi về việc này. Nếu quý vị tìm ra rằng OneCare Connect sẽ không dài thọ thuốc đó, quý vị có thể làm một trong những điều sau:

- Yêu cầu Văn Phòng Dịch vụ cung cấp cho quý vị một danh sách các loại thuốc tương tự như thuốc quý vị muốn dùng. Sau đó đưa danh sách này cho bác sĩ của quý vị hoặc nhà cho toa thuốc. Họ có thể kê đơn loại thuốc có trong Danh Sách Thuốc tương tự như thuốc quý vị muốn dùng. **Hoặc**
- Quý vị có thể yêu cầu chương trình y tế cho một sự ngoại lệ để dài thọ loại thuốc của quý vị. Xin xem câu hỏi 11 để biết thêm chi tiết về các ngoại lệ.

10. Nếu quý vị là một thành viên mới của OneCare Connect và không thể tìm thấy thuốc của mình trong Danh Sách Thuốc hoặc có khó khăn trong việc nhận được thuốc?

Chúng tôi có thể giúp. Chúng tôi có thể dài thọ một số lượng thuốc tạm thời cho 30 ngày trong thời gian 90 ngày đầu tiên kể từ khi quý vị là thành viên của OneCare Connect. Điều này sẽ giúp quý vị có thời gian để nói chuyện với bác sĩ của quý vị hoặc nhà cho toa thuốc khác. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc nào tương tự trong Danh Sách Thuốc mà quý vị có thể dùng để thay thế hoặc yêu cầu một sự ngoại lệ.

Chúng tôi sẽ dài thọ một số lượng thuốc cho 30 ngày nếu:

- Quý vị đang sử dụng một loại thuốc không nằm trong Danh Sách Thuốc của chúng tôi, **hoặc**
- Các quy định của chương trình y tế không cho quý vị nhận được số lượng thuốc mà nhà cho toa thuốc của quý vị yêu cầu, **hoặc**
- Thuốc đòi hỏi phải có sự chấp thuận trước của OneCare Connect, **hoặc**
- Quý vị đang sử dụng một loại thuốc có giới hạn trị liệu từng bước.

Nếu quý vị sống trong một viện dưỡng lão hoặc cơ sở chăm sóc dài hạn, quý vị có thể lấy thêm thuốc theo toa trong thời gian lên đến 98 ngày. Quý vị có thể lấy thêm thuốc nhiều lần trong 90 ngày đầu ở trong chương trình. Điều này giúp cho nhà cho toa thuốc của quý vị có thời gian để

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

thay đổi thuốc của quý vị sang loại thuốc có trong Danh Sách Thuốc hoặc để yêu cầu một sự ngoại lệ.

Nếu quý vị chuyển từ một hình thức điều trị này sang một hình thức điều trị khác, điều này gọi là Thay Đổi Về Mức Độ Chăm Sóc. Ví dụ như khi chuyển từ một bệnh viện chăm sóc cấp tính sang một cơ sở chăm sóc dài hạn; xuất viện về nhà; thôi không nằm trong nhà điều dưỡng chuyên môn được đài thọ bởi Phần A và đổi trở lại với đài thọ Phần D; từ bỏ tình trạng chăm sóc cho người bệnh ở giai đoạn cuối để trở lại với các phúc lợi Phần A và Phần B căn bản; không nằm trong cơ sở chăm sóc dài hạn nữa và trở về với cộng đồng; và xuất viện từ một bệnh viện tâm thần.

Nếu quý vị có sự Thay Đổi về Mức Độ Chăm Sóc, với mỗi loại thuốc không nằm trong danh sách của chúng tôi, hoặc nếu khả năng nhận các loại thuốc của quý vị có giới hạn, chúng tôi sẽ đài thọ một số lượng thuốc tạm thời cho 30 ngày (trừ khi toa thuốc của quý vị được viết cho ít ngày hơn) khi quý vị sử dụng một nhà thuốc trong hệ thống. Sau khi đã cung cấp thuốc cho 30 ngày đầu tiên, chúng tôi sẽ không trả tiền cho các loại thuốc này nữa. Trong trường hợp này, quý vị có hai lựa chọn:

- Yêu cầu Văn Phòng Dịch Vụ cung cấp một danh sách các loại thuốc như quý vị muốn. Sau đó đưa danh sách này cho bác sĩ hoặc người viết toa để họ có thể viết loại thuốc quý vị muốn theo như trong Danh Sách Thuốc. **Hoặc**
- Quý vị có thể yêu cầu chương trình y tế cho một sự ngoại lệ để đài thọ thuốc của quý vị. Xin xem câu hỏi 11 để biết thêm chi tiết cho sự ngoại lệ này.

11. Quý vị có thể yêu cầu một sự ngoại lệ để thuốc của quý vị được đài thọ không?

Có. Quý vị có thể yêu cầu OneCare Connect cho một sự ngoại lệ để đài thọ một loại thuốc không có trong Danh Sách Thuốc. Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi các quy định về thuốc của quý vị.

- Ví dụ, OneCare Connect có thể giới hạn số lượng của một loại thuốc mà chúng tôi sẽ đài thọ. Nếu thuốc của quý vị bị giới hạn, quý vị có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi mức giới hạn và đài thọ nhiều hơn.
- Các ví dụ khác: Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi bỏ những giới hạn về trị liệu từng bước hoặc những yêu cầu về việc chấp thuận trước.

12. Phải mất bao lâu mới có được sự ngoại lệ?

Trước hết, chúng tôi phải nhận được một văn bản của nhà cho toa thuốc ủng hộ yêu cầu về sự ngoại lệ của quý vị. Sau khi nhận được văn bản, chúng tôi sẽ có quyết định về yêu cầu ngoại lệ của quý vị trong vòng 72 tiếng.

Nếu quý vị hoặc nhà cho toa thuốc của quý vị nghĩ rằng sức khỏe của quý vị có thể bị tổn hại nếu phải chờ quyết định trong 72 tiếng, quý vị có thể yêu cầu một sự ngoại lệ khẩn cấp. Thủ tục cứu xét này sẽ nhanh hơn. Nếu nhà cho toa thuốc ủng hộ yêu cầu của quý vị, chúng tôi sẽ quyết định trong vòng 24 tiếng sau khi nhận được văn bản hỗ trợ của nhà cho toa thuốc của quý vị.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.



13. Làm thế nào để yêu cầu một sự ngoại lệ?

Để yêu cầu một sự ngoại lệ, xin gọi Văn Phòng Dịch Vụ. Văn Phòng Dịch Vụ sẽ làm việc với quý vị và nhà cung cấp dịch vụ để giúp quý vị yêu cầu một sự ngoại lệ.

14. Thuốc tương đương là gì?

Thuốc tương đương được chế tạo từ các thành phần giống như thuốc chính hiệu. Thuốc tương đương thường rẻ hơn so với thuốc chính hiệu và tên của thuốc tương đương thường ít được biết đến. Thuốc tương đương được sự chấp thuận của Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (Food and Drug Administration- FDA).

OneCare Connect đài thọ cả hai loại thuốc tương đương và chính hiệu.

15. Thuốc không cần toa là gì?

Thuốc Không Cần Toa (viết tắt là OTC, viết đầy đủ là over-the-counter). OneCare Connect đài thọ một số Thuốc Không Cần Toa khi các loại thuốc này được nhà cung cấp dịch vụ của quý vị kê toa.

Quý vị có thể xem Danh Sách Thuốc của OneCare Connect để biết các loại Thuốc Không Cần Toa nào được đài thọ.

16. OneCare Connect có đài thọ các sản phẩm không phải là thuốc và Không Cần Toa không?

OneCare Connect đài thọ một số sản phẩm không phải là thuốc và Không Cần Toa khi các sản phẩm này được nhà cung cấp dịch vụ của quý vị kê toa.

Quý vị có thể xem Danh Sách Thuốc của OneCare Connect để biết các sản phẩm không phải là thuốc và Không Cần Toa nào được đài thọ.

17. Tiền phụ phí của quý vị là bao nhiêu?

Quý vị có thể đọc Danh Sách Thuốc của OneCare Connect để biết thêm về tiền phụ phí cho mỗi loại thuốc.

Thành viên OneCare Connect đang sống trong viện dưỡng lão hoặc trong cơ sở chăm sóc dài hạn không phải trả tiền phụ phí. Một số thành viên được nhận sự chăm sóc dài hạn trong cộng đồng cũng không phải trả tiền phụ phí.

Tiền phụ phí được liệt kê theo bậc thuốc. Bậc thuốc là nhóm các loại thuốc có cùng một số tiền phụ phí.

- Các thuốc Bậc 1 là những loại thuốc tương đương. Tiền phụ phí sẽ từ \$0.00 đến \$3.35, tùy thuộc vào mức Giúp Đỡ Thêm.
- Các thuốc Bậc 2 là những loại thuốc chính hiệu. Tiền phụ phí sẽ từ \$0.00 đến \$8.35, tùy thuộc vào mức Giúp Đỡ Thêm.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng



www.caloptima.org/onecareconnect.

- Thuốc Bậc 3 là những loại thuốc không thuộc Medicare. Đây là những loại thuốc được đài thọ bởi Medi-Cal. Tiền phụ phí sẽ là \$0.00.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.



Danh Sách Thuốc được Đãi Thọ

Danh Sách Thuốc được Đãi Thọ bắt đầu từ trang 16 Danh Sách Thuốc theo Tình Trạng Y Tế

sẽ cung cấp cho quý vị thông tin về các loại thuốc được OneCare Connect đãi thọ. Nếu quý vị gặp khó khăn khi tìm thuốc của quý vị trong danh sách, xin lật sang phần Mục Lục bắt đầu sau Danh Sách các loại thuốc theo tình trạng y tế 162.

Cột đầu tiên của danh sách liệt kê tên của thuốc. Tên thuốc chính hiệu được viết bằng chữ hoa (ví dụ như DEPAKOTE) và tên thuốc tương đương được viết bằng chữ thường và nghiêng (ví dụ như *amoxicillin*).

Các thông tin trong cột “Hành động cần thiết, hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng” cho quý vị biết là OneCare Connect có bất cứ quy định đãi thọ nào cho thuốc của quý vị.

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về các dấu hiệu và từ viết tắt trong bảng này ở trang 13.

Xin lưu ý: Dấu hoa thị (*) kế bên một loại thuốc cho biết loại thuốc này không phải là “thuốc Phần D”. Quý vị không phải trả tiền phụ phí cho các loại thuốc này. Các loại thuốc này cũng có các quy luật khiếu nại khác. Khiếu nại là một hành động chính thức để yêu cầu chúng tôi duyệt xét lại quyết định của chúng tôi về sự đãi thọ cho quý vị và để thay đổi quyết định này nếu quý vị nghĩ rằng chúng tôi đã sai sót. Ví dụ, chúng tôi có thể quyết định rằng một loại thuốc quý vị muốn sử dụng không được đãi thọ hoặc không còn được đãi thọ bởi Medicare hoặc Medi-Cal. Nếu quý vị hoặc bác sĩ của quý vị không đồng ý với quyết định của chúng tôi, quý vị có thể khiếu nại. Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số **1-855-705-8823**. Quý vị cũng có thể đọc Cẩm Nang Thành Viên để biết cách khiếu nại một quyết định.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.



Danh Sách Các Từ Viết Tắt

Bảng sau đây là ý nghĩa của các từ viết tắt được sử dụng trong cột “Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng”.

Các Hạn Chế của Văn Phòng Quản Trị Y Tế

Chữ Viết Tắt	Sự Diễn Tả	Sự Giải Thích
PA	Giới Hạn của Sự Cho Phép Trước	Quý vị (hoặc bác sĩ của quý vị) được yêu cầu phải có sự cho phép trước từ OneCare Connect trước khi quý vị lấy thuốc theo toa. Không có sự chấp thuận trước, OneCare Connect có thể không đài thọ cho loại thuốc này.
PA BvD	Giới Hạn của Sự Cho Phép Trước Về Mặt Quản Trị Phần B so với Phần D	Loại thuốc này có thể đủ tiêu chuẩn được chi trả bởi Medicare Phần B hoặc Phần D. Quý vị (hoặc bác sĩ của quý vị) được yêu cầu phải có sự cho phép trước từ OneCare Connect để xác định rằng loại thuốc này được đài thọ bởi Medicare Phần D trước khi quý vị lấy loại thuốc theo toa này. Không có sự chấp thuận trước, OneCare Connect có thể không đài thọ cho loại thuốc này.
PA-HRM	Giới Hạn của Sự Cho Phép Trước cho Những Loại Thuốc Có Nguy Cơ Cao	Loại thuốc này được đánh giá bởi Trung Tâm Các Dịch Vụ của Medicare và Medicaid (CMS) về khả năng gây hại và do đó, Thuốc Có Nguy Cơ Cao cho người thụ hưởng Medicare 65 tuổi trở lên. Các thành viên 65 tuổi trở lên được yêu cầu phải có sự cho phép trước từ OneCare Connect trước khi quý vị lấy loại thuốc theo toa này. Không có sự chấp thuận trước, OneCare Connect có thể không đài thọ cho loại thuốc này.
PA NSO	Giới Hạn của Sự Cho Phép Trước cho Những Thành Viên Mới Bắt Đầu	Nếu quý vị là thành viên mới hoặc nếu trước đây quý vị chưa lấy loại thuốc này, quý vị (hoặc bác sĩ của quý vị) được yêu cầu phải có sự cho phép trước từ OneCare Connect trước khi quý vị lấy loại thuốc theo toa này. Không có sự chấp thuận trước, OneCare Connect có thể không đài thọ cho loại thuốc này.
QL	Giới Hạn Số Lượng	OneCare Connect giới hạn số lượng của loại thuốc được đài thọ theo từng toa thuốc, hoặc trong khoảng thời gian quy định.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.



Chữ Viết Tắt	Sự Diễn Tả	Sự Giải Thích
ST	Giới Hạn Trị Liệu Từng Giai Đoạn	Trước khi OneCare Connect cung cấp sự đài thọ cho loại thuốc này, quý vị phải sử dụng thử một loại thuốc khác để điều trị trường hợp bệnh của quý vị. Loại thuốc này chỉ được đài thọ khi (những) loại thuốc khác không có tác dụng đối với quý vị.

Các Yêu Cầu Đặc Biệt Khác Cho Sự Đài Thọ

Chữ Viết Tắt	Sự Diễn Tả	Sự Giải Thích
LA	Giới Hạn Tiếp Nhận Thuốc	Thuốc theo toa này có thể chỉ có tại một số nhà thuốc nhất định. Để biết thêm chi tiết, xin tham khảo Danh Sách Các Nhà Thuốc hoặc gọi Văn Phòng Dịch Vụ ở số 1-855-705-8823 , 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY nên gọi số 1-800-735-2929 .
*	Không phải là một Thuốc Phân D	Thuốc này không phải là một Thuốc Phân D, hoặc một thuốc hoặc sản phẩm thuốc không cần toa.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect.



Danh Sách Thuốc theo Tình Trạng Y Tế

Những thuốc trong phần này được nhóm lại thành các loại tùy vào loại tình trạng y tế mà thuốc được dùng để chữa trị. Ví dụ, nếu quý vị có một tình trạng về tim, quý vị nên xem trong loại “Cardiovascular Agents” (nghĩa là “Thuốc về Tim”) và đây là nơi quý vị sẽ tìm thấy những thuốc chữa các tình trạng về tim.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.



Analgesics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>acetaminop-codeine 120-12 mg/5</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (5000 per 30 days)
<i>acetaminophen-codeine (#2 tablet, #3 tablet, #4 tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>aspirin 325 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (100 per 30 days)
<i>aspirin 325 mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>aspirin 81 mg tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>aspirin 81 mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine 50-325-40 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
ENDOCET (5-325 TABLET, 7.5-325 MG TABLET, 10-325 MG TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>fentanyl 12 mcg/hr patch</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (10 per 30 days)
<i>hydrocodone-acetaminophen (hydrocodon-acetaminoph 7.5-325, hydrocodon-acetaminophen 5-325, hydrocodon-acetaminophn 10-325, hydrocodone-acetamin 5-325 mg, hydrocodone-acetamin 7.5-325, hydrocodone-acetamin 10-325 mg)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5-200</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Analgesics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>ibuprofen 200 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>oxycodone-acetaminophen (oxycodon-acetaminophen 7.5-325, oxycodone-acetaminophen 5-325, oxycodone-acetaminophen 10-325)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>oxycodone-aspirin 4.8355-325</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (360 per 30 days)
<i>celecoxib (50 mg capsule, 100 mg capsule, 200 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>celecoxib 400 mg capsule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>diclofenac pot 50 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>diclofenac sod er 100 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>diclofenac sodium (dr 25 mg tab, dr 50 mg tab, dr 75 mg tab, ec 25 mg tab, ec 50 mg tab, ec 75 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>diclofenac sodium 1% gel</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>etodolac (200 mg capsule, 300 mg capsule, 400 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Analgesics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
FLECTOR 1.3% PATCH	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
IBU (400 MG TABLET, 600 MG TABLET, 800 MG TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ibuprofen (100 mg/5 ml susp, 400 mg tablet, 600 mg tablet, 800 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>indomethacin 25 mg capsule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
<i>indomethacin 50 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>meloxicam (7.5 mg tablet, 15 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>nabumetone (500 mg tablet, 750 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>naproxen (125 mg/5 ml suspen, 250 mg tablet, 375 mg tablet, dr 375 mg tablet, dr 500 mg tablet, 500 mg kit, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
PENNSAID (2% PUMP, 2% SOLUTION PACKET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (112 per 30 days)
<i>piroxicam (10 mg capsule, 20 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Analgesics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>sulindac (150 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (28 per 14 days)
<i>buprenorphine 0.3 mg/ml crpjct</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>fentanyl (25 patch, 50 patch, 75 patch, 100 patch)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (10 per 30 days)
KADIAN ER 200 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>levorphanol 2 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>methadone hcl (5 mg tablet, 10 mg/ml vial, 10 mg tablet, 200 mg/20 ml vl)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>methadone hcl (5 mg/5 ml solution, 10 mg/5 ml solution)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>morphine sulfate (2 mg/ml isecure syr, 2 mg/ml carpuject, 4 mg/ml carpuject, 4 mg/ml isecure syr, 5 mg/ml syringe, 8 mg/ml carpuject, 8 mg/ml isecure syrng, 10 mg/ml isecure syrg, 10 mg/ml carpuject, sulf 20 mg/5 ml soln)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>morphine sulfate er (er 10 mg cap, er 20 mg cap, er 30 mg cap, er 50 mg cap, er 60 mg cap, er 80 mg cap)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Analgesics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>morphine sulfate er (sulf er 100 mg tablet, sulf er 200 mg tablet, sulfate er 120 mg cap)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>morphine sulfate er (sulf er 15 mg tablet, sulf er 30 mg tablet, sulf er 60 mg tablet, sulfate er 45 mg cap, sulfate er 75 mg cap, sulfate er 90 mg cap)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>morphine sulfate er 100 mg cap</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>oxycodone hcl er (er 10 mg tablet, er 15 mg tablet, er 20 mg tablet, er 30 mg tablet, er 40 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>oxycodone hcl er (er 60 mg tablet, er 80 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
OXYCONTIN (ER 10 MG TABLET, ER 15 MG TABLET, ER 20 MG TABLET, ER 30 MG TABLET, ER 40 MG TABLET, ER 60 MG TABLET, ER 80 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>oxymorphone hcl er (er 5 mg tablet, er 10 mg tab, er 15 mg tab, er 20 mg tab, er 30 mg tab, er 40 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>oxymorphone hcl er 7.5 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Analgesics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>codeine sulfate (15 mg tablet, 30 mg tablet, 60 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
DURAMORPH (5 MG/10 ML AMPUL, 10 MG/10 ML AMPUL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>fentanyl citrate (cit 1,200 mcg, cit 1,600 mcg, citrate 200 mcg, citrate 400 mcg, citrate 600 mcg, citrate 800 mcg)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (180 per 30 days)
<i>hydromorphone hcl (1 mg/ml solution, 2 mg tablet, 4 mg tablet, 5 mg/5 ml soln, 8 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>meperidine hcl (25 mg/ml vial, 50 mg/5 ml solution, 50 mg/ml vial, 100 mg/ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>morphine sulfate (sulf 10 mg/5 ml soln, sulf 100 mg/5 ml soln, sulfate ir 15 mg tab, sulfate ir 30 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>nalbuphine hcl (10 mg/ml ampul, 20 mg/ml ampul, 100 mg/10 ml vial, 200 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>oxycodone hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 15 mg tablet, 20 mg tablet, 30 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>oxycodone hcl (5 mg/5 ml soln, 5 mg capsule, 100 mg/5 ml soln)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>oxymorphone hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Analgesics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>tramadol hcl 50 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)

Anesthetics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>lidocaine 5% patch</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>lidocaine 2% viscous soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>lidocaine hcl (0.5% vial, 2% vial, 2% 100 mg/5 ml, 2% jelly, 4% solution)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>lidocaine-prilocaine cream</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anti-Addiction/Substance Abuse Treatment Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>acamprosate calc dr 333 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>disulfiram (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>naltrexone 50 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>buprenorphine 0.3 mg/ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
NICOTROL CARTRIDGE INHALER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (504 per 30 days)
NICOTROL NS 10 MG/ML SPRAY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (504 per 30 days)
<i>buprenorphin-naloxon 8-2 mg sl</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>buprenorphine hcl (2 mg tablet, 8 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>buprenorphin-naloxon 2-0.5 mg sl</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
NARCAN 4 MG NASAL SPRAY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)
VIVITROL (380 MG VIAL, 380 MG VIAL + DILUENT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anti-Addiction/Substance Abuse Treatment Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
EVZIO 2 MG AUTO-INJECTOR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (0.8 per 30 days)
<i>naloxone hcl (0.4 mg/ml vial, 0.4 mg/ml carpject, 2 mg/2 ml syringe, 4 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>bupropion hcl sr 150 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
CHANTIX (0.5 MG TABLET, 1 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
CHANTIX 1 MG CONT MONTH BOX	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (56 per 28 days)
CHANTIX STARTING MONTH BOX	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (53 per 28 days)
<i>nicotine 14mg/24hr patch td24*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (28 per 28 days)
<i>nicotine 21 mg/24hr patch td24*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (28 per 28 days)
<i>nicotine 21-14-7mg patch dysq*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (28 per 28 days)
<i>nicotine 7mg/24hr patch td24*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (28 per 28 days)
<i>nicotine polacrilex 2 mg gum*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)
<i>nicotine polacrilex 2 mg lozenge*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)
<i>nicotine polacrilex 4 mg gum*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)
<i>nicotine polacrilex 4 mg lozenge*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>amikacin sulf 500 mg/2 ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>gentamicin sulfate (0.1% cream, 0.1% ointment, 0.3% eye drop, 3 mg/ml eye drop, 40 mg/ml vial, 80 mg/2 ml vial, 800 mg/20 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>gentamicin sulfate in ns (isoton 60 mg/50 ml, 60 mg/ns 50 ml pb, iso 100 mg/100 ml, isoton 80 mg/50 ml, 80 mg/ns 100 ml pb, isoton 80 mg/100 ml, 80 mg/ns 50 ml pb, 100 mg/ns 100 ml)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>neomycin 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>paromomycin 250 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>streptomycin sulf 1 gm vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TOBRADEX EYE OINTMENT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (7 per 30 days)
<i>tobramycin 0.3% eye drop</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>tobramycin sulfate (1.2 gram/30 ml vial, 10 mg/ml vial, 40 mg/ml vial, 80 mg/2 ml vial, 1,200 mg/30 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
TOBREX 0.3% EYE OINTMENT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>amoxicillin 250 mg/5 ml susp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>azithromycin 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (3 per 30 days)
<i>azithromycin i.v. 500 mg vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cefotetan (1 gm vial, 2 gm vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ceftriaxone (2 gm vial, 2 gm add vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cefuroxime sodium (1.5 gm vial, 750 mg vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ciprofloxacin-d5w (ciprofloxacin-d5w 200 mg/100 ml, ciprofloxacin-d5w 400 mg/200 ml)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>clindamycin phosphate (150 mg/ml addvan, ph 300 mg/2 ml vl, ph 900 mg/6 ml vl, 900 mg/6 ml addvan)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>colistimethate 150 mg vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>daptomycin 500 mg vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>doxycycline hyclate (50 mg cap, 100 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>doxycycline hyclate 100 mg cap</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>doxycycline monohydrate (25 mg/5 ml susp, mono 75 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ERYTHROCIN LACTOBIONATE (500 MG VIAL, 500 MG ADDVNT VL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>imipenem-cilastatin 500 mg vl</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>levofloxacin (500 mg/20 ml vial, 750 mg/30 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>levofloxacin 500 mg/100 ml-d5w</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>lincomycin hcl (3 gm/10 ml vial, 600 mg/2 ml vl)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>linezolid 600 mg/300 ml-d5w</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>neomycin-polymyxin b (40 mg/ml vl, 40 mg/ml amp)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>piperacil-tazobact 40.5 gram</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SYNERCID 500 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>vancomycin hcl (hcl 250 mg vial, 500 mg vial, 500 mg a-v vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>acetic acid 2% ear solution</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>bacitracin (500 unit/gm ophth, 50,000 unit vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
BACTROBAN NASAL 2% OINTMENT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>benznidazole (12.5 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA, QL (240 per 365 days)
<i>chloramphen na succ 1 gm vl</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
CLEOCIN 100 MG VAGINAL OVULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>clindamycin 75 mg/5 ml soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>clindamycin hcl (150 mg capsule, 300 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>clindamycin hcl 75 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>clindamycin pediater 75 mg/5 ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>clindamycin phosphate (9 g/60 ml vial, 300 mg/2 ml vial, 600 mg/4 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>clindamycin phosphate (ph 1% solution, ph 1% gel, phos 1% pledget, phosp 1% lotion, 2% vaginal cream)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>clindamycin phosphate-d5w (clindamycin-d5w 900 mg/50 ml, clindamycin-d5w 600 mg/50 ml, clindamycin-d5w 300 mg/50 ml)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DALVANCE 500 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>linezolid (100 mg/5 ml susp, 600 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>metronidazole (0.75% lotion, topical 0.75% gel, 0.75% cream, topical 1% gel, vaginal 0.75% gel, 500 mg/100 ml)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>metronidazole (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
MONUROL 3 GM SACHET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>mupirocin 2% cream</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>mupirocin 2% ointment</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>nitrofurantoin (25 mg/5 ml susp, mcr 25 mg cap, mcr 50 mg cap, mcr 100 mg cap)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
<i>nitrofurantoin mono-mcr 100 mg</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
ORBACTIV 400 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (3 per 30 days)
<i>polymyxin b sulfate vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SIVEXTRO (200 MG TABLET, 200 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (6 per 30 days)
SOLOSEC 2 GM GRANULE PACKET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SULFAMYLON 8.5% CREAM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>tigecycline 50 mg vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>tinidazole (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>trimethoprim 100 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>vancomycin hcl (1 gm vial, 1 gm add-van vial, hcl 5 gm vial, hcl 10 gm vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>vancomycin hcl 125 mg capsule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (160 per 30 days)
XIFAXAN (200 MG TABLET, 550 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AVYCAZ 2.5 GRAM VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>cefaclor (250 mg capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cefadroxil (1 gm tablet, 250 mg/5 ml susp, 500 mg/5 ml susp, 500 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cefazolin sodium (1 gm vial, 10 gm vial, 500 mg vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cefazolin sodium-0.9% nacl (cefazolin-0.9% 2 g/100 ml, cefazolin 2 g/100 ml-0.9%)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>cefdinir (125 mg/5 ml susp, 250 mg/5 ml susp, 300 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cefepime hcl (1 gm vial, 2 gram vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>cefixime (100 mg/5 ml susp, 200 mg/5 ml susp)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cefotaxime sodium (1 gm vial, 2 gm vial, 500 mg vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cefoxitin (1 gm vial, 2 gm vial, 10 gm vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cefpodoxime proxetil (50 mg/5 ml susp, 100 mg/5 ml susp, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cefprozil (125 mg/5 ml susp, 250 mg tablet, 250 mg/5 ml susp, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ceftazidime (1 gm vial, 2 gm vial, 6 gm vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ceftriaxone (1 gm vial, 10 gm vial, 250 mg vial, 500 mg vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cefuroxime (250 mg tab, 500 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cefuroxime sod 7.5 gm vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cephalexin (125 mg/5 ml susp, 250 mg/5 ml susp, 250 mg capsule, 250 mg tablet, 500 mg tablet, 500 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SUPRAX 400 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TEFLARO (400 MG VIAL, 600 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ZERBAXA 1.5 GRAM VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AZACTAM 2 GM VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
AZACTAM-ISO-OSMOT 2 GM/50 ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>aztreonam 1 gm vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ertapenem 1 gram vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>imipenem-cilastatin 250 mg vl</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
INVANZ 1 GM VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>meropenem (iv 1 gm vial, iv 500 mg vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
VABOMERE 2 GRAM VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>amoxicillin (125 mg/5 ml susp, 125 mg tab chew, 250 mg capsule, 250 mg tab chew, 500 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>amoxicillin (200 mg/5 ml susp, 400 mg/5 ml susp, 500 mg tablet, 875 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>amoxicillin-clavulanate potass (200-28.5 mg tab chew, 400-57 mg tab chew)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>amoxicillin-clavulanate potass (200-28.5 mg/5 ml sus, 250-62.5 mg/5 ml sus, 250-125 mg tablet, 400-57 mg/5 ml susp, 500-125 mg tablet, 600-42.9 mg/5 ml sus, 875-125 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>ampicillin 500 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ampicillin sodium (1 gm vial, 10 gm bottle, 10 gm vial, 125 mg vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ampicillin-sulbactam (1.5 gm vl, 3 gm vial, 15 gm vl)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
BICILLIN C-R (1.2 MILLION UNIT, 900-300 SYRINGE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
BICILLIN L-A (600,000 UNIT/ML, 1,200,000 UNITS, 2,400,000 UNITS)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>dicloxacillin sodium (250 mg capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>naftillin sodium (1 gm vial, 10 gm bulk vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>oxacillin (1 50 ml inj, 2 50 ml inj)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>oxacillin sodium (1 gm add-vantage vl, 1 gm vial, 10 gm vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>pen g 1.2 million unit/2 ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>penicillin g na 5 million unit</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>penicillin g potassium (g k 5 million, gk 20 million)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>penicillin gk-iso-osm dextrose (pen g 2 million unit/50 ml, pen g 3 million unit/50 ml)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>penicillin v potassium (125 mg/5 ml soln, 250 mg tablet, 250 mg/5 ml soln, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>piperacillin-tazobactam (piperacil-tazo 2.25 gm add vl, piperacil-tazobact 2.25 gm vl, piperacil-tazobact 3.375 gm vl, piperacil-tazobact 4.5 gm vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
AZASITE 1% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>azithromycin (1 gm pwd packet, 200 mg/5 ml susp)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>azithromycin 100 mg/5 ml susp</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>azithromycin 250 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (8 per 30 days)
<i>azithromycin 250 mg tablet (dose pack)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (6 per 30 days)
<i>azithromycin 500 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
<i>azithromycin 600 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>clarithromycin (125 mg/5 ml sus, 250 mg/5 ml sus)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>clarithromycin (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>erythromycin (0.5% eye ointment, 2% solution, 250 mg filmtab, 500 mg filmtab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>erythromycin 2% gel</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BAXDELA (300 MG VIAL, 450 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (28 per 14 days)
BESIVANCE 0.6% SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (5 per 30 days)
CILOXAN 0.3% OINTMENT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>ciprofloxacin (250 mg/5 ml susp, 500 mg/5 ml susp)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ciprofloxacin 0.3% eye drop</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>ciprofloxacin hcl (100 mg tab, 250 mg tab, 500 mg tab, 750 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>gatifloxacin 0.5% eye drops</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>levofloxacin (25 mg/ml solution, 250 mg/10 ml soln, 500 mg/20 ml soln)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>levofloxacin (250 mg tablet, 500 mg tablet, 750 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (28 per 14 days)
<i>levofloxacin 0.5% eye drops</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>levofloxacin 750 mg/150 ml-d5w</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>moxifloxacin 0.5% eye drops</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>ofloxacin (0.3% ear drops, 0.3% eye drops, 300 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SILVADENE 1% CREAM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>silver sulfadiazine 1% cream</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>sodium sulfacetamide 10% lot</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SSD 1% CREAM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>sulfacetamide sodium (10% drops, 10% ointment)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>sulfacetamide sodium (sod 10% top susp, sodium 10% lotn)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>sulfadiazine 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim (ds tablet, inj vial, ss tablet, susp)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>demeclocycline hcl (150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antibacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DOXY 100 VIAL	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>doxycycline hyclate (hyc 100 mg vial, hyclate 100 mg vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>doxycycline mono 100 mg cap</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>doxycycline monohydrate (50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>minocycline hcl (50 mg capsule, 75 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
VIBRAMYCIN 50 MG/5 ML SYRUP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Anticonvulsants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>diazepam 20 mg rectal gel syst</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>fosphenytoin 100 mg pe/2 ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anticonvulsants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>phenytoin sodium (50 mg/ml vial, 50 mg/ml ampul, 100 mg/2 ml vial, 250 mg/5 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
BRIVIACT (10 MG TABLET, 25 MG TABLET, 50 MG TABLET, 75 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
BRIVIACT 10 MG/ML ORAL SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (600 per 30 days)
BRIVIACT 50 MG/5 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (80 per 4 days)
EPIDIOLEX 100 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>levetiracetam (100 mg/ml soln, 250 mg tablet, 500 mg/5 ml vial, 500 mg tablet, 750 mg tablet, 1,000 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>levetiracetam er 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
<i>levetiracetam er 750 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>levetiracetam-nacl (500 mg/100, 1,000mg/100, 1,500mg/100)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SPRITAM (250 MG TABLET, 500 MG TABLET, 750 MG TABLET, 1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anticonvulsants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CELONTIN 300 MG KAPSEAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>ethosuximide 250 mg capsule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>ethosuximide 250 mg/5 ml soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LYRICA (150 MG CAPSULE, 200 MG CAPSULE, 225 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
LYRICA (25 MG CAPSULE, 50 MG CAPSULE, 75 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
LYRICA 20 MG/ML ORAL SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (960 per 30 days)
<i>zonisamide (25 mg capsule, 50 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>clobazam (2.5 mg/ml suspension, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>clonazepam (0.125 mg odt, 0.125 mg dis tab, 0.25 mg odt, 0.5 mg dis tablet, 0.5 mg odt, 1 mg odt, 1 mg dis tablet, 2 mg odt)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>clonazepam (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anticonvulsants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>clonazepam 2 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (300 per 30 days)
<i>clorazepate dipotassium (3.75 mg tablet, 7.5 mg tablet, 15 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
DIASTAT 2.5 MG PEDI SYSTEM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
DIASTAT ACUDIAL (5-7.5-10 MG KT, 12.5-15-20 MG)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>divalproex dr 125 mg cap sprnk</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>divalproex sodium (dr 125 mg tab, dr 250 mg tab, dr 500 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>divalproex sodium er (er 250 mg tab, er 500 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>gabapentin (100 mg capsule, 300 mg capsule, 600 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
<i>gabapentin 250 mg/5 ml soln</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (2400 per 30 days)
<i>gabapentin 400 mg capsule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (300 per 30 days)
<i>gabapentin 800 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anticonvulsants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GABITRIL 12 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
ONFI (2.5 MG/ML SUSPENSION, 10 MG TABLET, 20 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>phenobarbital (15 mg tablet, 16.2 mg tablet, 20 mg/5 ml soln, 20 mg/5 ml elix, 30 mg tablet, 32.4 mg tablet, 60 mg tablet, 64.8 mg tablet, 97.2 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>primidone (50 mg tablet, 250 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SABRIL 500 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>tiagabine hcl (12 mg tablet, 16 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
<i>tiagabine hcl (2 mg tablet, 4 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>valproate sod 500 mg/5 ml vl</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>valproic acid (250 mg/5 ml soln, 250 mg capsule, 500 mg/10 ml sol)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>vigabatrin 500 mg powder packt</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anticonvulsants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>felbamate (400 mg tablet, 600 mg tablet, 600 mg/5 ml susp)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
FYCOMPA (8 MG TABLET, 10 MG TABLET, 12 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
FYCOMPA 0.5 MG/ML ORAL SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (680 per 28 days)
FYCOMPA 2 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (180 per 30 days)
FYCOMPA 4 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
FYCOMPA 6 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>lamotrigine (5 mg disper tablet, 25 mg disper tab, 25 mg tablet, 25 mg tb start kit, 100 mg tablet, 150 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>lamotrigine tab start kit-blue</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>lamotrigine tab start kt-green</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>lamotrigine tab start kt-orang</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anticonvulsants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SUBVENITE (25 MG TABLET, 100 MG TABLET, 150 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SUBVENITE TAB START KIT (BLUE)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SUBVENITE TAB START KIT(GREEN)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SUBVENITE TAB START KT(ORANGE)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>topiramate (15 mg cap, 25 mg cap)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>topiramate (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
APTIOM (200 MG TABLET, 400 MG TABLET, 600 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
APTIOM 800 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
BANZEL (40 MG/ML SUSPENSION, 200 MG TABLET, 400 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>carbamazepine (100 mg/5 ml susp, 100 mg tab chew, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>carbamazepine er (er 100 mg cap, er 100 mg tablet, er 200 mg cap, er 200 mg tablet, er 300 mg cap, er 400 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anticonvulsants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DILANTIN (30 MG CAPSULE, 50 MG INFATAB, 100 MG CAPSULE)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DILANTIN 125 MG/5 ML SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>oxcarbazepine (150 mg tablet, 300 mg tablet, 600 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>oxcarbazepine 300 mg/5 ml susp</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PEGANONE 250 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PHENYTEK (200 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>phenytoin (50 mg infatab, 50 mg tablet chew)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>phenytoin 125 mg/5 ml susp</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>phenytoin sodium extended (ext 100 mg cap, ext 200 mg cap, ext 300 mg cap)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
VIMPAT (10 MG/ML SOLUTION, 200 MG/20 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VIMPAT (50 MG TABLET, 100 MG TABLET, 150 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antidementia Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>ergoloid mesylates 1 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>donepezil hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>donepezil hcl odt (odt 5 mg tablet, odt 10 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>galantamine 4 mg/ml oral soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>galantamine er (er 8 mg capsule, er 16 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>galantamine er 24 mg capsule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>galantamine hbr (4 mg tablet, 8 mg tablet, 12 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>rivastigmine (1.5 mg capsule, 3 mg capsule, 4.5 mg capsule, 6 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>rivastigmine (4.6 mg/24hr patch, 9.5 mg/24hr patch, 13.3 mg/24hr ptch)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>memantine hcl (hcl 5 mg tablet, 5-10 mg titration pk, hcl 10 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>memantine hcl 2 mg/ml solution</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (480 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antidementia Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>memantine hcl er (er 14 mg capsule, er 21 mg capsule, er 28 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>memantine hcl er 7 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
NAMENDA XR TITRATION PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (28 per 28 days)

Antidepressants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>olanzapine-fluoxetine hcl (3-25 mg, 6-25 mg, 6-50 mg, 12-25 mg, 12-50 mg)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>perphenazine-amitriptyline (2 mg-25 mg tab, 2 mg-10 mg tab, 4 mg-50 mg tab, 4 mg-25 mg tab, 4 mg-10 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>bupropion hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>bupropion hcl 75 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>bupropion hcl sr (sr 100 mg tablet, sr 150 mg tablet, sr 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antidepressants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>bupropion xl (150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>mirtazapine (15 mg odt, 30 mg odt, 45 mg odt)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>mirtazapine (7.5 mg tablet, 15 mg tablet, 30 mg tablet, 45 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
EMSAM (6 MG/24 PATCH, 9 MG/24 PATCH, 12 MG/24 PATCH)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
MARPLAN 10 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>phenelzine sulfate 15 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>tranylcypromine sulf 10 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>citalopram hbr (10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>citalopram hbr 10 mg/5 ml soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (600 per 30 days)
<i>desvenlafaxine er 100 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
<i>desvenlafaxine er 50 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antidepressants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>desvenlafaxine succinate er 100 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
<i>desvenlafaxine succinate er (er 25 mg tb, er 50 mg tb)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>duloxetine hcl (dr 20 mg cap, dr 30 mg cap, dr 60 mg cap)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>escitalopram oxalate (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>escitalopram oxalate 5 mg/5 ml</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
FETZIMA (ER 20 MG CAPSULE, ER 40 MG CAPSULE, ER 80 MG CAPSULE, ER 120 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
FETZIMA 20-40 MG TITRATION PAK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (28 per 28 days)
<i>fluoxetine 20 mg/5 ml solution</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (600 per 30 days)
<i>fluoxetine hcl (10 mg tablet, 10 mg capsule, 40 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>fluoxetine hcl (20 mg tablet, 20 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antidepressants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>fluvoxamine maleate (25 mg tab, 50 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>fluvoxamine maleate 100 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
<i>maprotiline hcl (25 mg tablet, 50 mg tablet, 75 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>nefazodone hcl (50 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet, 200 mg tablet, 250 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>paroxetine hcl (10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>paroxetine hcl 30 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
PAXIL 10 MG/5 ML SUSPENSION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>sertraline hcl (20 mg/ml oral soln, 20 mg/ml oral conc)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (300 per 30 days)
<i>sertraline hcl (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>sertraline hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>trazodone hcl (50 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antidepressants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
TRINTELLIX (5 MG TABLET, 10 MG TABLET, 20 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>venlafaxine hcl (25 mg tablet, 37.5 mg tablet, 50 mg tablet, 75 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>venlafaxine hcl er (er 37.5 mg cap, er 75 mg cap, er 150 mg cap)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>venlafaxine hcl er (er 37.5 mg tab, er 75 mg tab, er 225 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
<i>venlafaxine hcl er 150 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
VIIBRYD (10 MG TABLET, 10-20 MG STARTER PACK, 20 MG TABLET, 40 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>amitriptyline hcl (10 mg tab, 25 mg tab, 50 mg tab, 75 mg tab, 100 mg tab, 150 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>amoxapine (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>clomipramine hcl (25 mg capsule, 50 mg capsule, 75 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>desipramine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 75 mg tablet, 100 mg tablet, 150 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antidepressants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>doxepin hcl (10 mg capsule, 10 mg/ml oral conc, 25 mg capsule, 50 mg capsule, 75 mg capsule, 100 mg capsule, 150 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>imipramine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>nortriptyline 10 mg/5 ml soln</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>nortriptyline 20 mg/10 ml soln</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>nortriptyline hcl (10 mg cap, 25 mg cap, 50 mg cap, 75 mg cap)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>protriptyline hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>trimipramine maleate (25 mg cap, 50 mg cap)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
<i>trimipramine maleate 100 mg cp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antiemetics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ALOXI 0.25 MG/5 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>aprepitant (80 mg capsule, 125 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA, QL (12 per 30 days)
<i>aprepitant 125-80-80 mg pack</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>aprepitant 40 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA, QL (10 per 30 days)
<i>granisetron hcl 4 mg/4 ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>palonosetron hcl (0.25 mg/5 ml vial, 0.25 mg/2 ml vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>diphenhydramine hcl (50 mg/ml syrng, 50 mg/ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>meclizine hcl (12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>metoclopramide hcl (5 mg tablet, 5 mg/5 ml soln, 10 mg/2 ml vial, 10 mg/10 ml sol, 10 mg/2 ml syr, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>prochlorperazine 10 mg/2 ml vl</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antiemetics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>prochlorperazine 25 mg supp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>prochlorperazine maleate (5 mg tablet, 10 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>promethazine hcl (6.25 mg/5 ml soln, 6.25 mg/5 ml syrp, 12.5 mg tablet, 12.5 mg suppos, 25 mg tablet, 25 mg/ml ampul, 25 mg/ml vial, 25 mg suppository, 50 mg/ml ampul, 50 mg/ml vial, 50 mg tablet, 50 mg suppository)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>scopolamine 1 mg/3 day patch</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (10 per 30 days)
<i>trimethobenzamide 300 mg cap</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
CESAMET 1 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>dronabinol (2.5 mg capsule, 5 mg capsule, 10 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>granisetron hcl (0.1 mg/ml vial, 1 mg/ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>granisetron hcl 1 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>ondansetron hcl (4 mg tablet, 8 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antiemetics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>ondansetron hcl (hcl 4 mg/2 ml amp, 4 mg/2 ml isecure, 4 mg/5 ml solution, hcl 4 mg/2 ml syr, hcl 4 mg/2 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ondansetron hcl 24 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>ondansetron odt (odt 4 mg tablet, odt 8 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
SYNDROS 5 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)

Antifungals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ABELCET 100 MG/20 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AMBISOME 50 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>amphotericin b 50 mg vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>caspofungin acetate (50 mg vial, 70 mg vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antifungals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>ciclopirox (0.77% topical susp, 0.77% cream, 8% solution)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>clotrimazole (1% cream, 10 mg troche)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>econazole nitrate 1% cream</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ERAXIS (WATER DILUENT) (DIL) 50 MG VIAL, DIL) 100 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>fluconazole (10 mg/ml susp, 40 mg/ml susp, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>fluconazole 150 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
<i>fluconazole in saline (200 mg/100 ml, 400 mg/200 ml)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>fluconazole-nacl (200 mg/100 ml, 400 mg/200 ml)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>flucytosine (250 mg capsule, 500 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>griseofulvin (125 mg/5 ml susp, micro 500 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>griseofulvin ultramicrosize (125 mg tab, 250 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antifungals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>itraconazole 10 mg/ml solution</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>itraconazole 100 mg capsule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>ketoconazole (2% cream, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ketoconazole 2% shampoo</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>miconazole 3 200 mg vag supp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
MYCAMINE (50 MG VIAL, 100 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>naftifine hcl (1% cream, 2% cream)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
NATACYN EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
NOXAFIL (40 MG/ML SUSPENSION, DR 100 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
NYAMYC 100,000 UNITS/GM POWDER	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>nystatin (100,000 unit/gm powd, 100,000 unit/gm cream, 100,000 unit/gm oint, 100,000 unit/ml susp, 500,000 unit oral tab, 500,000 unit/5 ml sus)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antifungals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>nystatin-triamcinolone (cream, ointm)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
NYSTOP 100,000 UNITS/GM POWDER	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>oxiconazole nitrate 1% cream</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
OXISTAT 1% LOTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SPORANOX 10 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>terbinafine hcl 250 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>terconazole (0.4% cream, 0.8% cream)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>terconazole 80 mg suppository</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>voriconazole (40 mg/ml susp, 50 mg tablet, 200 mg vial, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antigout Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>allopurinol (100 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>colchicine (0.6 mg capsule, 0.6 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
DUZALLO 200-300 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>probenecid 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>probenecid-colchicine tabs</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ZURAMPIC 200 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)

Antimigraine Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>dihydroergotamine 1 mg/ml amp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>dihydroergotamine 4 mg/ml spray</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antimigraine Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
MIGERGOT SUPPOSITORY	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (24 per 30 days)
AIMOVIG 140 MG DOSE-2 AUTOINJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (2 per 28 days)
AIMOVIG 70 MG/ML AUTOINJECTOR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (2 per 28 days)
<i>naratriptan (1 mg tablet, 2.5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)
<i>naratriptan hcl (1 mg tablet, 2.5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)
<i>rizatriptan (5 mg tablet, 5 mg odt, 10 mg tablet, 10 mg odt)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (18 per 28 days)
<i>sumatriptan (5 mg nasal spray, 20 mg nasal spray)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (12 per 30 days)
<i>sumatriptan succinate (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (9 per 30 days)
<i>sumatriptan succinate (4 mg/0.5 ml inject, 4 mg/0.5 ml cart, 6 mg/0.5 ml refill, 6 mg/0.5 ml vial, 6 mg/0.5 ml inject)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)
<i>zolmitriptan (2.5 mg tablet, 5 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (6 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antimigraine Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>zolmitriptan odt (2.5 mg odt, 5 mg odt)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (6 per 30 days)

Antimychasthenic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>guanidine hcl 125 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MESTINON 60 MG/5 ML SYRUP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>pyridostigmine br 60 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>pyridostigmine er 180 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antimycobacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>dapsone (25 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
PASER GRANULES 4 GM PACKET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>rifabutin 150 mg capsule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
CAPASTAT SULFATE 1 GM VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>ethambutol hcl (100 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>isoniazid (100 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>isoniazid (50 mg/5 ml solution, 100 mg/ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
PRIFTIN 150 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>pyrazinamide 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
RIFAMATE CAPSULE	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>rifampin (150 mg capsule, 300 mg capsule, iv 600 mg vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antimycobacterials

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RIFATER TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SIRTURO 100 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TRECTOR 250 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>cyclophosphamide (25 mg capsule, 50 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
GLEOSTINE (10 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
HEXALEN 50 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
LEUKERAN 2 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MATULANE 50 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>melfalan hcl (50 mg vial w-diluent, hcl 50 mg vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
MUSTARGEN 10 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
VALCHLOR 0.016% GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
YONDELIS 1 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>bicalutamide 50 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ERLEADA 60 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>flutamide 125 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>nilutamide 150 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
XTANDI 40 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
YONSA 125 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
ZYTIGA 250 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ZYTIGA 500 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
POMALYST (1 MG CAPSULE, 2 MG CAPSULE, 3 MG CAPSULE, 4 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
REVLIMID (2.5 MG CAPSULE, 5 MG CAPSULE, 10 MG CAPSULE, 15 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 25 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, LA
THALOMID (50 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE, 200 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
EMCYT 140 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
FARESTON 60 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SOLTAMOX (10 MG/5 ML SOLN, 20 MG/10 ML SOLN)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>tamoxifen citrate (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>clofarabine 20 mg/20 ml vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DROXIA (200 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE, 400 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>hydroxyurea 500 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>mercaptopurine 50 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
NIPENT 10 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
PURIXAN 20 MG/ML ORAL SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TABLOID 40 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ABRAXANE 100 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
ADRIAMYCIN (10 MG VIAL, 50 MG VIAL)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ALIMTA (100 MG VIAL, 500 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
ALIQOPA 60 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (3 per 28 days)
ARRANON 250 MG/50 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>arsenic trioxide 10 mg/10ml vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
AVASTIN (100 MG/4 ML VIAL, 400 MG/16 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
BAVENCIO 200 MG/10 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>bcg vaccine (tice strain) vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
BENDEKA 100 MG/4 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
BICNU 100 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>bleomycin sulfate 30 unit vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>bortezomib 3.5 mg vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
BRAFTOVI 50 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
BRAFTOVI 75 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
<i>busulfan 60 mg/10 ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CALQUENCE 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>carboplatin (50 mg/5 ml vial, 150 mg/15 ml vial, 450 mg/45 ml vial, 600 mg/60 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>carmustine 100 mg vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>cisplatin (50 mg/50 ml vial, 100 mg/100 ml vial, 200 mg/200 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cladribine 10 mg/10 ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>cytarabine (2 g/20 ml vial, 20 mg/ml vial, 1000 mg/50 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>dacarbazine 200 mg vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>dactinomycin 0.5 mg vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
DARZALEX (100 MG/5 ML VIAL, 400 MG/20 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>daunorubicin hcl (20 mg/4 ml vial, 50 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>decitabine 50 mg vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>dexrazoxane 250 mg vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>docetaxel (20 mg/2 ml vial, 80 mg/4 ml vial, 80 mg/8 ml vial, 160 mg/16 ml vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>docetaxel 200 mg/20 ml vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>doxorubicin hcl (10 mg/5 ml vial, 10 mg vial, 20 mg/10 ml vial, 50 mg/25 ml vial, 50 mg vial, 150 mg/75 ml vial, 200 mg/100 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>doxorubicin hcl liposome (20mg/10ml, 50mg/25ml)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
ELITEK 1.5 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>epirubicin 200 mg/100 ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
ERBITUX 100 MG/50 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
ERWINAZE 10,000 UNITS VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
FASLODEX 250 MG/5 ML SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>fludarabine 50 mg vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>fluorouracil (2.5 gm/50 ml btl, 2.5 gm/50 ml vial, 5 gm/100 ml vial, 5 gm/100 ml btl, 500 mg/10 ml vial, 1,000 mg/20 ml vial, 2,500 mg/50 ml vial, 5,000 mg/100 ml)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA BvD
FOLOTYN 40 MG/2 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>gemcitabine hcl (1 gram vial, 200 mg vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
HALAVEN 1 MG/2 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
HERCEPTIN (150 MG VIAL, 440 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>idarubicin hcl (5 mg/5 ml vial, 10 mg/10 ml vial, 20 mg/20 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
IDHIFA (50 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>ifosfamide 1 gm vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>irinotecan hcl 100 mg/5 ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ISTODAX (10 MG KIT, 10 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
KADCYLA (100 MG VIAL, 160 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
KEYTRUDA 100 MG/4 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
KISQALI 200 MG DAILY DOSE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (21 per 28 days)
KISQALI 400 MG DAILY DOSE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (42 per 28 days)
KISQALI 600 MG DAILY DOSE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (63 per 28 days)
KYPROLIS (10 MG VIAL, 30 MG VIAL, 60 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
LENVIMA (4 MG CAPSULE, 12 MG DAILY DOSE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>levoleucovorin calcium (50 mg vial, 175 mg/17.5 ml, 250 mg/25 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
MEKTOVI 15 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
<i>mitomycin (5 mg vial, 20 mg vial, 40 mg vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
MUTAMYCIN (5 MG VIAL, 20 MG VIAL, 40 MG VIAL)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
MYLOTARG 4.5 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
NERLYNX 40 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
<i>oxaliplatin (50 mg vial, 50 mg/10 ml vial, 100 mg vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>oxaliplatin 100 mg/20 ml vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>paclitaxel (30 mg/5 ml vial, 100 mg/16.7 ml vial, 150 mg/25 ml vial, 300 mg/50 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
PERJETA 420 MG/14 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
PROLEUKIN 22 MILLION UNIT VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
RUBRACA (200 MG TABLET, 250 MG TABLET, 300 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
SYLVANT (100 MG VIAL, 400 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
SYNRIBO 3.5 MG/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
TALZENNA 0.25 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
TALZENNA 1 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>thiotepa 15 mg vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
TIBSOVO 250 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
TREANDA (25 MG VIAL, 100 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
TRISENOX 12 MG/6 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VECTIBIX 100 MG/5 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
VELCADE 3.5 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
VERZENIO (50 MG TABLET, 100 MG TABLET, 150 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>vinblastine 1 mg/ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>vincristine 1 mg/ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>vinorelbine 50 mg/5 ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
VIZIMPRO (15 MG TABLET, 30 MG TABLET, 45 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
VYXEOS 44 MG-100 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
YERVOY 50 MG/10 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
ZALTRAP 100 MG/4 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
ZANOSAR 1 GM POWDER VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>calcium folinate 10 mg/ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
KISQALI FEMARA 200 MG CO-PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (49 per 28 days)
KISQALI FEMARA 400 MG CO-PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (70 per 28 days)
KISQALI FEMARA 600 MG CO-PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (91 per 28 days)
<i>leucovorin calcium (cal 500 mg/50 ml vl, calcium 5 mg tab, calcium 10 mg tab, calcium 15 mg tab, calcium 25 mg tab, calcium 50 mg vial, calcium 100 mg vial, calcium 200 mg vial, calcium 350 mg vial, calcium 500 mg vl)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
LONSURF (15 MG-6.14 MG TABLET, 20 MG-8.19 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>mitoxantrone hcl (20 mg/10 ml vial, 25 mg/12.5 ml vial, 30 mg/15 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
NINLARO (2.3 MG CAPSULE, 3 MG CAPSULE, 4 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (3 per 28 days)
ZOLINZA 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>anastrozole 1 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>exemestane 25 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>letrozole 2.5 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>etoposide (100 mg/5 ml vial, 500 mg/25 ml vial, 1,000 mg/50 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>topotecan hcl 4 mg vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
AFINITOR (2.5 MG TABLET, 5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
AFINITOR DISPERZ (2 MG TABLET, 3 MG TABLET, 5 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ALECENSA 150 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (240 per 30 days)
ALUNBRIG (90 MG-180 MG TAB PACK, 90 MG TABLET, 180 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
ALUNBRIG 30 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
BELEODAQ 500 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
BOSULIF (400 MG TABLET, 500 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
BOSULIF 100 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (180 per 30 days)
CABOMETYX (20 MG TABLET, 40 MG TABLET, 60 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
CAPRELSA 100 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
CAPRELSA 300 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
COMETRIQ (60 MG PACK, 100 MG PK, 140 MG PK)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
COTELLIC 20 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (63 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CYRAMZA (100 MG/10 ML VIAL, 500 MG/50 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
ERIVEDGE 150 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
FARYDAK (10 MG CAPSULE, 15 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (6 per 21 days)
GILOTRIF (20 MG TABLET, 30 MG TABLET, 40 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
IBRANCE (75 MG CAPSULE, 100 MG CAPSULE, 125 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (21 per 28 days)
ICLUSIG (15 MG TABLET, 45 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>imatinib mesylate (100 mg tab, 400 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
IMBRUVICA (70 MG CAPSULE, 140 MG TABLET, 280 MG TABLET, 420 MG TABLET, 560 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
IMBRUVICA 140 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
INLYTA 1 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
INLYTA 5 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
IRESSA 250 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
JAKAFI (5 MG TABLET, 10 MG TABLET, 15 MG TABLET, 20 MG TABLET, 25 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
JEVTANA (60 MG/1.5 ML KIT, 60 MG/1.5 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
LENVIMA (18 MG DAILY, 24 MG DAILY)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)
LENVIMA (8 MG DAILY, 10 MG DAILY, 20 MG DAILY)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
LORBRENA 100 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
LORBRENA 25 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
LYNPARZA (100 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
LYNPARZA 50 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (480 per 30 days)
MEKINIST (0.5 MG TABLET, 2 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
NEXAVAR 200 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
ODOMZO 200 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
RYDAPT 25 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (240 per 30 days)
SPRYCEL (20 MG TABLET, 50 MG TABLET, 80 MG TABLET, 100 MG TABLET, 140 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
SPRYCEL 70 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
STIVARGA 40 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (84 per 28 days)
SUTENT (12.5 MG CAPSULE, 25 MG CAPSULE, 37.5 MG CAPSULE, 50 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
TAFINLAR (50 MG CAPSULE, 75 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
TAGRISSO (40 MG TABLET, 80 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
TARCEVA (25 MG TABLET, 100 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
TASIGNA (50 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE, 200 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
TYKERB 250 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
VENCLEXTA 10 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
VENCLEXTA 100 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
VENCLEXTA 50 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
VENCLEXTA STARTING PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (42 per 28 days)
VOTRIENT 200 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
XALKORI (200 MG CAPSULE, 250 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
ZEJULA 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ZELBORAF 240 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (240 per 30 days)
ZYDELIG (100 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
ZYKADIA 150 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
EMPLICITI (300 MG VIAL, 400 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
IMFINZI (120 MG/2.4 ML VIAL, 500 MG/10 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
LARTRUVO (190 MG/19 ML VIAL, 500 MG/50 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
OPDIVO (40 MG/4 ML VIAL, 100 MG/10 ML VIAL, 240 MG/24 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
RITUXAN 10 MG/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
TECENTRIQ 1,200 MG/20 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (20 per 21 days)
<i>bexarotene 75 mg capsule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
PANRETIN 0.1% GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antineoplastics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
TARGRETIN 1% GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>tretinoin 10 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
ELITEK 7.5 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>mesna (1 gram/10 ml vial, 100 mg/ml vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MESNEX 400 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Antiparasitics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>albendazole 200 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ALBENZA 200 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
BILTRICIDE 600 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antiparasitics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>ivermectin 3 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>praziquantel 600 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>pyrantel pamoate 50 mg/ml oral susp*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (12 per 30 days)
ALINIA (100 MG/5 ML SUSPENSION, 500 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>atovaquone 750 mg/5 ml susp</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>atovaquone-proguanil hcl (62.5-25, 250-100)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>chloroquine phosphate (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
COARTEM TABLETS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (24 per 30 days)
DARAPRIM 25 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>hydroxychloroquine 200 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>mefloquine hcl 250 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antiparasitics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
NEBUPENT 300 MG INHAL POWDER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PENTAM 300 VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>primaquine 26.3 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>quinine sulfate 324 mg capsule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
EURAX 10% CREAM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
EURAX 10% LOTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (454 per 30 days)
<i>malathion 0.5% lotion</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>permethrin 1 % liquid*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>permethrin 5% cream</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antiparkinson Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>benztropine mesylate (0.5 mg tab, 1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>benztropine mesylate (2 mg/2 ml ampule, 2 mg/2 ml vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
<i>trihexyphenidyl hcl (2 mg tablet, 2 mg/5 ml elx, 5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>carbidopa-levodopa-entacapone (carbidopa-levodopa 50 mg-enta, carbidopa-levodopa 75 mg-enta, carbidopa-levodopa 100 mg-enta, carbidopa-levodopa 125 mg-enta, carbidopa-levodopa 150 mg-enta, carbidopa-levodopa 200 mg-enta, carbidopa-levodopa-enta 50 mg, carbidopa-levodopa-enta 75 mg, carbidopa-levodopa-enta 100 mg, carbidopa-levodopa-enta 125 mg, carbidopa-levodopa-enta 150 mg, carbidopa-levodopa-enta 200 mg)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>selegiline hcl 5 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>amantadine (50 mg/5 ml solution, 100 mg capsule, 100 mg/10 ml soln)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>entacapone 200 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)
<i>tolcapone 100 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antiparkinson Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>amantadine 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
APOKYN 30 MG/3 ML CARTRIDGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>bromocriptine mesylate (2.5 mg tablet, 5 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
NEUPRO (1 MG/24 HR PATCH, 2 MG/24 HR PATCH, 3 MG/24 HR PATCH, 4 MG/24 HR PATCH, 6 MG/24 HR PATCH, 8 MG/24 HR PATCH)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>pramipexole 0.75 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
<i>pramipexole dihydrochloride (0.125 mg tablet, 0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>pramipexole dihydrochloride (1 mg tablet, 1.5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>ropinirole hcl (0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet, 3 mg tablet, 4 mg tablet, 5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>carbidopa 25 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>carbidopa-levodopa (carbidopa-levo 10-100 mg odt, carbidopa-levo 25-250 mg odt, carbidopa-levo 25-100 mg odt, carbidopa-levodopa 10-100 tab, carbidopa-levodopa 25-100 tab, carbidopa-levodopa 25-250 tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antiparkinson Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>carbidopa-levodopa er (er 25-100 tab, er 50-200 tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>rasagiline mesylate (0.5 mg tab, 1 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>selegiline hcl 5 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ZELAPAR 1.25 MG ODT TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Antipsychotics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>chlorpromazine hcl (10 mg tablet, 25 mg/ml amp, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>fluphenazine dec 125 mg/5 ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>fluphenazine hcl (1 mg tablet, 2.5 mg tablet, 2.5 mg/5 ml elix, 2.5 mg/ml vial, 5 mg/ml conc, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antipsychotics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>haloperidol (0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>haloperidol dec 100 mg/ml amp</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>haloperidol decanoate (dec 50 mg/ml vial, dec 100 mg/ml amp, dec 100 mg/ml vial, dec 500 mg/5 ml vl, decan 50 mg/ml amp)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>haloperidol lac 2 mg/ml conc</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>haloperidol lactate (5 mg/ml ampul, 5 mg/ml syring, 5 mg/ml vial, 50 mg/10 ml vl)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>loxapine (5 mg capsule, 10 mg capsule, 25 mg capsule, 50 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>perphenazine (2 mg tablet, 4 mg tablet, 8 mg tablet, 16 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>pimozide (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>thioridazine hcl (10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>thiothixene (1 mg capsule, 2 mg capsule, 5 mg capsule, 10 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antipsychotics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>trifluoperazine hcl (1 mg tablet, 2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ABILIFY MAINTENA (ER 300 MG SYR, ER 400 MG SYR, ER 400 MG VL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (1 per 28 days)
ABILIFY MAINTENA ER 300 MG VL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (2 per 28 days)
<i>aripiprazole (2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet, 15 mg tablet, 20 mg tablet, 30 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>aripiprazole 1 mg/ml solution</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (900 per 30 days)
<i>aripiprazole odt (odt 10 mg tablet, odt 15 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
ARISTADA ER 1064 MG/3.9 ML SYR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (3.9 per 28 days)
ARISTADA ER 441 MG/1.6 ML SYRN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (1.6 per 28 days)
ARISTADA ER 662 MG/2.4 ML SYRN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (2.4 per 28 days)
ARISTADA ER 882 MG/3.2 ML SYRN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (3.2 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antipsychotics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
FANAPT (1 MG TABLET, 2 MG TABLET, 4 MG TABLET, 6 MG TABLET, 8 MG TABLET, 10 MG TABLET, 12 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
FANAPT TITRATION PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
GEODON 20 MG/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
INVEGA SUSTENNA (39 MG/0.25 ML, 78 MG/0.5 ML, 117 MG/0.75 ML, 156 MG/ML SYRG, 234 MG/1.5 ML)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
INVEGA TRINZA (273 MG/0.875 ML, 410 MG/1.315 ML, 546 MG/1.75 ML, 819 MG/2.625 ML)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LATUDA (20 MG TABLET, 40 MG TABLET, 60 MG TABLET, 120 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
LATUDA 80 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NUPLAZID (10 MG TABLET, 34 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
NUPLAZID 17 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>olanzapine (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 7.5 mg tablet, 10 mg tablet, 15 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antipsychotics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>olanzapine 10 mg vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>olanzapine odt (odt 5 mg tablet, odt 10 mg tablet, odt 15 mg tablet, odt 20 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>paliperidone er (er 1.5 mg tablet, er 3 mg tablet, er 9 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>paliperidone er 6 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>quetiapine fumarate (25 mg tab, 50 mg tab, 100 mg tab, 200 mg tab, 300 mg tab, 400 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
REXULTI (0.25 MG TABLET, 0.5 MG TABLET, 1 MG TABLET, 2 MG TABLET, 3 MG TABLET, 4 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
RISPERDAL CONSTA (12.5 MG SYR, 25 MG SYR, 37.5 MG SYR, 50 MG SYR)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>risperidone (0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet, 3 mg tablet, 4 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>risperidone 0.25 mg odt</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>risperidone 1 mg/ml solution</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antipsychotics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>risperidone odt (0.5 mg odt, 1 mg odt, 2 mg odt, 3 mg odt, 4 mg odt)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
SAPHRIS (2.5 MG TAB SUBLINGUAL, 5 MG TAB SUBLINGUAL, 5 MG TAB SL BLK CHERRY, 10 MG TAB SL BLK CHERY, 10 MG TAB SUBLINGUAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
VRAYLAR (1.5 MG CAPSULE, 3 MG CAPSULE, 4.5 MG CAPSULE, 6 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
VRAYLAR 1.5 MG-3 MG PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (7 per 7 days)
<i>ziprasidone hcl (20 mg capsule, 40 mg capsule, 60 mg capsule, 80 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
ZYPREXA RELPREVV (210 MG VIAL, 210 MG VL KIT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)
<i>quetiapine er 400 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>quetiapine fumarate er (er 150 mg tablet, er 200 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>quetiapine fumarate er (er 50 mg tablet, er 300 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>clozapine (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antipsychotics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>clozapine odt (odt 12.5 mg tablet, odt 25 mg tablet, odt 100 mg tablet, odt 150 mg tablet, odt 200 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VERSACLOZ 50 MG/ML SUSPENSION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Antispasticity Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>baclofen (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
BOTOX (100 VIAL, 200 VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>dantrolene sodium (25 mg cap, 50 mg cap, 100 mg cap)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
DYSPORE (300 UNIT VIAL, 500 UNITS VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>tizanidine hcl (2 mg tablet, 4 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
XEOMIN (50 VIAL, 100 VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GENVOYA TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ISENTRESS (25 MG TABLET CHEW, 100 MG POWDER PACKET, 100 MG TABLET CHEW)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ISENTRESS 400 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
ISENTRESS HD 600 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
STRIBILD TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
TIVICAY (10 MG TABLET, 25 MG TABLET, 50 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
ATRIPLA TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
COMPLERA TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
EDURANT 25 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>efavirenz (50 mg capsule, 200 mg capsule, 600 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
INTELENCE (25 MG TABLET, 100 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>nevirapine 200 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>nevirapine er (er 100 mg tablet, er 400 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ODEFSEY TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
PIFELTRO 100 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
RESCRIPTOR (100 MG TABLET, 200 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SUSTIVA (200 MG CAPSULE, 600 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VIRAMUNE 50 MG/5 ML SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>abacavir 20 mg/ml solution</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (900 per 30 days)
<i>abacavir 300 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>abacavir-lamivudine-zidov tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>didanosine (dr 200 mg capsule, dr 250 mg capsule, dr 400 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
EMTRIVA (10 MG/ML SOLUTION, 200 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>lamivudine (10 mg/ml oral soln, 150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>lamivudine-zidovudine tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
RETROVIR 200 MG/20 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>stavudine (15 mg capsule, 20 mg capsule, 30 mg capsule, 40 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TRUVADA (100 MG-150 MG TABLET, 133 MG-200 MG TABLET, 167 MG-250 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
TRUVADA 200 MG-300 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VIDEX (2 GM SOLN, 4 GM SOLN)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VIDEX EC 125 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ZERIT 1 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>zidovudine (50 mg/5 ml syrup, 100 mg capsule, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
BIKTARVY 50-200-25 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
CIMDUO 300-300 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
DELSTRIGO 100-300-300 MG TAB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
DESCOVY 200-25 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
FUZEON 90 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
JULUCA 50-25 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
SELZENTRY 150 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
SELZENTRY 300 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
SYMFI 600-300-300 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SYMFI LO 400-300-300 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
SYMTUZA 800-150-200-10 MG TAB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
TYBOST 150 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
APTIVUS (100 MG/ML SOLUTION, 250 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>atazanavir sulfate (150 mg cap, 200 mg cap, 300 mg cap)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
CRIXIVAN (200 MG CAPSULE, 400 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
EVOTAZ 300 MG-150 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>fosamprenavir 700 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
INVIRASE (200 MG CAPSULE, 500 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
KALETRA (100-25 MG TABLET, 200-50 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LEXIVA 50 MG/ML SUSPENSION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
NORVIR (80 MG/ML SOLUTION, 100 MG SOFTGEL CAP, 100 MG POWDER PACKET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PREZCOBIX 800 MG-150 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
PREZISTA (75 MG TABLET, 100 MG/ML SUSPENSION, 150 MG TABLET, 600 MG TABLET, 800 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
REYATAZ (50 MG POWDER PACKET, 150 MG CAPSULE, 200 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>ritonavir 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
VIRACEPT (250 MG TABLET, 625 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>cidofovir 375 mg/5 ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>ganciclovir sodium (500 mg vial, 500 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
PREVYMIS (240 MG TABLET, 480 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
PREVYMIS (240 MG/12 ML VIAL, 480 MG/24 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (720 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>valganciclovir 450 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO, QL (102 per 30 days)
ZIRGAN 0.15% OPHTHALMIC GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>adefovir dipivoxil 10 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
BARACLUDE 0.05 MG/ML SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>entecavir (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
EPIVIR HBV 25 MG/5 ML SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
INTRON A 18 MILLION UNITS VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>lamivudine 100 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>lamivudine hbv 100 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>tenofovir disop fum 300 mg tb</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
VIREAD (150 MG TABLET, 200 MG TABLET, 250 MG TABLET, 300 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
VIREAD POWDER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)
INTRON A (10 MILLION UNITS VIL, 18 MILLION UNIT/3 ML, 25 MILLION UNIT/2.5ML, 50 MILLION UNITS VIL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
PEGASYS (180 MCG/0.5 ML SYRINGE, 180 MCG/ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
PEGASYS PROCLICK 180 MCG/0.5	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
RIBASPHERE (400 MG TABLET, 600 MG TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>ribavirin (200 mg capsule, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
SYLATRON (200 MCG KIT, 300 MCG KIT, 600 MCG KIT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
DAKLINZA (30 MG TABLET, 60 MG TABLET, 90 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)
EPCLUSA 400 MG-100 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)
HARVONI 90-400 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
MAVYRET 100-40 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (84 per 28 days)
SOVALDI 400 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)
TECHNIVIE DOSE PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (56 per 28 days)
VIEKIRA PAK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (112 per 28 days)
VIEKIRA XR TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (84 per 28 days)
VOSEVI 400-100-100 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (28 per 28 days)
ZEPATIER 50-100 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>oseltamivir 6 mg/ml suspension</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (350 per 180 days)
RELENZA 5 MG DISKHALER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (56 per 180 days)
<i>rimantadine hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TAMIFLU 6 MG/ML SUSPENSION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (350 per 180 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>acyclovir (200 mg capsule, 400 mg tablet, 800 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>acyclovir 200 mg/5 ml susp</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>acyclovir 5% ointment</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>acyclovir sodium (500 mg/10 ml vial, 1,000 mg/20 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
DENAVIR 1% CREAM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (5 per 30 days)
<i>famciclovir (125 mg tablet, 250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>trifluridine 1% eye drops</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>valacyclovir (1 gram tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ZOVIRAX 5% CREAM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (8 per 30 days)
<i>abacavir-lamivudine 600-300 mg</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>lopinavir-ritonavir 80-20mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Antivirals

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>oseltamivir phos 30 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (56 per 180 days)
<i>oseltamivir phosphate (45 mg capsule, 75 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (28 per 180 days)
PEGASYS PROCLICK 135 MCG/0.5	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SELZENTRY 20 MG/ML ORAL SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (1840 per 30 days)
SELZENTRY 25 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)
SELZENTRY 75 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
TAMIFLU (45 MG CAPSULE, 75 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (28 per 180 days)
TAMIFLU 30 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (56 per 180 days)
TRIUMEQ 600-50-300 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>valganciclovir hcl 50 mg/ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
VEMLIDY 25 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anxiolytics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>buspirone hcl (5 mg tablet, 7.5 mg tablet, 10 mg tablet, 15 mg tablet, 30 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>hydroxyzine hcl (hcl 10 mg tablet, 10 mg/5 ml soln, 10 mg/5 ml syrup, hcl 25 mg tablet, 25 mg/ml vial, 50 mg/ml vial, hcl 50 mg tablet, 50 mg/25 ml syrup, 100 mg/2 ml vial, 500 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>hydroxyzine pamoate (25 mg cap, 50 mg cap, 100 mg cap)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>meprobamate (200 mg tablet, 400 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>alprazolam (0.25 mg tablet, 0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>alprazolam 2 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (150 per 30 days)
<i>chlordiazepoxide hcl (5 mg capsule, 10 mg capsule, 25 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM, QL (120 per 30 days)
<i>diazepam (2 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
<i>diazepam (5 mg/5 ml solution, 5 mg/ml oral conc)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>lorazepam (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Anxiolytics

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>lorazepam 2 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (150 per 30 days)
<i>lorazepam 2 mg/ml oral concent</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LORAZEPAM INTENSOL 2 MG/ML	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>oxazepam (10 mg capsule, 15 mg capsule, 30 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>triazolam (0.125 mg tablet, 0.25 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)

Bipolar Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>lithium 8 meq/5 ml solution</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>lithium carbonate (150 mg cap, 300 mg cap, 300 mg tab, 600 mg cap)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>lithium carbonate er 300 mg tb</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Bipolar Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>lithium carbonate er 450 mg tb</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>acarbose (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (90 per 30 days)
<i>alogliptin (6.25 mg tablet, 12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
AVANDIA 2 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
AVANDIA 4 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
BYDUREON 2 MG PEN INJECT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (4 per 28 days)
BYDUREON 2 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (4 per 28 days)
BYDUREON BCISE 2 MG AUTOINJECT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (3.4 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BYETTA 10 MCG DOSE PEN INJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (2.4 per 30 days)
BYETTA 5 MCG DOSE PEN INJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (1.2 per 30 days)
<i>colesevelam hcl (hcl 3.75 g packet, 625 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>glimepiride (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>glimepiride 4 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>glipizide 10 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>glipizide 5 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>glipizide er (er 2.5 mg tablet, er 5 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>glipizide er 10 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>glipizide xl (2.5 mg tablet, 5 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>glipizide xl 10 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>glyburide (1.25 mg tablet, 2.5 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM, QL (120 per 30 days)
<i>glyburide 5 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM, QL (240 per 30 days)
INVOKANA (100 MG TABLET, 300 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
JANUVIA (25 MG TABLET, 50 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>metformin hcl 1,000 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>metformin hcl 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>metformin hcl 850 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>metformin hcl er 500 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
<i>metformin hcl er 750 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>miglitol (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)
<i>nateglinide (60 mg tablet, 120 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ONGLYZA (2.5 MG TABLET, 5 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>pioglitazone hcl (15 mg tablet, 30 mg tablet, 45 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>repaglinide (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (240 per 30 days)
<i>repaglinide 0.5 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
SEGLUROMET (2.5-500 MG TABLET, 2.5-1,000 MG TABLET, 7.5-1,000 MG TABLET, 7.5-500 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
STEGLATRO (5 MG TABLET, 15 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
STEGLUJAN (5-100 MG TABLET, 15-100 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
SYMLINPEN 120 PEN INJECTOR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SYMLINPEN 60 PEN INJECTOR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>tolazamide (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>tolbutamide 500 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (180 per 30 days)
TRADJENTA 5 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
VICTOZA 2-PAK 18 MG/3 ML PEN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (9 per 30 days)
VICTOZA 3-PAK 18 MG/3 ML PEN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (9 per 30 days)
WELCHOL 3.75G PACKET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>alogliptin-metformin (12.5-500, 12.5-1000)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
<i>alogliptin-pioglitazone (12.5-45 mg, 12.5-30 mg, 12.5-15 mg, 25-30 mg tb, 25-45 mg tb, 25-15 mg tb)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
BASAGLAR 100 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>glipizide-metformin (2.5-500 mg, 5-500 mg)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>glipizide-metformin 2.5-250 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>glyburid-metformin 1.25-250 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM, QL (90 per 30 days)
<i>glyburide-metformin hcl (2.5-500 mg, 5-500 mg)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM, QL (120 per 30 days)
INVOKAMET (50-1,000 MG TABLET, 50-500 MG TABLET, 150-1,000 MG TABLET, 150-500 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
INVOKAMET XR (50-1,000 MG TAB, 50-500 MG TABLET, 150-500 MG TABLET, 150-1,000 MG TAB)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
JANUMET (50-500 MG TABLET, 50-1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
JANUMET XR (50-1,000 MG TABLET, 50-500 MG TABLET, 100-1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
JARDIANCE (10 MG TABLET, 25 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
JENTADUETO (2.5 MG-500 MG TAB, 2.5 MG-850 MG TAB, 2.5 MG-1000 MG TAB)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
KOMBIGLYZE XR (5-500 MG TABLET, 5-1,000 MG TAB)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
KOMBIGLYZE XR 2.5-1,000 MG TAB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SOLIQUA 100 UNIT-33 MCG/ML PEN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (18 per 30 days)
SYNJARDY (5-1,000 MG TABLET, 5-500 MG TABLET, 12.5-500 MG TABLET, 12.5-1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
SYNJARDY XR (10-1,000 MG TABLET, 25-1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
SYNJARDY XR (5-1,000 MG TABLET, 12.5-1,000 MG TAB)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
GLUCAGON 1 MG EMERGENCY KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (4 per 28 days)
PROGLYCEM 50 MG/ML ORAL SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
APIDRA 100 UNITS/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
APIDRA SOLOSTAR 100 UNITS/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG (100 CARTRIDGE, 100 VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG 100 UNITS/ML KWIKPEN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HUMALOG 200 UNITS/ML KWIKPEN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG JR 100 UNIT/ML KWIKPEN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG MIX 50-50 KWIKPEN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG MIX 50-50 VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG MIX 75-25 KWIKPEN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMALOG MIX 75-25 VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN 70-30 (70-30 VIAL, RELION 70-30 VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN 70/30 KWIKPEN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN N (N 100 UNITS/ML VIAL, RELION N 100 UNIT/ML)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN N 100 UNITS/ML KWIKPEN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
HUMULIN R (R 100 UNITS/ML VIAL, RELION R 100 UNIT/ML)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
LANTUS 100 UNIT/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
LANTUS SOLOSTAR 100 UNIT/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
LEVEMIR 100 UNITS/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
LEVEMIR FLEXTOUCH 100 UNITS/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN 70-30 (RELION 70-30 VIAL, 70-30 100 UNIT/ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN 70-30 FLEXPEN (RELION 70-30, 70-30)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN N (N 100 UNITS/ML VIAL, RELION N 100 UNIT/ML)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLIN R (R 100 UNITS/ML VIAL, RELION R 100 UNIT/ML)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLOG (100 VIAL, 100 CARTRIDGE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLOG 100 UNITS/ML FLEXPEN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
NOVOLOG MIX 70-30 FLEXPEN SYRN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Glucose Regulators

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
NOVOLOG MIX 70-30 VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
TOUJEO MAX SOLOSTAR 300UNIT/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST
TOUJEO SOLOSTAR 300 UNIT/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST
TRESIBA FLEXTOUCH 100 UNITS/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST
TRESIBA FLEXTOUCH 200 UNITS/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST

Blood Products/Modifiers/Volume Expanders

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BEVYXXA (40 MG CAPSULE, 80 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
COUMADIN (1 MG TABLET, 2 MG TABLET, 2.5 MG TABLET, 3 MG TABLET, 4 MG TABLET, 5 MG TABLET, 6 MG TABLET, 7.5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Products/Modifiers/Volume Expanders

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ELIQUIS (2.5 MG TABLET, 5 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
ELIQUIS 5 MG STARTER PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (74 per 365 days)
<i>enoxaparin 30 mg/0.3 ml syr</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (8.4 per 30 days)
<i>enoxaparin 40 mg/0.4 ml syr</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (11.2 per 30 days)
<i>enoxaparin 60 mg/0.6 ml syr</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (16.8 per 30 days)
<i>enoxaparin sodium (100 mg/ml syringe, 150 mg/ml syringe, 300 mg/3 ml vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (28 per 30 days)
<i>enoxaparin sodium (80 mg/0.8 ml syr, 120 mg/0.8 ml syr)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (22.4 per 30 days)
<i>fondaparinux sodium (2.5 mg/0.5 ml syr, 5 mg/0.4 ml syr, 7.5 mg/0.6 ml syr, 10 mg/0.8 ml syr)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
FRAGMIN (2,500 UNITS/0.2 ML SYR, 5,000 UNITS/0.2 ML SYR, 7,500 UNITS/0.3 ML SYR, 10,000 UNITS/ML SYRING, 12,500 UNITS/0.5 ML, 15,000 UNITS/0.6 ML, 18,000 UNITS/0.72 ML, 25,000 UNITS/ML VIAL, 95,000 UNITS/3.8 ML VL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Products/Modifiers/Volume Expanders

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>heparin sodium (sod 1,000 unit/ml vial, sod 5,000 unit/ml vial, 10,000 unit/10 ml vial, sod 20,000 unit/ml vial, 30,000 unit/30 ml vial, 50,000 unit/10 ml vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
JANTOVEN (1 MG TABLET, 2 MG TABLET, 2.5 MG TABLET, 3 MG TABLET, 4 MG TABLET, 5 MG TABLET, 6 MG TABLET, 7.5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
PRADAXA (75 MG CAPSULE, 110 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>warfarin sodium (1 mg tablet, 2 mg tablet, 2.5 mg tablet, 3 mg tablet, 4 mg tablet, 5 mg tablet, 6 mg tablet, 7.5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
XARELTO (2.5 MG TABLET, 10 MG TABLET, 15 MG TABLET, 20 MG TABLET, STARTER PACK)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ZONTIVITY 2.08 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>anagrelide hcl (0.5 mg capsule, 1 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ARANESP (10 MCG/0.4 ML SYRINGE, 25 MCG/0.42 ML SYRINGE, 25 MCG/ML VIAL, 40 MCG/ML VIAL, 40 MCG/0.4 ML SYRINGE, 60 MCG/ML VIAL, 60 MCG/0.3 ML SYRINGE, 100 MCG/ML VIAL, 100 MCG/0.5 ML SYRINGE, 150 MCG/0.3 ML SYRINGE, 200 MCG/0.4 ML SYRINGE, 200 MCG/ML VIAL, 300 MCG/ML VIAL, 300 MCG/0.6 ML SYRINGE, 500 MCG/1 ML SYRINGE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Products/Modifiers/Volume Expanders

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>azacitidine 100 mg vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
CATHFLO ACTIVASE 2 MG VIAL*	\$0 (Tier 3)	PA
EPOGEN (2,000 UNITS/ML VIAL, 3,000 UNITS/ML VIAL, 4,000 UNITS/ML VIAL, 10,000 UNITS/ML VIAL, 20,000 UNITS/2 ML VIAL, 20,000 UNITS/ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
LEUKINE 250 MCG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
MOZOBIL (20 MG/ML VIAL, 24 MG/1.2 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
NEULASTA 6 MG/0.6 ML SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
NEUPOGEN (300 MCG/0.5 ML SYR, 300 MCG/ML VIAL, 480 MCG/1.6 ML VIAL, 480 MCG/0.8 ML SYR)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
PROCRIT (2,000 VIAL, 3,000 VIAL, 4,000 VIAL, 10,000 VIAL, 20,000 VIAL, 40,000 VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
PROMACTA (12.5 MG TABLET, 25 MG TABLET, 75 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, LA, QL (90 per 30 days)
PROMACTA 50 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, LA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Blood Products/Modifiers/Volume Expanders

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RETACRIT (2,000 VIAL, 3,000 VIAL, 4,000 VIAL, 10,000 VIAL, 40,000 VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ZARXIO (300 MCG/0.5 ML SYRINGE, 480 MCG/0.8 ML SYRINGE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>tranexamic acid 1,000 mg/10 ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>tranexamic acid 650 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>aspirin-dipyridam er 25-200 mg</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
BRILINTA (60 MG TABLET, 90 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>cilostazol (50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>clopidogrel 75 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>dipyridamole (25 mg tablet, 50 mg tablet, 75 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
<i>prasugrel hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>clonidine (0.1 patch, 0.2 patch, 0.3 patch)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
<i>clonidine hcl (0.1 mg tablet, 0.2 mg tablet, 0.3 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>guanfacine hcl (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>methyldopa (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>methyldopate 250 mg/5 ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>midodrine hcl (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
NORTHERA (100 MG CAPSULE, 200 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (84 per 14 days)
<i>doxazosin mesylate (1 mg tab, 2 mg tab, 4 mg tab, 8 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>phenoxybenzamine hcl 10 mg cap</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>prazosin hcl (1 mg capsule, 2 mg capsule, 5 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>terazosin hcl (1 mg capsule, 2 mg capsule, 5 mg capsule, 10 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>candesartan cilexetil (4 mg tab, 8 mg tab, 16 mg tb, 32 mg tb)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
<i>irbesartan (75 mg tablet, 150 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>losartan potassium (25 mg tab, 50 mg tab, 100 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>telmisartan (20 mg tablet, 40 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>valsartan (40 mg tablet, 80 mg tablet, 160 mg tablet, 320 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>benazepril hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>benazepril hcl 40 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>captopril (12.5 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>enalapril maleate (2.5 mg tab, 5 mg tablet, 10 mg tab, 20 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>fosinopril sodium (10 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>lisinopril (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 30 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>lisinopril 40 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>moexipril hcl 15 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>moexipril hcl 7.5 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>perindopril erbumine 2 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>perindopril erbumine 4 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>perindopril erbumine 8 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>quinapril hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>ramipril (1.25 mg capsule, 2.5 mg capsule, 5 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>ramipril 10 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>trandolapril (1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>trandolapril 4 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>amiodarone hcl (150 mg/3 ml amp, 150 mg/3 ml vial, hcl 200 mg tablet, hcl 400 mg tablet, 450 mg/9 ml vial, 900 mg/18 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>disopyramide phosphate (100 mg capsule, 150 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>dofetilide (125 mcg capsule, 250 mcg capsule, 500 mcg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>flecainide acetate (50 mg tab, 100 mg tab, 150 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>mexiletine hcl (150 mg capsule, 200 mg capsule, 250 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
MULTAQ 400 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>procainamide hcl (100 mg/ml vial, 500 mg/ml vial, 1,000 mg/2 ml vl, 1,000 mg/10 ml vl)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>propafenone hcl (150 mg tablet, 225 mg tab, 300 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>propafenone hcl er (er 225 mg cap, er 325 mg cap, er 425 mg cap)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>quinidine gluc 80 mg/ml vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>quinidine gluc er 324 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>quinidine sulfate (200 mg tab, 300 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>sotalol (80 mg tablet, 160 mg tablet, 240 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>sotalol af 120 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>acebutolol hcl (200 mg capsule, 400 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>atenolol (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>betaxolol hcl (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>bisoprolol fumarate (5 mg tab, 10 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>carvedilol (3.125 mg tablet, 6.25 mg tablet, 12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>labetalol hcl (100 mg tablet, 200 mg tablet, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>labetalol hcl (100 mg/20 ml vl, 200 mg/40 ml vl)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>metoprolol succ er 200 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>metoprolol succinate (er 25 mg tab, er 50 mg tab, er 100 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>metoprolol tartrate (5 mg/5 ml carpupject, tart 5 mg/5 ml amp, tart 5 mg/5 ml vial, tartrate 25 mg tab, tartrate 50 mg tab, tartrate 100 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>nadolol (20 mg tablet, 40 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>pindolol (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>propranolol hcl (1 mg/ml vial, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 20 mg/5 ml soln, 40 mg/5 ml soln, 40 mg tablet, 60 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>propranolol hcl er (er 60 mg capsule, er 80 mg capsule, er 120 mg capsule, er 160 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>timolol maleate (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
AFEDITAB CR (CR 30 MG TABLET, CR 60 MG TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>amlodipine besylate (2.5 mg tab, 5 mg tab, 10 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
CARTIA XT (120 MG CAPSULE, 180 MG CAPSULE, 240 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DILT-XR (120 MG CAPSULE, 180 MG CAPSULE, 240 MG CAPSULE)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>diltiazem 12hr er (12hr er 120 mg cap, 12hr er 60 mg cap, 12hr er 90 mg cap)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>diltiazem 24hr cd (24hr 360 mg cap, 24hr 300 mg cap, 24hr 120 mg cap, 24hr 180 mg cap)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>diltiazem 24hr cd 240 mg cap</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>diltiazem 24hr er (24hr er 300 mg cap, 24hr er 420 mg cap, 24hr er 360 mg cap, 24hr er 120 mg cap, 24hr er 180 mg cap)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>diltiazem 24hr er 240 mg cap</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>diltiazem hcl (30 mg tablet, 60 mg tablet, 90 mg tablet, 120 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>felodipine er (er 2.5 mg tablet, er 5 mg tablet, er 10 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>nicardipine hcl (20 mg capsule, 30 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>nifedipine 10 mg capsule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
<i>nifedipine 20 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>nifedipine er (er 30 mg tablet, er 60 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>nifedipine er 90 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>nimodipine 30 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TAZTIA XT (120 MG CAPSULE, 180 MG CAPSULE, 240 MG CAPSULE, 300 MG CAPSULE, 360 MG CAPSULE)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>verapamil 360 mg cap pellet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>verapamil er (er 120 mg capsule, er 120 mg tablet, er 180 mg tablet, er 180 mg capsule, er 240 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>verapamil er 240 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>verapamil er pm (er 100 mg capsule, er 200 mg capsule, er 300 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>verapamil hcl (2.5 mg/ml vial, 2.5 mg/ml ampul, 5 mg/2 ml vial, 10 mg/4 ml vial, 40 mg tablet, 80 mg tablet, 120 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>verapamil sr (sr 120 mg capsule, sr 180 mg capsule, sr 240 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ALLI 60 MG CAPSULE*	\$0 (Tier 3)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>amiloride hcl-hctz 5-50 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>amiodarone hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>amlodipine besylate-benazepril (2.5-10, 5-40 mg, 5-10 mg, 5-20 mg, 10-40 mg, 10-20 mg)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>amlodipine-atorvastatin (2.5-40 mg, 2.5-10 mg, 2.5-20 mg, 5-40 mg, 5-10 mg, 5-20 mg, 5-80 mg, 10-40 mg, 10-80 mg, 10-10 mg, 10-20 mg)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>atenolol-chlorthalidone (50-25, 100-25)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>benazepril-hctz 5-6.25 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>benazepril-hydrochlorothiazide (10-12.5 mg tab, 20-25 mg tab, 20-12.5 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>bisoprolol-hydrochlorothiazide (2.5-6.25 mg tb, 5-6.25 mg tab, 10-6.25 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>candesartan-hydrochlorothiazid (16-12.5 mg tb, 32-12.5 mg tb, 32-25 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
<i>captopril-hydrochlorothiazide (25-15 mg tablet, 25-25 mg tablet, 50-15 mg tablet, 50-25 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DEMSER 250 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>diltiazem hcl (25 mg/5 ml vial, 50 mg/10 ml vial, hcl 100 mg vial, 125 mg/25 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>enalapril-hctz 10-25 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>enalapril-hctz 5-12.5 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ezetimibe 10 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>fosinopril-hctz 10-12.5 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>fosinopril-hctz 20-12.5 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (120 per 30 days)
<i>furosemide 10 mg/ml solution</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide (150-12.5 mg tb, 300-12.5 mg tb)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
KEVEYIS 50 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)
<i>lisinopril-hydrochlorothiazide (10-12.5 mg tab, 20-12.5 mg tab, 20-25 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>losartan-hydrochlorothiazide (50-12.5 mg tab, 100-12.5 mg tab, 100-25 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>methyldopa-hctz 250-25 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>metoprolol-hctz 100-50 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>metoprolol-hydrochlorothiazide (50-25 mg tab, 100-25 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>moexipril-hctz 15-25 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>moexipril-hydrochlorothiazide (7.5-12.5 mg tab, 15-12.5 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>nifedipine er (er 30 mg tablet, er 60 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>nifedipine er 90 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>nitroglycerin (0.3 mg tablet, 0.4 mg tablet, 0.6 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>olmesartan medoxomil (5 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
<i>olmesartan-hydrochlorothiazide (20-12.5 mg tab, 40-12.5 mg tab, 40-25 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
<i>omega-3 fatty acids 100 mg tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>propranolol-hydrochlorothiazid (40-25 mg tab, 80-25 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>quinapril-hctz 20-25 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide (10-12.5 mg tab, 20-12.5 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>spironolactone-hctz 25-25 tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>telmisartan-hydrochlorothiazid (40-12.5 mg tb, 80-25 mg tab, 80-12.5 mg tb)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>triamterene-hctz 37.5-25 mg cp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>triamterene-hydrochlorothiazid (37.5-25 mg tb, 75-50 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide (80-12.5 mg tab, 160-12.5 mg tab, 160-25 mg tab, 320-12.5 mg tab, 320-25 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
VASCEPA 0.5 GM CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
CORLANOR (5 MG TABLET, 7.5 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
DIGITEK (125 MCG TABLET, 250 MCG TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DIGOX (125 MCG TABLET, 250 MCG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>digoxin (0.05 mg/ml solution, 0.125 mg tablet, 0.25 mg tablet, 125 mcg tablet, 250 mcg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>digoxin 500 mcg/2 ml ampule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ENTRESTO (24 MG-26 MG TABLET, 49 MG-51 MG TABLET, 97 MG-103 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
LANOXIN (62.5 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 250 MCG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>pentoxifylline er 400 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
RANEXA (ER 500 MG TABLET, ER 1,000 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>acetazolamide (125 mg tablet, 250 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>acetazolamide er 500 mg cap</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>acetazolamide sod 500 mg vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>methazolamide (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>bumetanide (0.25 mg/ml vial, 1 mg/4 ml vial, 2.5 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>bumetanide (0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>ethacrynate sodium 50 mg vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>furosemide (20 mg/2 ml vial, 20 mg tablet, 40 mg/4 ml vial, 40 mg tablet, 80 mg tablet, 100 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>furosemide (40 mg/4 ml syringe, 40 mg/5 ml soln, 100 mg/10 ml syringe)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>torsemide (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>amiloride hcl 5 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
CAROSPIR 25 MG/5 ML SUSPENSION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>eplerenone (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST
<i>spironolactone (25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>chlorothiazide (250 mg tablet, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>chlorothiazide sod 500 mg vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>chlorthalidone (25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DIURIL 250 MG/5 ML ORAL SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>hydrochlorothiazide (12.5 mg tb, 25 mg tab, 50 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>hydrochlorothiazide 12.5 mg cp</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>indapamide (1.25 mg tablet, 2.5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>methyclothiazide 5 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>metolazone (2.5 mg tablet, 5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>fenofibrate (40 mg tablet, 50 mg capsule, 120 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>fenofibrate (43 mg capsule, 48 mg tablet, 130 mg capsule, 145 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>fenofibrate (54 mg tablet, 67 mg capsule, 134 mg capsule, 160 mg tablet, 200 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>fenofibrate 150 mg capsule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>fenofibric acid (dr 45 mg cap, dr 135 mg cap)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>gemfibrozil 600 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>atorvastatin calcium (10 mg tablet, 20 mg tablet, 40 mg tablet, 80 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>lovastatin (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>lovastatin 40 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>pravastatin sodium (10 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab, 80 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>rosuvastatin calcium (5 mg tab, 10 mg tab, 20 mg tab, 40 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>simvastatin 10 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>simvastatin 20 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (45 per 30 days)
<i>simvastatin 40 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>simvastatin 5 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>cholestyramine (packet, powder)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cholestyramine light powder</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>colestipol hcl (hcl 1 gm tablet, hcl granules, hcl granules packet, micronized 1 gm tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
JUXTAPID (5 MG CAPSULE, 10 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE, 60 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
JUXTAPID 20 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
JUXTAPID 30 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
KYNAMRO 200 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (4 per 28 days)
<i>niacin er (er 500 mg tablet, er 750 mg tablet, er 1,000 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
<i>omega-3 ethyl esters 1 gm cap</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
PRALUENT PEN (75 MG/ML PEN, 150 MG/ML PEN)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
REPATHA 140 MG/ML SURECLICK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
REPATHA 140 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
REPATHA 420 MG/3.5ML PUSHTRONX	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
VASCEPA 1 GM CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (120 per 30 days)
<i>hydralazine hcl (10 mg tablet, 20 mg/ml vial, 25 mg tablet, 50 mg tablet, 100 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>minoxidil (2.5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>isosorbide dinitr er 40 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>isosorbide dinitrate (5 mg tab, 10 mg tab, 20 mg tab, 30 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>isosorbide mononitrate (10 mg tab, 20 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>isosorbide mononitrate er (mn er 60 mg tablet, mononit er 30 mg tb, mononit er 60 mg tb, mononit er 120 mg)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
NITRO-BID 2% OINTMENT	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>nitroglycerin 5 mg/ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>nitroglycerin lingual 0.4 mg</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Cardiovascular Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>nitroglycerin patch (0.1 patch, 0.2 patch, 0.4 patch, 0.6 patch)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
NITROSTAT (0.3 MG TABLET, 0.4 MG TABLET, 0.6 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
RECTIV 0.4% OINTMENT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 21 days)

Central Nervous System Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>dextroamp-amphetamin 30 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>dextroamphetamine 10 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA, QL (180 per 30 days)
<i>dextroamphetamine 5 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>dextroamphetamine er 10 mg cap</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (150 per 30 days)
<i>dextroamphetamine er 15 mg cap</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Central Nervous System Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>dextroamphetamine er 5 mg cap</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>dextroamphetamine-amphetamine (dextroamp-amphetam 7.5 mg tab, dextroamp-amphetam 12.5 mg tab, dextroamp-amphetamin 10 mg tab, dextroamp-amphetamin 15 mg tab, dextroamp-amphetamin 20 mg tab, dextroamp-amphetamine 5 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>atomoxetine hcl (10 mg capsule, 18 mg capsule, 25 mg capsule, 40 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>atomoxetine hcl (60 mg capsule, 80 mg capsule, 100 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>clonidine hcl er 0.1 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
DAYTRANA (10 MG/9 HR PATCH, 15 MG/9 HR PATCH, 20 MG/9 HOUR PATCH, 30 MG/9 HOUR PATCH)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>guanfacine hcl er (er 1 mg tablet, er 2 mg tablet, er 3 mg tablet, er 4 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate 10 mg/5 ml sol</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (900 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Central Nervous System Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>methylphenidate 5 mg/5 ml soln</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (1800 per 30 days)
<i>methylphenidate er (er 18 mg tab, er 27 mg tab, er 54 mg tab, er 72 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate er (la) (er(la) 10mg cp, er(la) 20mg cp, er(la) 40mg cp)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate er 20 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>methylphenidate er 36 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>methylphenidate er(la) 30mg cp</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>methylphenidate hcl cd (10 mg cap, 20 mg cap, 30 mg cap, 40 mg cap, 50 mg cap, 60 mg cap)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate hcl er (cd) (er(cd) 10mg cp, er(cd) 20mg cp, er(cd) 30mg cp, er(cd) 40mg cp, er(cd) 50mg cp, er(cd) 60mg cp)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate la (10 mg cap, 20 mg cap, 40 mg cap, 60 mg cap)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA, QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Central Nervous System Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>methylphenidate la 30 mg cap</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>methylphenidate sr 20 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
BELVIQ 10 MG TABLET*	\$0 (Tier 3)	PA, QL (60 per 30 days)
INGREZZA 40 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
INGREZZA 80 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>phentermine hcl 15 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>phentermine hcl 30 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
LYRICA CR (CR 82.5 MG TABLET, CR 165 MG TABLET, CR 330 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>naltrexone/bupropion 8-90 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (120 per 30 days)
NUDEXTA 20-10 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
RADICAVA 30 MG/100 ML BAG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (2800 per 28 days)
<i>riluzole 50 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Central Nervous System Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>tetrabenazine (12.5 mg tablet, 25 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
SAVELLA (12.5 MG TABLET, 25 MG TABLET, 50 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (60 per 30 days)
SAVELLA TITRATION PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (55 per 28 days)
AMPYRA ER 10 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AUBAGIO (7 MG TABLET, 14 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
AVONEX (30 MCG VIAL KIT, PREFILLED SYR 30 MCG KT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AVONEX PEN 30 MCG/0.5 ML KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
BETASERON 0.3 MG KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>dalfampridine er 10 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
GILENYA 0.5 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>glatiramer acetate (20 mg/ml syringe, 40 mg/ml syringe)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Central Nervous System Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
GLATOPA 20 MG/ML SYRINGE	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
PLEGRIDY (125 MCG/0.5 ML SYRING, SYRINGE STARTER PACK)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
PLEGRIDY PEN (125 MCG/0.5 ML PEN, PEN INJ STARTER PACK)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
REBIF (22 MCG/0.5 ML SYRINGE, 44 MCG/0.5 ML SYRINGE, TITRATION PACK)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
REBIF REBIDOSE (22 MCG/0.5 ML, 44 MCG/0.5 ML, TITRATION PACK)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TECFIDERA (DR 120 MG CAPSULE, DR 240 MG CAPSULE, STARTER PACK)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
TYSABRI 300 MG/15 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, LA

Dental and Oral Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>cevimeline hcl 30 mg capsule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Dental and Oral Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>chlorhexidine 0.12% rinse</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>doxycycline hyclate 20 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
KEPIVANCE 6.25 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>pilocarpine hcl (5 mg tablet, 7.5 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>triamcinolone 0.1% paste</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Dermatological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ABREVA 10% CREAM*	\$0 (Tier 3)	PA, QL (4 per 30 days)
ABSORICA (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 25 MG CAPSULE, 30 MG CAPSULE, 35 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>acitretin (10 mg capsule, 25 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Dermatological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>acitretin 17.5 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
AMNESTEEM (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>bacitracin 500 unit/g oint. (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>bacitracin zinc 500 unit/g oint. (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>benzoyl peroxide 5 % gel (gram)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
<i>betamethasone dp 0.05% oint</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>calcipotriene (0.005% ointment, 0.005% cream)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>calcipotriene 0.005% solution</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
CLARAVIS 10 MG CAPSULE	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>clind ph-benzoyl perox 1.2-5%</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>clotrimazole 1 % cream/appl*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (45 per 30 days)
<i>clotrimazole 1% solution</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Dermatological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>clotrimazole 2 % cream/appl*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (45 per 30 days)
<i>clotrimazole-betamethasone crm</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>clotrimazole-betamethasone lot</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
CONDYLOX 0.5% GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
CORTISPORIN OINTMENT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
COSENTYX 300 MG DOSE-2 PENS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
COSENTYX 300 MG DOSE-2 SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>diclofenac sodium 3% gel</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>doxepin 5% cream</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
DUPIXENT 300 MG/2 ML SAFE SYRG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (3 per 28 days)
ELIDEL 1% CREAM	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Dermatological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>erythromycin-benzoyl gel</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>fluocinonide 0.05% cream</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>fluorouracil (0.5% cream, 2% topical soln, 5% cream, 5% topical soln)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>hydrocortisone 0.5 % cream (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>imiquimod 5% cream packet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (12 per 30 days)
<i>isotretinoin (10 mg capsule, 20 mg capsule, 30 mg capsule, 40 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>methoxsalen (10 mg capsule, 10 mg softgel)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>miconazole nitrate 2 % cream (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>miconazole nitrate 2 % cream/appl*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (45 per 30 days)
<i>miconazole nitrate 200 mg-2 % kit*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (1 per 30 days)
MYORISAN (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 30 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>neomycin/bacitracin/polymyxinb 3.5-400-5k oint. (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Dermatological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>podofilox 0.5% topical soln</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
REGRANEX 0.01% GEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SANTYL OINTMENT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>selenium sulfide 1 % shampoo*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (207 per 30 days)
<i>selenium sulfide 2.5% lotion</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
STELARA (45 MG/0.5 ML SYRINGE, 45 MG/0.5 ML VIAL, 90 MG/ML SYRINGE, 130 MG/26 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>tacrolimus (0.03% ointment, 0.1% ointment)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TALTZ 80 MG/ML AUTOINJECTOR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TALTZ 80 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>tazarotene 0.1% cream</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
TAZORAC (0.05% CREAM, 0.05% GEL, 0.1% GEL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Dermatological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>tolnaftate 1 % solution*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 60 days)
<i>tretinoin (0.01% gel, 0.025% gel, 0.025% cream, 0.05% cream, 0.05% gel, 0.1% cream)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ZENATANE (10 MG CAPSULE, 20 MG CAPSULE, 30 MG CAPSULE, 40 MG CAPSULE)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CHEMET 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
EXJADE (125 MG TABLET, 250 MG TABLET, 500 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
FERRIPROX (100 MG/ML SOLUTION, 500 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>ferrous gluconate 324(38)mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
<i>ferrous sulfate 220 mg/5 ml elixir*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
<i>ferrous sulfate 220 mg/5 ml elixir*</i>	\$0 (Tier 3)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>ferrous sulfate 324(65)mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
<i>ferrous sulfate 325(65) mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
<i>ferrous sulfate 325(65) mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
INFED 100 MG/2 ML VIAL*	\$0 (Tier 3)	PA, QL (12 per 28 days)
JADENU (90 MG TABLET, 180 MG TABLET, 360 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
JYNARQUE (45 MG-15 MG TABLET, 60 MG-30 MG TABLET, 90 MG-30 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
KIONEX (15 GM/60 ML SUSPENSION, POWDER)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>sodium polystyrene sulfonate (sod polystyren sulf 15 g/60 ml, sodium polystyrene sulf powder, sps 15 gm/60 ml suspension, sps 30 gm/120 ml enema, sps 50 gm/200 ml enema)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>sodium,potassium phosphates 280-250 mg oral powder packets*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
SPS 15 GM/60 ML SUSPENSION	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>trientine hcl 250 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
VENOFER (50 MG/2.5 ML VIAL, 100 MG/5 ML VIAL, 200 MG/10 ML VIAL) *	\$0 (Tier 3)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>calcium carbonate 215(500)mg tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (100 per 30 days)
<i>calcium carbonate 260mg(648) tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate 300mg(750) tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (100 per 30 days)
<i>calcium carbonate 500 mg/5ml oral susp*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
<i>calcium carbonate 500(1250) tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate 600 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 250 mg-125 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 500 mg-100 tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 500 mg-125 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 500 mg-200 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 500 mg-400 tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 500 mg-400 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 600 mg-200 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>calcium carbonate/vitamin d3 600 mg-400 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium carbonate/vitamin d3 600 mg-800 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium citrate 200(950)mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium citrate/vitamin d3 200 mg-250 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium citrate/vitamin d3 315 mg-250 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium gluconate 45(500) mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>calcium phosphate dibas/vit d3 105 mg-120 tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
CARBAGLU 200 MG DISPER TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>dextrose 4 g tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (50 per 30 days)
<i>electrolytes/dextrose solution*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (4000 per 30 days)
ISOLYTE S IV SOLUTION-EXCEL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
K-TAB ER (ER 8 TABLET, ER 10 TABLET, ER 20 TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
KLOR-CON 10 MEQ TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
KLOR-CON 8 MEQ TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
KLOR-CON M15 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>magnesium chloride 70 mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (360 per 30 days)
<i>magnesium oxide 400 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (180 per 30 days)
<i>magnesium sulfate 50% syringe</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
NORMOSOL-R PH 7.4 IV SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
OSMOPREP TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PHYSIOLYTE IRRIGATION SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PHYSIOSOL IRRIGATION SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PLASMA-LYTE 148 IV SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PLASMA-LYTE A PH 7.4 SOLN.	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>potassium chl-normal saline (20 1,000 ml iv soln, 40 1,000 ml iv soln)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>potassium chloride (2 meq/ml vial, 20 meq/10 ml conc, 40 meq/20 ml conc)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>potassium chloride (er 8 meq capsule, er 8 meq tablet, 10% (40 meq/30 ml, 10 meq/100 ml sol, er 10 meq capsule, 10% (20 meq/15ml), 10% (40 meq/30ml), er 10 meq tablet, 10% (20 meq/15 ml, er 20 meq tablet, 20% (40 meq/15ml), 20% (40 meq/15 ml)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>potassium citrate er (er 5 tab, er 10 tb, er 15 tb)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>potassium cl 20 meq-0.45% nacl</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>potassium cl 20 meq/10 ml conc</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>sodium chloride (saline 0.9% soln-excel cont, sodium chloride 0.9% 50 ml, sodium chloride 0.9% solution, sodium chloride 0.9% 1,000 ml, sodium chloride 0.9% irrig., sodium chloride 0.9% 100 ml, sodium chloride 0.9% 250 ml, sodium chloride 0.9% 500 ml, sodium chloride 3% iv soln, sodium chloride 5% iv soln)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>sodium chloride 0.9%-water</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
AMINOSYN II (8.5% IV SOLUTION, 10% IV SOLUTION, 15% IV SOLUTION)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AMINOSYN II 8.5%-ELECTROLYTES	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AMINOSYN WITH ELECTROLYTES (7%-ELECTROLYTE SOL, 8.5%-ELECTROLYTES SOL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AMINOSYN-HBC 7% IV SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AMINOSYN-PF (7% IV SOLUTION, 10% IV SOLUTION)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AMINOSYN-RF 5.2% IV SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>ascorbic acid 1000 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 1000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 1000 unit tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 2000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 2000 unit tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 400 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 400 unit tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 5000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cholecalciferol (vitamin d3) 50000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (4 per 28 days)
CLINIMIX (2.75%-5% SOLUTION, 4.25%-20% SOLUTION, 4.25%-10% SOLUTION, 4.25%-5% SOLUTION, 4.25%-25% SOLUTION, 5%-20% SOLUTION, 5%-25% SOLUTION, 5%-15% SOLUTION)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
CLINIMIX E (2.75%-10% SOLUTION, 2.75%-5% SOLUTION, 4.25%-5% SOLUTION, 4.25%-25% SOLUTION, 4.25%-10% SOLUTION, 5%-15% SOLUTION, 5%-25% SOLUTION, 5%-20% SOLUTION)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
CLINISOL 15% SOLUTION	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>cyanocobalamin (vitamin b-12) 1000 mcg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>cyanocobalamin (vitamin b-12) 1000mcg/ml vial*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>dextrose 10%-0.2% nacl iv soln</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dextrose 10%-0.45% nacl iv sol</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>dextrose 2.5%-0.45% nacl iv</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.2% nacl iv soln</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.2% nacl-kcl (5 in d5w-0.2%, 10 in d5w-0.2%, 20 in d5w-0.2%)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.225% nacl iv sol</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.225% nacl-kcl (10 in d5w-0.225%, 20 in d5w-0.225%)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.3% nacl iv soln</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.3% nacl-kcl (10 in d5w-0.3%, 20 in d5w-0.3%)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.33% nacl iv soln</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.45% nacl iv soln</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.45% nacl-kcl (10 in d5w-0.45%, 20 in d5w-0.45%)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-0.9% nacl iv soln</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>dextrose 5%-1/2ns-kcl (d5%-1/2ns-kcl 40 iv sol, d5%-1/2ns-kcl 30 iv sol, d5%-1/2ns-kcl 10 iv sol)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-lr iv solution</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-ns-kcl (20 in d5w-ns, 40 in d5w-nacl 0.9%)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dextrose 5%-potassium chloride (20 in d5w solution, 40 in d5w solution)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dextrose in water (5%-water 50 ml, 5%-water iv soln, 5%-water vial, 5%-water 100 ml, 10%-water iv solution)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>ergocalciferol (vitamin d2) 50000 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (4 per 28 days)
<i>folic acid 0.4 mg tablet *</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>folic acid 0.8 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>folic acid 1 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (30 per 30 days)
<i>fomepizole 1.5 gm/1.5 ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
FREAMINE HBC 6.9% IV SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>glucose in water (5%-water 50 ml, 5%-water 100 ml)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HEPATAMINE 8% IV SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>hydroxocobalamin 1000mcg/ml vial*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
INTRALIPID (20% IV EMUL, 30% IV EMUL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
IONOSOL MB-D5W IV SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ISOLYTE P-DEXTROSE 5% SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>kcl 20 meq in d5w-0.33% nacl</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>kcl 20 meq in d5w-lact ringer</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
KLOR-CON M10 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>lactated ringers (injection, irrigation)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>levocarnitine (1 g/10 ml soln, 330 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>magnesium sulfate 50% vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>niacin 100 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (120 per 30 days)
<i>niacin 250 mg tablet er*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (120 per 30 days)
<i>niacin 50 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (120 per 30 days)
NORMOSOL-M AND DEXTROSE 5%	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
NORMOSOL-R-DEXTROSE 5% IV SOLN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
NUTRILIPID 20% IV FAT EMULSION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>phytonadione (vit k1) 5 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (20 per 30 days)
<i>potassium chloride (20 meq/100 ml sol, 40 meq/100 ml sol)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>potassium chloride (er 10 tablet, er 20 tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>potassium cl 20meq/100ml-water</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PREMASOL (6% IV SOLUTION, 10% IV SOLUTION)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>prenatal tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>prenatal vitamin with minerals and folic acid greater than 0.8 mg oral tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
PROCALAMINE IV SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
PROSOL 20% INJECTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>pyridoxine hcl (vitamin b6) 100 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>pyridoxine hcl (vitamin b6) 25 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>pyridoxine hcl (vitamin b6) 50 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>riboflavin (vitamin b2) 50 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>ringer's iv solution</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>ringers irrigation solution</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>sodium chloride (saline 0.45% soln-excel con, sodium chloride 0.45% soln, sodium chloride 0.45% solution, sodium chloride 50 meq/20 ml, sodium chloride 100 meq/40 ml)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>sodium fluoride 2.2 mg (fluoride ion 1 mg) oral tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>sodium lactate 5 meq/ml vial</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>sterile water for irrigation</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Electrolytes/Minerals/Metals/Vitamins

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SUPREP BOWEL PREP KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>thiamine hcl 50 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
TPN ELECTROLYTES VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TRAVASOL 10% SOLN VIAFLEX	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TROPHAMINE (6% IV SOLUTION, 10% IV SOLUTION)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>vitamin e (dl,tocopheryl acet) 200 unit capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
AURYXIA 210 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (360 per 30 days)
FOSRENOL (750 MG POWDER PACKET, 1,000 MG POWDER PACK)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Gastrointestinal Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>atropine 0.05 mg/ml syringe</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dicyclomine hcl (10 mg capsule, 10 mg/5 ml soln, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>glycopyrrolate (0.2 mg/ml vial, 0.4 mg/2 ml vl, 1 mg/5 ml vial, 2 mg tablet, 4 mg/20 ml vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>glycopyrrolate (1 mg tablet, 1.5 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>bismuth subsalicylate 262 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
CREON DR 36,000 UNITS CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ENTYVIO 300 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>famotidine 10 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
GAVILYTE-C SOLUTION	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
GAVILYTE-G SOLUTION	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
GAVILYTE-N SOLUTION	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
GOLYTELY (PACKET, SOLUTION)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Gastrointestinal Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
LINZESS 72 MCG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
LITHOSTAT 250 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>mag hydrox/aluminum hyd/simeth 200-200-20 oral susp*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
<i>mag hydrox/aluminum hyd/simeth 200-200-25 tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (100 per 30 days)
<i>mag hydrox/aluminum hyd/simeth 400-400-40 oral susp*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
MYTESI 125 MG DR TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>peg 3350-electrolyte (3350 electrolyte soln, 3350-electrolyte solution)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>peg-3350 and electrolytes soln</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PERTZYE (DR 8,000 CAPSULE, DR 16,000 CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>psyllium husk/aspartame 3.4g/5.8g powder*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>ranitidine hcl (25 mg/ml vial, 50 mg/2 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Gastrointestinal Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>simethicone 80 mg tab chew*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (90 per 30 days)
<i>sodium bicarbonate 325 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>sodium bicarbonate 650 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
TRILYTE WITH FLAVOR PACKETS	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
VIOKACE (10,440-39,150 TB, 20,880-78,300 TB)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>diphenoxylat-atrop 2.5-0.025/5</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>diphenoxylate-atrop 2.5-0.025</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
GATTEX 5 MG 30-VIAL KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>loperamide 2 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
MOVANTIK (12.5 MG TABLET, 25 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
MYALEPT 11.3 MG (5 MG/ML) VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
NUTROPIN AQ NUSPIN 20 INJECTOR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Gastrointestinal Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RELISTOR (8 MG/0.4 ML SYRINGE, 12 MG/0.6 ML VIAL, 12 MG/0.6 ML SYRINGE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
RELISTOR 150 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
SAIZEN 8.8 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SEROSTIM (4 MG VIAL, 5 MG VIAL, 6 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>ursodiol (250 mg tablet, 300 mg capsule, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
XERMELO 250 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
ZOMACTON (5 MG VIAL, 10 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ZORBTIVE 8.8 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>cimetidine (200 mg tablet, 300 mg/5 ml soln, 300 mg tablet, 400 mg tablet, 800 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>famotidine (20 mg tablet, 20 mg/2 ml vial, 20 mg piggyback, 40 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>famotidine 40 mg/5 ml susp</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Gastrointestinal Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>nizatidine (15 mg/ml solution, 150 mg capsule, 300 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ranitidine hcl (15 mg/ml syrup, 150 mg tablet, 150 mg/10 ml syrup, 300 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>alosetron hcl (0.5 mg tablet, 1 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AMITIZA (8 MCG CAPSULE, 24 MCG CAPSULES)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
LINZESS (145 MCG CAPSULE, 290 MCG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
TRULANCE 3 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
VIBERZI (75 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>bisacodyl 10 mg supp.rect*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>bisacodyl 5 mg tablet dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
CONSTULOSE 10 GM/15 ML SOLN	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>docusate calcium 240 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>docusate sodium 100 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Gastrointestinal Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>docusate sodium 250 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
<i>docusate sodium 283 mg/5ml enema*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>docusate sodium 50 mg/5 ml liquid*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
ENULOSE 10 GM/15 ML SOLUTION	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
GENERLAC 10 GM/15 ML SOLUTION	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>glycerin adult supp.rect*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (12 per 30 days)
KRISTALOSE (10 GM PACKET, 20 GM PACKET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>lactulose 10 gm/15 ml solution</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>magnesium hydroxide 400 mg/5ml oral susp*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
MOVIPREP POWDER PACKET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>polyethylene glycol 3350 powd</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>sennosides 8.6 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>misoprostol (100 mcg tablet, 200 mcg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Gastrointestinal Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>sucralfate 1 gm tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>esomeprazole sodium (20 mg vial, 40 mg vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>lansoprazole (dr 15 mg capsule, dr 30 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>omeprazole (dr 10 mg capsule, dr 40 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>omeprazole dr 20 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
<i>omeprazole magnesium 20 mg capsule dr*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (28 per 28 days)
<i>pantoprazole sodium (dr 20 mg tab, dr 40 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>rabeprazole sod dr 20 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Genetic or Enzyme Disorder: Replacement, Modifiers, Treatment

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ADAGEN 250 UNITS/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ALDURAZYME 2.9 MG/5 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ARALAST NP (500 MG VIAL, 1,000 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
CEREZYME 400 UNITS VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
CHOLBAM (50 MG CAPSULE, 250 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
CREON (DR 6,000 CAPSULE, DR 12,000 CAPSULE, DR 24,000 CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
CYSTADANE 1 GRAM/1.7 ML POWDER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
CYSTAGON (50 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
CYSTARAN 0.44% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
ELAPRASE 6 MG/3 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ELELYSO 200 UNITS VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Genetic or Enzyme Disorder: Replacement, Modifiers, Treatment

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
EXONDYS 51 (51 500 MG/10 ML VIAL, 51 100 MG/2 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
FABRAZYME (5 MG VIAL, 35 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
GLASSIA 1 GM/50 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
KUVAN (100 MG TABLET, 500 MG POWDER PACKET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
LUMIZYME 50 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>miglustat 100 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
NAGLAZYME 5 MG/5 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
OCALIVA (5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
PANCREAZE (DR 2,600 CAP, DR 4,200 CAP, DR 10,500 CAP, DR 16,800 CAP, DR 21,000 CAP)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PERTZYE DR 4,000 UNIT CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Genetic or Enzyme Disorder: Replacement, Modifiers, Treatment

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
PLENAMINE 15% SOLUTION	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
PROLASTIN C 1,000 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
RAVICTI 1.1 GRAM/ML LIQUID	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>sodium phenylbutyrate powder</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
STRENSIQ (18 MG/0.45 ML VIAL, 28 MG/0.7 ML VIAL, 40 MG/ML VIAL, 80 MG/0.8 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
VPRIV 400 UNITS VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ZAVESCA 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ZEMAIRA 1,000 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ZENPEP (DR 3,000 CAPSULE, DR 5,000 CAPSULE, DR 10,000 CAPSULE, DR 15,000 CAPSULE, DR 20,000 CAPSULE, DR 25,000 CAPSULE, DR 40,000 CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Genitourinary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>darifenacin er (er 7.5 mg tablet, er 15 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>flavoxate hcl 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
GELNIQUE (10% GEL SACHET, 10% GEL SACHETS)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
MYRBETRIQ (ER 25 MG TABLET, ER 50 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>oxybutynin chloride (5 mg tablet, 5 mg/5 ml syrup)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>oxybutynin chloride er (er 5 mg tablet, er 10 mg tablet, er 15 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
OXYTROL 3.9 MG/24HR PATCH	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (8 per 28 days)
<i>tolterodine tartrate (1 mg tab, 2 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>tolterodine tartrate er (er 2 mg cap, er 4 mg cap)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
TOVIAZ (ER 4 MG TABLET, ER 8 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>trospium chloride 20 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Genitourinary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>tropium chloride er 60 mg cap</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
VESICARE (5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>alfuzosin hcl er 10 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>dutasteride 0.5 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>finasteride 5 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>tamsulosin hcl 0.4 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>bethanechol chloride (5 mg tablet, 10 mg tablet, 25 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DEPEN 250 MG TITRATAB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ELMIRON 100 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>calcium acetate (667 mg capsule, 667 mg gelcap)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>lanthanum carbonate (500 mg tab chew, 750 mg tab chew, 1,000 mg tb chw)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Genitourinary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
RENAGEL 800 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>sevelamer 2.4 gm powder packet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (3600 per 30 days)
<i>sevelamer carbonate 800 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Hormonal Agents, Parathyroid

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
NATPARA (25 MCG CARTRIDGE, 50 MCG CARTRIDGE, 75 MCG CARTRIDGE, 100 MCG CARTRIDGE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (2 per 28 days)
SENSIPAR (30 MG TABLET, 60 MG TABLET, 90 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA BvD

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Adrenal)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>amcinonide (0.1% ointment, 0.1% lotion, 0.1% cream)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>betamethasone diprop augmented (0.05% lot, 0.05% crm, 0.05% gel)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>betamethasone dipropionate (aug 0.05% crm, 0.05% lot)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>betamethasone dp 0.05% crm</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>betamethasone dp aug 0.05% oin</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>betamethasone valerate (va 0.1% cream, va 0.1% lotion, valer 0.1% ointm)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>clobetasol 0.05% topical lotn</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>clobetasol emollient 0.05% crm</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>clobetasol propionate (0.05% ointment, 0.05% cream, 0.05% solution, 0.05% gel)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cortisone 25 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DEPO-MEDROL 20 MG/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Adrenal)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>desonide (0.05% ointment, 0.05% cream)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>desonide 0.05% lotion</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>desoximetasone (0.05% gel, 0.05% cream, 0.25% cream, 0.25% ointment)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>desoximetasone 0.05% ointment</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dexamethasone (0.5 mg/5 ml elx, 0.5 mg tablet, 0.75 mg tablet, 1 mg tablet, 1.5 mg tablet, 2 mg tablet, 4 mg tablet, 6 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DEXAMETHASONE INTENSOL 1MG/1ML	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>dexamethasone sodium phosphate (4 mg/ml vial, 10 mg/ml vial, 20 mg/5 ml vial, 100 mg/10 ml vl, 120 mg/30 ml vl)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>diflorasone diacetate (0.05% cream, 0.05% ointment)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
EMFLAZA (6 MG TABLET, 18 MG TABLET, 22.75 MG/ML ORAL SUSP, 30 MG TABLET, 36 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>fludrocortisone 0.1 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Adrenal)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>fluocinolone acetonide (0.01% solution, 0.01% cream, 0.025% cream, 0.025% ointment)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>fluocinonide (0.05% solution, 0.05% gel, 0.05% ointment)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>fluocinonide-e 0.05% cream</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>fluticasone prop 0.05% lotion</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>fluticasone propionate (0.005% oint, 0.05% cream)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>halobetasol propionate (0.05% ointmnt, 0.05% cream)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
HP ACTHAR GEL 80 UNIT/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 28 days)
<i>hydrocortisone (1% cream, 1% ointment, 2.5% ointment, 2.5% lotion, 2.5% cream)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>hydrocortisone (5 mg tablet, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>hydrocortisone butyrate (hydrocort buty 0.1% lipid crm, hydrocort buty 0.1% lipo cream, hydrocortisone buty 0.1% cream, hydrocortisone butyr 0.1% oint, hydrocortisone butyr 0.1% soln)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Adrenal)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>hydrocortisone valerate (0.2% ointmt, 0.2% cream)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
KENALOG-10 10 MG/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (20 per 30 days)
<i>methylprednisolone (4 mg dosepk, 4 mg tablet, 8 mg tab, 16 mg tab, 32 mg tab)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>methylprednisolone acetate (40 mg/ml vl, 80 mg/ml vl)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>methylprednisolone sodium succ (1 gm vl, 40 mg vl, 125 mg)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>mometasone furoate (0.1% soln, 0.1% oint, 0.1% cream)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>prednicarbate 0.1% cream</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>prednicarbate 0.1% ointment</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>prednisolone (15 mg/5 ml syrup, 15 mg/5 ml soln)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>prednisolone 5 mg/5 ml soln</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>prednisolone sodium phos odt (odt 10 mg tablet, odt 15 mg tablet, odt 30 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Adrenal)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>prednisolone sodium phosphate (10 mg/5 ml soln, 15 mg/5 ml soln, 20 mg/5 ml soln, sod ph 25 mg/5 ml)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>prednisone (1 mg tablet, 2.5 mg tablet, 5 mg/5 ml solution, 5 mg tablet, 5 mg tab dose pack, 10 mg tab dose pack, 10 mg tablet, 20 mg tablet, 50 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
PREDNISON 5 MG/ML SOLUTION	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
PROCTO-MED HC 2.5% CREAM	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
PROCTOSOL-HC 2.5% CREAM	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
PROCTOZONE-HC 2.5% CREAM	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
SOLU-CORTEF (100 MG VIAL, 250 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SOLU-MEDROL 2,000 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>triamcinolone acetonide (0.025% cream, 0.1% cream)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>triamcinolone acetonide (0.025% oint, 0.025% lotion, 0.1% ointment, 0.1% lotion, 0.5% ointment, 0.5% cream)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Adrenal)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>triamcinolone acetonide (acet 40mg/ml vial, acet 40 mg/ml vial, 200 mg/5 ml vial, 400 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (20 per 30 days)

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Pituitary)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>desmopressin acetate (0.01% spray, 0.01% solution)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>desmopressin acetate (0.1 mg tb, 0.2 mg tb)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>desmopressin acetate (ac 4 mcg/ml ampul, ac 4 mcg/ml vial, 40 mcg/10 ml vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
EGRIFTA (1 MG VIAL, 2 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
GENOTROPIN (MINIQUICK 0.2 MG, MINIQUICK 0.4 MG, MINIQUICK 0.6 MG, MINIQUICK 0.8 MG, MINIQUICK 1 MG, MINIQUICK 1.2 MG, MINIQUICK 1.4 MG, MINIQUICK 1.6 MG, MINIQUICK 1.8 MG, MINIQUICK 2 MG, 5 MG CARTRIDGE, 12 MG CARTRIDGE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Pituitary)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HUMATROPE (5 MG VIAL, 6 MG CARTRIDGE, 12 MG CARTRIDGE, 24 MG CARTRIDGE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
INCRELEX 40 MG/4 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
NOCTIVA (0.83 MCG/0.1 ML SPRAY, 1.66 MCG/0.1 ML SPRAY)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
NORDITROPIN FLEXPOR (5 MG/1.5, 10 MG/1.5, 15 MG/1.5, 30 MG/3 ML)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
NUTROPIN AQ NUSPIN (5, 10)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>octreotide acet 100 mcg/ml syr</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>octreotide acet 500 mcg/ml syr</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
OMNITROPE (5 MG/1.5 ML CRTG, 5.8 MG VIAL, 10 MG/1.5 ML CRTG)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SAIZEN (5 MG VIAL, 8.8 MG CLICK.EASY CARTG)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SAIZEN 8.8 MG SAIZENPREP CART	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANADROL-50 TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ANDRODERM (2 MG/24HR PATCH, 4 MG/24HR PATCH)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
ANDROGEL (1.62% GEL PUMP, 1.62%(1.25G) GEL PCKT, 1.62%(2.5G) GEL PCKT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>danazol (50 mg capsule, 100 mg capsule, 200 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>methyltestosterone 10 mg cap</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>testosterone (1.62% (2.5 g) pkt, 1.62% gel pump, 1.62%(1.25 g) pkt, 30 mg/1.5 ml pump)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>testosterone (10 mg gel pump, 12.5 mg/1.25 gram, 25 mg/2.5 gm pkt, 50 mg/5 gram pkt)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>testosterone cypionate (testosteron 1,000 mg/10 ml, testosteron 2,000 mg/10 ml, testosterone 100 mg/ml, testosterone 200 mg/ml)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>testosterone enanthate (testosteron 1,000 mg/5 ml, testosterone 200 mg/ml)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
DEPO-ESTRADIOL 5 MG/ML VIAL	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ESTRACE 0.01% CREAM	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>estradiol (0.01% cream, 10 mcg vaginal insrt)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>estradiol (0.025 mg patch, 0.0375 mg patch, tds 0.05 mg/day, 0.05 mg patch, 0.075 mg patch, 0.1 mg patch)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM, QL (8 per 28 days)
<i>estradiol (0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>estradiol (tds 0.025, 0.0375 patch, tds 0.0375, 0.06 patch, tds 0.06, 0.075 patch, tds 0.075, tds 0.1)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM, QL (4 per 28 days)
<i>estradiol valerate (20 mg/ml vl, 40 mg/ml vl)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ESTRING 2 MG VAGINAL RING	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>estropipate 0.625(0.75 mg) tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
FEMRING (0.05 VAG RING, 0.10 VAG RING)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>levonorgestrel 1.5 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (1 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
MENEST (0.3 MG TABLET, 0.625 MG TABLET, 1.25 MG TABLET, 2.5 MG TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
MENOSTAR 14 MCG/DAY PATCH	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
PREMARIN (0.3 MG TABLET, 0.45 MG TABLET, 0.625 MG TABLET, 0.9 MG TABLET, 1.25 MG TABLET, 25 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
PREMARIN VAGINAL CREAM-APPL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ACTIVELLA (0.5-0.1 MG TABLET, 1 MG-0.5 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
ALTAVERA-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ALYACEN 1-35 28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
AMABELZ (0.5 MG-0.1 MG TABLET, 1 MG-0.5 MG TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
AMETHIA 0.15-0.03-0.01 MG TAB	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
AMETHIA LO TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ANGELIQ (0.25 MG-0.5 MG TABLET, 0.5 MG-1 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
APRI 28 DAY TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ARANELLE 28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ASHLYNA 0.15-0.03-0.01 MG TAB	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
AUBRA-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
AVIANE-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
BALZIVA 28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
BEKYREE 28 DAY TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
BEYAZ 28 TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
BLISOVI 24 FE TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
BLISOVI FE (1-20 TABLET, 1.5-30 TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BRIELLYN TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
CAMRESE LO TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
CAZANT 28 DAY TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
CLIMARA PRO PATCH	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
COMBIPATCH (0.05-0.25 MG, 0.05-0.14 MG)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
CRINONE (4% GEL, 8% GEL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
CRYSSELLE-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
CYCLAFEM (1-35-28 TABLET, 7-7-7-28 TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DELYLA-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>desogestr-eth estrad eth estra</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (desogest-eth estra 0.15-0.03mg, desogestrel-ethinyl estrad tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>drosp-ee-levomef 3-0.02-0.451</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>drosp-ee-levomef 3-0.03-0.451</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol (3-0.02 mg tab, 3-0.03 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
EMOQUETTE 28 DAY TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ENPRESSE-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ENSKYCE 28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ESTARYLLA 0.25-0.035 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>estradiol-norethindrone acetat (0.5-0.1 mg tb, 1-0.5 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>ethynodiol-ethinyl estradiol (1mg-35mcg, 1mg- 50mcg)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
FALMINA-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
FAYOSIM TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
FEMYNOR 28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
FYAVOLV (0.5 MG-2.5 MCG TABLET, 1 MG-5 MCG TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
GENERESS FE CHEWABLE TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
GIANVI 3 MG-0.02 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>hydroxyprogesterone 1.25 g/5ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
INCASSIA 0.35 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
INTRAROSA 6.5 MG VAG INSERT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
INTROVALE 0.15-0.03 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ISIBLOOM 28 DAY TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
JINTELI 1 MG-5 MCG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
JULEBER 28 DAY TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
JUNEL (1 MG-20 MCG TABLET, 1.5 MG-30 MCG TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
JUNEL FE (1 MG-20 MCG TABLET, 1.5 MG-30 MCG TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
JUNEL FE 24 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
KAITLIB FE CHEWABLE TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
KARIVA 28 DAY TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
KELNOR 1-35 28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
KELNOR 1-50 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
KIMIDESS 28 DAY TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
KURVELO TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LARIN (1.5 MG-30 MCG TABLET, 21 1-20 TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LARIN FE (1-20 TABLET, 1.5-30 TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
LARISSIA-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LAYOLIS FE CHEWABLE TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LEENA 28 TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LESSINA-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LEVONEST-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>levonorg-eth estrad eth estrad (levono-e estrad 0.10-0.02-0.01, levono-e estrad 0.15-0.03-0.01, levonorg 0.15mg-ee 20-25-30mcg)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (estra 0.09-0.02 mg, estrad 0.1-0.02 mg, estrad 0.15-0.03, estrad triphasic)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LEVORA-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LO LOESTRIN FE 1-10 TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LOESTRIN (21 1-20 TABLET, 21 1.5-30 TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
LOESTRIN FE 1-20 TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LOESTRIN FE 1.5-30 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LORYNA 3 MG-0.02 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LOSEASONIQUE TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LOW-OGESTREL-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LUTERA-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
MARLISSA-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
MELODETTA 24 FE CHEWABLE TAB	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
MIBELAS 24 FE CHEWABLE TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
MICROGESTIN (21 1-20 TABLET, 21 1.5-30 TAB)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MICROGESTIN FE (1-20 TABLET, 1.5-30 TAB)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
MILI 0.25-0.035 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
MIMVEY 1-0.5 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
MIMVEY LO 0.5-0.1 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
MINASTRIN 24 FE CHEWABLE TAB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MONONESSA 28 TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
NATAZIA 28 TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
NECON 0.5-35-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
NECON 7-7-7-28 TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
NIKKI 3 MG-0.02 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>norethin-estra-fe 0.8-0.025 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>norethin-eth estra-ferrous fum (noret-estr-fe 0.4-0.035(21)-75, noreth-estradiol-fe 1-0.02(24)-75, noreth-estradiol-fe 1-0.02(21)-75)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>norethind-eth estrad 1-0.02 mg</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>norethindron-ethinyl estradiol (norethin-eth 1 mg-5 mcg, norethind-eth 0.5-2.5)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (norg-ee 0.18-0.215-0.25/0.035, norg-ee 0.18-0.215-0.25/0.025, norg-ethin estra 0.25-0.035 mg)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
NORTREL (0.5-35-28 TABLET, 1-35 21 TABLET, 1-35 28 TABLET, 7-7-7-28 TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
NUVARING VAGINAL RING	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
OCELLA 3 MG-0.03 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
OGESTREL TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ORSYTHIA-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ORTHO TRI-CYCLEN 28 TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ORTHO TRI-CYCLEN LO TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ORTHO-CYCLEN 28 TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ORTHO-NOVUM (1-35-28 TABLET, 7-7-7-28 TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>oxandrolone (2.5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
PIMTREA 28 DAY TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
PIRMELLA 1-35-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
PORTIA-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
PREFEST TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
PREMPHASE 0.625-5 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
PREMPRO (0.3 MG-1.5 MG TABLET, 0.45-1.5 MG TABLET, 0.625-5 MG TABLET, 0.625-2.5 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
PREVIFEM TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
QUARTETTE TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
QUASENSE 0.15-0.03 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
RECLIPSEN 28 DAY TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
RIVELSA TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SAFYRAL TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SEASONIQUE 0.15-0.03-0.01 TAB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SETLAKIN 0.15 MG-0.03 MG TAB	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SPRINTEC 28 DAY TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SRONYX 0.10-0.02 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SYEDA 28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TARINA FE 1-20 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
TAYTULLA 1 MG-20 MCG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TRI-LEGEST FE-28 DAY TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TRI-LO-ESTARYLLA TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TRI-LO-SPRINTEC TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TRI-MILI 28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TRI-NORINYL 28 TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TRI-PREVIFEM TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TRI-SPRINTEC TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TRI-VYLIBRA 28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TRINESSA TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TRIVORA-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
TYDEMY TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
VELIVET 28 DAY TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
VIENVA-28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
VIORELE 28 DAY TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
VYFEMLA 28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
VYLIBRA 28 TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
WYMZYA FE CHEWABLE TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
XULANE PATCH	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
YASMIN 28 TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
YAZ 28 TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
YUVAFEM (10 MCG INSERT, 10 MCG TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ZARAH TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ZENCHENT 0.4 MG-35 MCG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ZOVIA 1-35E TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
CAMILA 0.35 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DAYSEE 0.15-0.03-0.01 MG TAB	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DEBLITANE 0.35 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DEPO-PROVERA 400 MG/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ELLA 30 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ERRIN 0.35 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
HEATHER TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
JOLIVETTE TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>levonorgestrel 1.5 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (1 per 30 days)
LYZA 0.35 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>medroxyprogesterone acetate (2.5 mg tab, 5 mg tab, 10 mg tab, 150 mg/ml)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>megestrol acet 40 mg/ml susp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>megestrol acetate (20 mg tablet, 40 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
NORA-BE TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>norethindrn 5 mg tb (lupaneta)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>norethindrone 0.35 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>norethindrone 5 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
NORLYROC 0.35 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Sex Hormones/Modifiers)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ORTHO MICRONOR 0.35 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>progesterone (100 mg capsule, 200 mg capsule)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SHAROBEL 0.35 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TULANA 0.35 MG TABLET	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
DUAVEE 0.45-20 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM
<i>raloxifene hcl 60 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Thyroid)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
LEVO-T (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 75 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 137 MCG TABLET, 150 MCG TABLET, 175 MCG TABLET, 200 MCG TABLET, 300 MCG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Thyroid)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>levothyroxine sodium (25 mcg tablet, 50 mcg tablet, 75 mcg tablet, 88 mcg tablet, 100 mcg tablet, 112 mcg tablet, 125 mcg tablet, 137 mcg tablet, 150 mcg tablet, 175 mcg tablet, 200 mcg tablet, 300 mcg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LEVOXYL (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 75 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 137 MCG TABLET, 150 MCG TABLET, 175 MCG TABLET, 200 MCG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>liothyronine sodium (5 mcg tab, 10 mcg/ml vl, 25 mcg tab, 50 mcg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SYNTHROID (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 75 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 137 MCG TABLET, 150 MCG TABLET, 175 MCG TABLET, 200 MCG TABLET, 300 MCG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
THYROLAR-1 STRENGTH TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
THYROLAR-1/2 STRENGTH TAB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Stimulant/Replacement/Modifying (Thyroid)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
THYROLAR-1/4 STRENGTH TAB	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
THYROLAR-2 STRENGTH TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
THYROLAR-3 STRENGTH TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TIROSINT (13 MCG CAPSULE, 25 MCG CAPSULE, 50 MCG CAPSULE, 75 MCG CAPSULE, 88 MCG CAPSULE, 100 MCG CAPSULE, 112 MCG CAPSULE, 125 MCG CAPSULE, 137 MCG CAPSULE, 150 MCG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
UNITHROID (25 MCG TABLET, 50 MCG TABLET, 75 MCG TABLET, 88 MCG TABLET, 100 MCG TABLET, 112 MCG TABLET, 125 MCG TABLET, 150 MCG TABLET, 175 MCG TABLET, 200 MCG TABLET, 300 MCG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Suppressant (Adrenal)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
KORLYM 300 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (120 per 30 days)
LYSODREN 500 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Hormonal Agents, Suppressant (Pituitary)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>cabergoline 0.5 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ELIGARD (7.5 MG SYRINGE KIT, 7.5 MG SYRINGE B, 22.5 MG SYRINGE KIT, 22.5 MG SYRINGE B, 30 MG SYRINGE KIT, 30 MG SYRINGE B, 45 MG SYRINGE KIT, 45 MG SYRINGE B)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
FIRMAGON (2 X 120 MG KIT, 80 MG KIT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>leuprolide acetate (2wk 1 mg/0.2 ml kit, 2wk 14 mg/2.8 ml kt)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
LUPRON DEPOT (DEPOT 3.75 MG KIT, DEPOT-4 MONTH KIT, DEPOT 7.5 MG KIT, DEPOT 11.25 MG 3MO KIT, DEPOT 22.5 MG 3MO KIT, DEPOT 45 MG 6MO KIT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Suppressant (Pituitary)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
LUPRON DEPOT (LUPANETA) (DEPO 11.25MG (LUPANETA), DEPOT 3.75MG (LUPANETA))	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
LUPRON DEPOT-PED (11.25 MG KIT, 15 MG KIT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
LUPRON DEPOT-PED 30 MG 3MO KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>octreotide acetate (acet 0.05 mg/ml vl, acet 50 mcg/ml amp, acet 50 mcg/ml syr, acet 50 mcg/ml vial, acet 100 mcg/ml amp, acet 100 mcg/ml vl, acet 200 mcg/ml vl, acet 500 mcg/ml amp, acet 500 mcg/ml vl, 1,000 mcg/5 ml vial, 1,000 mcg/ml vial, 5,000 mcg/5 ml vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT (10 MG KT, 10 MG VL, 20 MG KT, 20 MG VL, 30 MG KT, 30 MG VL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SIGNIFOR (0.3 MG/ML, 0.6 MG/ML, 0.9 MG/ML)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
SIGNIFOR LAR (10 MG KIT, 10 MG VIAL, 30 MG VIAL, 30 MG KIT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
SIGNIFOR LAR (20 MG VIAL, 20 MG KIT, 40 MG KIT, 40 MG VIAL, 60 MG KIT, 60 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Hormonal Agents, Suppressant (Pituitary)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
SOMATULINE DEPOT (60 MG/0.2 ML, 90 MG/0.3 ML, 120 MG/0.5 ML)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SOMAVERT (10 MG VIAL, 15 MG VIAL, 20 MG VIAL, 25 MG VIAL, 30 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SYNAREL 2 MG/ML NASAL SPRAY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TRELSTAR (3.75 MG SYRINGE, 11.25 MG SYRINGE, 22.5 MG SYRINGE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO

Hormonal Agents, Suppressant (Thyroid)

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>methimazole (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>propylthiouracil 50 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
CINRYZE 500 UNIT VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
FIRAZYR 30 MG/3 ML SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
HAEGARDA (2,000 VIAL, 3,000 VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
AZASAN (75 MG TABLET, 100 MG TABLET)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA BvD
<i>azathioprine 50 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA BvD
<i>azathioprine sod 100 mg vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA BvD
CELLCEPT (200 MG/ML ORAL SUSP, 250 MG CAPSULE, 500 MG TABLET, 500 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA BvD
CIMZIA (200 MG/ML STARTER KIT, 200 MG/ML SYRINGE KIT, 200 MG VIAL KIT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>cyclosporine (25 mg capsule, 50 mg/ml vial, 50 mg/ml ampul, 100 mg capsule, 100 mg/ml soln)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA BvD
<i>cyclosporine modified (25 mg, 50 mg, 100mg/ml, 100 mg)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA BvD

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ENBREL (25 MG/0.5 ML SYRINGE, 25 MG KIT, 50 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ENBREL 50 MG/ML SURECLICK SYR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
GENGRAF (25 MG CAPSULE, 100 MG/ML SOLUTION, 100 MG CAPSULE)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA BvD
HUMIRA (10 MG/0.2 ML SYRINGE, 10 MG/0.1 ML SYRINGE, 20 MG/0.2 ML SYRINGE, 20 MG/0.4 ML SYRINGE, 40 MG/0.4 ML SYRINGE, 40 MG/0.8 ML SYRINGE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
HUMIRA PEDIATRIC CROHN'S (PED CROHNS 40 MG/0.8 ML, PED CROHNS 80 MG/0.8 ML, PEDIATR CROHN'S 80-40MG)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
HUMIRA PEN (40 MG/0.8 ML PEN, 40 MG/0.4 ML PEN)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
HUMIRA PEN CROHN-UC-HS STARTER (PEN 40 MG, PEN 80 MG)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
HUMIRA PEN PSORIASIS-UVEITIS (PEN PSOR-UVEI 80MG-40MG, PEN PSORIA-UVEITIS 40MG)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
KEVZARA (150 MG/1.14 ML PEN INJ, 150 MG/1.14 ML SYRINGE, 200 MG/1.14 ML PEN INJ, 200 MG/1.14 ML SYRINGE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (2.28 per 28 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
KINERET 100 MG/0.67 ML SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>methotrexate 1 gm vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>methotrexate 2.5 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>mycophenolate mofetil (200 mg/ml susp, 250 mg capsule, 500 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA BvD
<i>mycophenolic acid (dr 180 mg tb, dr 360 mg tb)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA BvD
MYFORTIC (180 MG TABLET, 360 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA BvD
NEORAL (25 MG GELATIN CAPSULE, 100 MG/ML SOLUTION, 100 MG GELATIN CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA BvD
NPLATE (250 MCG VIAL, 500 MCG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ORENCIA (125 MG/ML SYRINGE, 250 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ORENCIA CLICKJECT 125 MG/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
PROGRAF (0.5 MG CAPSULE, 1 MG CAPSULE, 5 MG CAPSULE, 5 MG/ML AMPULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA BvD
RAPAMUNE (0.5 MG TABLET, 1 MG/ML ORAL SOLN, 1 MG TABLET, 2 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA BvD
REMICADE 100 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
RHOPHYLAC 300 MCG/2 ML SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SANDIMMUNE (25 MG CAPSULE, 50 MG/ML AMPUL, 100 MG CAPSULE, 100 MG/ML SOLN)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA BvD
SILIQ 210 MG/1.5 ML SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SIMPONI (100 MG/ML PEN INJECTOR, 100 MG/ML SYRINGE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SIMPONI (50 MG/0.5 ML PEN INJEC, 50 MG/0.5 ML SYRINGE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
SIMPONI ARIA 50 MG/4 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>sirolimus (0.5 mg tablet, 1 mg tablet, 2 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA BvD

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>tacrolimus</i> (0.5 mg capsule, 1 mg capsule, 5 mg capsule)	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA BvD
TAVALISSE (100 MG TABLET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>temsirolimus</i> 25 mg vial	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
TORISEL (25 MG KIT, 25 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
TREMFYA 100 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
XATMEP 2.5 MG/ML ORAL SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
XELJANZ (5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
XELJANZ XR 11 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
ZORTRESS (0.25 MG TABLET, 0.5 MG TABLET, 0.75 MG TABLET, 1 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA BvD
ATGAM 50 MG/ML AMPUL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
THYMOGLOBULIN 25 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BENLYSTA (120 MG VIAL, 200 MG/ML SYRINGE, 200 MG/ML AUTOINJECT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
BIVIGAM LIQUID 10% VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
CARIMUNE NF 6 GM VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
FLEBOGAMMA DIF 10% VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
GAMASTAN S-D VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
GAMMAGARD LIQUID 10% VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
GAMMAGARD S-D (5 G (IGA<1) SOLN, 10 G (IGA<1) SOL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
GAMMAKED 1 GRAM/10 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
GAMMAPLEX (2.5 GRAM/50 ML VIAL, 5 GRAM/100 ML VIAL, 5 GRAM/50 ML VIAL, 10 GRAM/100 ML VIAL, 10 GRAM/200 ML VIAL, 20 GRAM/200 ML VIAL, 20 GRAM/400 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
GAMUNEX-C 1 GRAM/10 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
HAVRIX 1,440 UNITS/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
IMOGAM RABIES-HT 150 UNIT/ML	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
INFLECTRA 100 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
KINRIX TIP-LOK SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>methotrexate (50 mg/2 ml vial, 250 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>methotrexate 250 mg/10 ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>methotrexate sodium (1 gram/40 ml vial, 25 mg/ml vial, 50 mg/2 ml vial, 100 mg/4 ml vial, 200 mg/8 ml vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>mycophenolate 500 mg vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA BvD
NULOJIX 250 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA BvD
OCTAGAM (5% VIAL, 10% VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
PEDIARIX 0.5 ML SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PRIVIGEN 10% VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
RECOMBIVAX HB 10 MCG/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
RENFLEXIS 100 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
SIMULECT 20 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
SYNAGIS (50 MG/0.5 ML VIAL, 100 MG/1 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ZINPLAVA 1,000 MG/40 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ACTEMRA (80 MG/4 ML VIAL, 162 MG/0.9 ML SYRINGE, 200 MG/10 ML VIAL, 400 MG/20 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
ARCALYST 220 MG INJECTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
BENLYSTA 400 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
ILARIS 150 MG/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>leflunomide (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
OTEZLA 28 DAY STARTER PACK	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (55 per 28 days)
OTEZLA 30 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
RIDAURA 3 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ACTHIB (VIAL, WITH DILUENT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ADACEL TDAP (SYRINGE, VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
BEXSERO PREFILLED SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
BOOSTRIX TDAP (SYRINGE, VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
CERVARIX VACCINE SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
DAPTACEL DTAP VACCINE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>diphtheria-tetanus toxoids-ped</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ENGRIX-B ADULT (20 MCG/ML SYRN, 20 MCG/ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ENGRIX-B PEDIATRIC-ADOLESCENT (PEDI 10 MCG/0.5 SYRN, 10 MCG/0.5 ML PED VL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
GARDASIL (SYRINGE, VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
GARDASIL 9 (9 SYRINGE, 9 VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
HAVRIX (720 UNITS/0.5 ML VIAL, 720 UNIT/0.5 ML SYRINGE, 1,440 UNITS/ML SYRINGE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
HIBERIX (VIAL, WITH DILUENT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
HYPERRAB S-D 150 UNITS/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
IMOVAX RABIES VACCINE (VACCINE VIAL, VACCINE+DILUENT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
INFANRIX DTAP (SYRINGE, VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
IPOL VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
IXIARO (6 MCG/0.5 ML SYRINGE, 6 UNIT(6 MCG)/0.5ML SYR)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
KINRIX VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
M-M-R II VACCINE (VIAL, WITH DILUENT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MENACTRA VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MENHIBRIX VACCINE VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MENOMUNE-A-C-Y-W-135 (MENOMUNE-A-C-Y-W-135 W-DILUENT, MENOMUNE-A-C-Y-W-135 VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
MENVEO A-C-Y-W-135-DIP VIAL KT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PEDVAXHIB VACCINE VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
PENTACEL ACTHIB COMPONENT VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PENTACEL DTAP-IPV COMPONENT VL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PENTACEL VIAL KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
PROQUAD VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
QUADRACEL DTAP-IPV VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
RABAVERT (VACC W-DILUENT, VACCINE VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
RECOMBIVAX HB (5 MCG/0.5 ML SYR, 10 MCG/ML SYR, 40 MCG/ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ROTARIX VACCINE SUSPENSION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ROTATEQ VACCINE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
SHINGRIX VIAL KIT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (2 per 365 days)
TENIVAC SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Immunological Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>tetanus diphtheria toxoids</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TRUMENBA 120 MCG/0.5 ML VACCIN	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TWINRIX (SYRINGE, VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TYPHIM VI (25 MCG/0.5 ML AL, 25 MCG/0.5 ML SYRNG)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VAQTA (25 UNITS/0.5 ML VIAL, 25 UNITS/0.5 ML SYRINGE, 50 UNITS/ML SYRINGE, 50 UNITS/ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VARIVAX VACCINE (VIAL, WITH DILUENT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
VARIZIG 125 UNIT/1.2 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
YF-VAX (1 VIAL, 5 VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ZOSTAVAX VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (1 per 365 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Inflammatory Bowel Disease Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>balsalazide disodium 750 mg cp</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
CANASA 1,000 MG SUPPOSITORY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
DELZICOL DR 400 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
DIPENTUM 250 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>mesalamine (4 gm/60 ml enema, 4 gm/60 ml kit)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>mesalamine 800 mg dr tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>mesalamine dr 1.2 gm tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
PENTASA 250 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (120 per 30 days)
PENTASA 500 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (240 per 30 days)
<i>budesonide ec 3 mg capsule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>hydrocortisone 100 mg/60 ml</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Inflammatory Bowel Disease Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ALA-CORT 2.5% CREAM	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
ANUSOL-HC 2.5% CREAM	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
MICORT HC 2.5% CREAM	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>sulfasalazine 500 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>sulfasalazine dr 500 mg tab</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Metabolic Bone Disease Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>alendronate sod 70 mg/75 ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>alendronate sodium (35 mg tab, 70 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (4 per 28 days)
<i>alendronate sodium (5 mg tablet, 10 mg tab, 40 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Metabolic Bone Disease Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>calcitonin-salmon 200 units sp</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>calcitriol (0.25 mcg capsule, 0.5 mcg capsule, 1 mcg/ml solution)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>calcitriol 1 mcg/ml ampul</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>doxercalciferol (0.5 mcg cap, 1 mcg capsule, 2.5 mcg cap)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>doxercalciferol (4 mcg/2 ml vial, 4 mcg/2 ml amp)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>etidronate disodium (200 mg tab, 400 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
FORTEO 600 MCG/2.4 ML PEN INJ	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>ibandronate 3 mg/3 ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>ibandronate sodium 150 mg tab</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (1 per 28 days)
MIACALCIN (200 UNIT/ML VIAL, 400 UNIT/2 ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>pamidronate disodium (30 mg/10 ml vial, 60 mg/10 ml vial, 90 mg/10 ml vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Metabolic Bone Disease Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>paricalcitol (1 mcg capsule, 2 mcg/ml vial, 2 mcg capsule, 5 mcg/ml vial, 10 mcg/2 ml vial)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>paricalcitol 4 mcg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
PROLIA 60 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
RAYALDEE ER 30 MCG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
TYMLOS 80 MCG DOSE PEN INJECTR	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (2 per 30 days)
XGEVA 120 MG/1.7 ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>zoledronic acid (4 mg/5 ml vial, 5 mg/100 ml)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
ZOMETA 4 MG/100 ML INJECTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Ophthalmic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>atropine 1% eye drops</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>bacitracin-polymyxin eye oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
BLEPHAMIDE EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
BLEPHAMIDE EYE OINTMENT	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
COMBIGAN 0.2%-0.5% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dorzolamide-timolol eye drops</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LASTACFT 0.25% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST
<i>mineral oil/petrolatum, white 42.5-57.3% ophthalmic oint. (g)*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (4 per 30 days)
<i>neo-bacit-poly-hc eye ointment</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>neomyc-bacit-polymix eye oint</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>neomyc-polym-dexamet eye ointm</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Ophthalmic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>neomyc-polym-dexameth eye drop</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>neomyc-polym-gramicid eye drop</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>neomycin-poly-hc eye drops</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>polymyxin b-tmp eye drops</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>polyvinyl alcohol 1.4 % drops*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (15 per 30 days)
<i>polyvinyl alcohol 1.4 % ophthalmic drops*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (15 per 30 days)
PRED-G 1% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>propylene glycol/peg 400/pf 0.3 %-0.4% droperette*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>sod borate/boric ac/water/nacl irrig soln*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (240 per 30 days)
<i>sodium chloride 5 % drops*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (15 per 30 days)
<i>sulfacetamide-prednisolone (10-0.25% drops, 10-0.23% drops)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
TOBRADEX ST EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Ophthalmic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>tobramycin-dexameth ophth susp</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
XIIDRA 5% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>carboxymethylcellulose sodium 0.5 % droperette*</i>	\$0 (Tier 3)	PA
<i>carboxymethylcellulose sodium 0.5 % ophthalmic drops*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (15 per 30 days)
<i>carboxymethylcellulose sodium 1 % ophthalmic dropper gel*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (15 per 30 days)
LACRISERT 5 MG EYE INSERT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
RESTASIS 0.05% EYE EMULSION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
RESTASIS MULTIDOSE 0.05% EYE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (5.5 per 30 days)
ALOCRIAL 2% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST
ALOMIDE 0.1% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST
<i>azelastine hcl 0.05% drops</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Ophthalmic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>cromolyn 4% eye drops</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
EMADINE 0.05% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST
<i>ketotifen fumarate 0.025 % drops*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (5 per 30 days)
<i>olopatadine hcl 0.1% eye drops</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (5 per 30 days)
<i>olopatadine hcl 0.2% eye drop</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (2.5 per 30 days)
PAZEO 0.7% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (2.5 per 30 days)
ACUVAIL 0.45% OPHTH SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (70 per 180 days)
ALREX 0.2% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>dexamethasone 0.1% eye drop</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>diclofenac 0.1% eye drops</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (20 per 180 days)
DUREZOL 0.05% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Ophthalmic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
FLAREX 0.1% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>fluorometholone 0.1% drops</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>flurbiprofen 0.03% eye drop</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
FML FORTE 0.25% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
FML S.O.P. 0.1% OINTMENT	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>ketorolac 0.4% ophth solution</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>ketorolac 0.5% ophth solution</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
LOTEMAX (0.5% OPHTHALMIC GEL, 0.5% EYE OINTMENT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (10 per 180 days)
LOTEMAX 0.5% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
NEVANAC 0.1% DROPTAINER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (6 per 180 days)
PRED MILD 0.12% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Ophthalmic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>prednisolone ac 1% eye drop</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>prednisolone sod 1% eye drop</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ALPHAGAN P 0.1% DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>apraclonidine hcl 0.5% drops</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
AZOPT 1% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>betaxolol hcl 0.5% eye drop</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
BETOPTIC S 0.25% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>brimonidine tartrate (tartrate 0.15% drp, 0.2% eye drop)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>carteolol hcl 1% eye drops</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>dorzolamide hcl 2% eye drops</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
IOPIDINE 1% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Ophthalmic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>levobunolol 0.5% eye drops</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>metipranolol 0.3% eye drops</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
PHOSPHOLINE IODIDE 0.125%	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>pilocarpine hcl (1% drops, 2% drops, 4% drops)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>timolol maleate (0.25% gfs, 0.25%, 0.5% gfs, 0.5%)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>timolol maleate (maleate 0.25% drop, 0.5% drop, maleate 0.5% drops)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>bimatoprost 0.03% eye drops</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>latanoprost 0.005% eye drops</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
LUMIGAN 0.01% EYE DROPS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
TRAVATAN Z 0.004% EYE DROP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Otic Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>carbamide peroxide 6.5 % drops*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (15 per 30 days)
CIPRO HC OTIC SUSPENSION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
CIPRODEX OTIC SUSPENSION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>fluocinolone acetonide (0.01% scalp oil, 0.01% body oil)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>fluocinolone oil 0.01% ear drp</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (20 per 30 days)
<i>neomycin-polymyxin-hc ear soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>neomycin-polymyxin-hc ear susp</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ARNUITY ELLIPTA (50 MCG, 100 MCG, 200 MCG)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ASMANEX (TWISTHALER 110 MCG #30, TWISTHALER 220 MCG #30, TWISTHALER 220 MCG #60, TWISTHALER 220 MCG #120)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (4 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ASMANEX HFA (HFA 100 MCG INHALER, HFA 200 MCG INHALER)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (13 per 30 days)
<i>budesonide (0.25 mg/2 ml susp, 0.5 mg/2 ml susp, 1 mg/2 ml inh susp)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
FLOVENT DISKUS (50 MCG, 100 MCG, 250 MCG)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
FLOVENT HFA (HFA 44 MCG INHALER, HFA 110 MCG INHALER)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (12 per 30 days)
FLOVENT HFA 220 MCG INHALER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (24 per 30 days)
PULMICORT FLEXHALER (90 MCG, 180 MCG)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
QVAR REDIHALER (40 MCG, 80 MCG)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>triamcinolone acetonide 55 mcg spray*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (17 per 30 days)
<i>brompheniramin/pseudoephedrine 1-15mg/5ml liquid*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (480 per 30 days)
<i>cetirizine hcl 10 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>cetirizine hcl 5 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>chlorpheniramine maleate 4 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (90 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>cypiroheptadine hcl (2 mg/5 ml syrup, 4 mg tablet, 4 mg/10 ml syrpr)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>desloratadine 5 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>dimenhydrinate 50 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (24 per 30 days)
<i>diphenhydramine hcl 25 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (120 per 30 days)
<i>fexofenadine hcl 180 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>fexofenadine hcl 60 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
<i>levocetirizine 2.5 mg/5 ml sol</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (300 per 30 days)
<i>levocetirizine 5 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>loratadine 10 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (30 per 30 days)
<i>loratadine 5 mg/5 ml solution*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (240 per 30 days)
<i>triprolidine/pseudoephedrine 2.5mg-60mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>montelukast sod 4 mg granules</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>montelukast sodium (4 mg tab chew, 5 mg tab chew, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>zafirlukast (10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
ATROVENT 17 MCG HFA INHALER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
INCRUSE ELLIPTA 62.5 MCG INH	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
<i>ipratropium br 0.02% soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
SPIRIVA 18 MCG CP-HANDIHALER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
SPIRIVA RESPIMAT (1.25 MCG, 2.5 MCG)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
TUDORZA PRESSAIR 400 MCG INH (30 ACTUATIONS)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (2 per 30 days)
TUDORZA PRESSAIR 400 MCG INH (60 ACTUATIONS)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (1 per 30 days)
ADRENALIN 1 MG/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
ADRENALIN CL 1 MG/ML VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>albuterol sulfate (0.63 mg/3 ml sol, 1.25 mg/3 ml sol, 2.5 mg/3 ml soln)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>albuterol sulfate (sulf 2 mg/5 ml syrup, 2.5 mg/0.5 ml sol, 5 mg/ml solution, 15 mg/3 ml solution, 20 mg/4 ml solution)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ARCAPTA NEOHALER 75 MCG CAP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (30 per 30 days)
BROVANA 15 MCG/2 ML SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>epinephrine (0.15 mg auto-inject, 0.3 mg auto-inject)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (2 per 30 days)
<i>levalbuterol hcl (0.31 mg/3 ml sol, 0.63 mg/3 ml sol)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
<i>metaproterenol sulfate (10 mg/5 ml syr, 10 mg tablet, 20 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
PROAIR HFA 90 MCG INHALER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (34 per 30 days)
PROAIR RESPICLICK INHAL POWDER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (2 per 30 days)
PROVENTIL HFA 90 MCG INHALER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (14 per 30 days)
SEREVENT DISKUS 50 MCG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
STRIVERDI RESPIMAT INHAL SPRAY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (4 per 30 days)
<i>terbutaline sulf 1 mg/ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
VENTOLIN HFA 90 MCG INHALER	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (36 per 30 days)
BETHKIS 300 MG/4 ML AMPULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
CAYSTON 75 MG INHAL SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
KALYDECO (50 MG GRANULES PACKET, 75 MG GRANULES PACKET, 150 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
ORKAMBI (100-125 MG GRANULE PKT, 150-188 MG GRANULE PKT)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (56 per 28 days)
ORKAMBI 200 MG-125 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (112 per 28 days)
SYMDEKO 100/150 MG-150 MG TABS	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
TOBI PODHALER 28 MG INHALE CAP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>tobramycin 300 mg/5 ml ampule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>cromolyn 20 mg/2 ml neb soln</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>cromolyn sodium 5.2 mg spray/pump*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (26 per 30 days)
DALIRESP (250 MCG TABLET, 500 MCG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>theophylline (80 mg/15 ml soln, er 400 mg tablet, er 600 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>theophylline anhydrous (er 100 mg tablet, er 200 mg tablet, er 300 mg tab)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ADCIRCA 20 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
ADEMPAS (0.5 MG TABLET, 1 MG TABLET, 1.5 MG TABLET, 2 MG TABLET, 2.5 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, LA
LETAIRIS (5 MG TABLET, 10 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
OPSUMIT 10 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, LA
ORENITRAM ER (ER 0.125 MG TABLET, ER 0.25 MG TABLET, ER 1 MG TABLET, ER 2.5 MG TABLET, ER 5 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
REMODULIN (1 MG/ML VIAL, 2.5 MG/ML VIAL, 5 MG/ML VIAL, 10 MG/ML VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
REVATIO 10 MG/ML ORAL SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>sildenafil 10 mg/12.5 ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA
<i>sildenafil 20 mg tablet</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
<i>tadalafil 20 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA, QL (60 per 30 days)
TRACLEER (62.5 MG TABLET, 125 MG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, LA, QL (60 per 30 days)
TRACLEER 32 MG TABLET FOR SUSP	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, LA, QL (120 per 30 days)
UPTRAVI (200 MCG TABLET, 400 MCG TABLET, 600 MCG TABLET, 800 MCG TABLET, 1,000 MCG TABLET, 1,200 MCG TABLET, 1,400 MCG TABLET, 1,600 MCG TABLET)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
VENTAVIS (10 MCG/1 ML SOLUTION, 20 MCG/1 ML SOLUTION)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA
ESBRIET 267 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (270 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
OFEV (100 MG CAPSULE, 150 MG CAPSULE)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (60 per 30 days)
<i>acetylcysteine (10% vial, 20% vial)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
ADVAIR DISKUS (100-50, 250-50, 500-50)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
ADVAIR HFA (HFA 45-21 MCG INHALER, HFA 115-21 MCG INHALER, HFA 230-21 MCG INHALER)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (12 per 30 days)
ANORO ELLIPTA 62.5-25 MCG INH	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
<i>benzonatate 100 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
<i>benzonatate 200 mg capsule*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
BREO ELLIPTA (100-25 MCG, 200-25 MCG)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (60 per 30 days)
<i>codeine phosphate/guaifenesin 10-100mg/5 liquid*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (180 per 30 days)
DULERA (100 MCG/5 MCG INHALER, 200 MCG/5 MCG INHALER)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (13 per 30 days)
FASENRA 30 MG/ML SYRINGE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>fluticasone-salmeterol (55-14, 113-14, 232-14)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (1 per 30 days)
NUCALA 100 MG VIAL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (1 per 28 days)
<i>promethazine hcl/codeine 6.25-10/5 syrup*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (180 per 30 days)
<i>promethazine/dextromethorphan 6.25-15/5 syrup*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (480 per 30 days)
<i>promethazine/phenyleph/codeine 6.25-5-10 syrup*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (180 per 30 days)
<i>sodium chloride 0.65 % spray*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (120 per 30 days)
SYMBICORT (80-4.5 MCG INHALER, 160-4.5 MCG INHALER)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (11 per 30 days)
TRELEGY ELLIPTA 100-62.5-25	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (60 per 30 days)
<i>aminophylline 250 mg/10 ml vial</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>azelastine hcl (0.1% (137 mcg) spray, 0.15% nasal spray)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (60 per 30 days)
COMBIVENT RESPIMAT 20-100 MCG	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (4 per 30 days)
<i>epinephrine 0.3 mg auto-inject</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (2 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
ESBRIET 267 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (270 per 30 days)
ESBRIET 801 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (90 per 30 days)
<i>flunisolide 0.025% spray</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (50 per 30 days)
<i>fluticasone prop 50 mcg spray</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (16 per 30 days)
<i>iprat-albut 0.5-3(2.5) mg/3 ml</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	
<i>ipratropium bromide (0.03% spray, 0.06% spray)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>levalbuterol conc 1.25 mg/0.5</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA NSO
<i>levalbuterol tar hfa 45mcg inh</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	QL (30 per 30 days)
ORKAMBI 100 MG-125 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (112 per 28 days)
<i>pseudoephedrine hcl 30 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)
<i>pseudoephedrine hcl 30 mg/5 ml liquid*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (240 per 30 days)
<i>pseudoephedrine hcl 60 mg tablet*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (60 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Respiratory Tract/Pulmonary Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
PULMOZYME 1 MG/ML AMPUL	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO
STIOLTO RESPIMAT INHAL SPRAY	\$0-\$8.35 (Tier 2)	ST, QL (4 per 30 days)
XOLAIR (75 MG/0.5 ML SYRINGE, 150 MG/ML SYRINGE, 150 MG VIAL)	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA

Skeletal Muscle Relaxants

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>carisoprodol 350 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM, QL (120 per 30 days)
<i>cyclobenzaprine hcl (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM, QL (90 per 30 days)
<i>methocarbamol (500 mg tablet, 750 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>orphenadrine citrate (30 mg/ml vial, 60 mg/2 ml vial, 60 mg/2 ml ampule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM
<i>orphenadrine er 100 mg tablet</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Sleep Disorder Agents

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>eszopiclone (1 mg tablet, 2 mg tablet, 3 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
<i>flurazepam hcl (15 mg capsule, 30 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
<i>temazepam (15 mg capsule, 30 mg capsule)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
<i>zaleplon 10 mg capsule</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
<i>zaleplon 5 mg capsule</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
<i>zolpidem tartrate (5 mg tablet, 10 mg tablet)</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	PA-HRM, QL (30 per 30 days)
DOXYLAMINE 25 MG TABLET*	\$0 (Tier 3)	PA
HETLIOZ 20 MG CAPSULE	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA NSO, QL (30 per 30 days)
<i>modafinil (100 mg tablet, 200 mg tablet)</i>	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
ROZEREM 8 MG TABLET	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, QL (30 per 30 days)
XYREM 500 MG/ML ORAL SOLUTION	\$0-\$8.35 (Tier 2)	PA, LA

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Supplies

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>blood sugar diagnostic strip*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>condoms, latex, lubricated*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (24 per 30 days)
<i>gauze pads & dressings - pads 2 x 2</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (100 per 30 days)
GYNOL II 3% GEL*	\$0 (Tier 3)	QL (81 per 30 days)
<i>inhaler, assist devices*</i>	\$0 (Tier 3)	QL (1 per 365 days)
<i>insulin pen needle</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>insulin syringe (disp) u-100 0.3 ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>insulin syringe (disp) u-100 1 ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>insulin syringe (disp) u-100 1/2 ml</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (200 per 30 days)
<i>isopropyl alcohol 0.7 ml/ml medicated pad</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	
<i>lancets*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)
<i>needles, insulin disp., safety</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>urine glucose-acet test strip*</i>	\$0 (Tier 3)	PA, QL (100 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Uncategorized

Tên Thuốc	Chi phí thuốc quý vị trả (cấp bậc thuốc)	Những hành động cần thiết, những hạn chế, hoặc giới hạn việc sử dụng
<i>vgo 20 disposable device</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>vgo 30 disposable device</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)
<i>vgo 40 disposable device</i>	\$0-\$3.35 (Tier 1)	QL (30 per 30 days)

Quý vị có thể tìm thấy thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và chữ viết tắt trong bảng này trong Danh Sách Các Chữ Viết Tắt ở trang 12 của tài liệu này.

Nếu quý vị có thắc mắc, xin vui lòng gọi OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi số **1-800-735-2929**. Cuộc điện thoại này thì miễn phí. **Để biết thêm chi tiết**, xin vào trang mạng **www.caloptima.org/onecareconnect**.

Mục Lục Thuốc

A	PACK)	61	ELECTROLYTES	158	
<i>abacavir</i>	96	ALA-CORT	224	AMINOSYN WITH	
<i>abacavir-lamivudine</i>	104	<i>albendazole</i>	83	ELECTROLYTES	158
<i>abacavir-lamivudine-</i>		ALBENZA	83	AMINOSYN-HBC	158
<i>zidovudine</i>	96	<i>albuterol sulfate</i>	237,238	AMINOSYN-PF	158
ABELCET	56	ALDURAZYME	173	AMINOSYN-RF	158
ABILIFY MAINTENA	90	ALECENSA	77	<i>amiodarone hcl</i>	125,130
ABRAXANE	67	<i>alendronate sodium</i>	224	AMITIZA	170
ABREVA	147	<i>alfuzosin hcl er</i>	177	<i>amitriptyline hcl</i>	52
ABSORICA	147	ALIMTA	67	<i>amlodipine besylate</i>	128
<i>acamprosate calcium</i>	23	ALINIA	84	<i>amlodipine besylate-</i>	
<i>acarbose</i>	108	ALIQOPA	67	<i>benazepril</i>	130
<i>acebutolol hcl</i>	126	ALLI	130	<i>amlodipine-atorvastatin</i>	130
<i>acetaminophen-codeine</i>	16	<i>allopurinol</i>	60	AMNESTEEM	148
<i>acetazolamide</i>	135	ALOCRI	229	<i>amoxapine</i>	52
<i>acetazolamide sodium</i>	135	<i>alogliptin</i>	108	<i>amoxicillin</i>	26,34
<i>acetic acid</i>	28	<i>alogliptin-metformin</i>	112	<i>amoxicillin-clavulanate</i>	
<i>acetylcysteine</i>	242	<i>alogliptin-pioglitazone</i>	112	<i>potass</i>	34
<i>acitretin</i>	147,148	ALOMIDE	229	<i>amphotericin b</i>	56
ACTEMRA	217	<i>alosetron hcl</i>	170	<i>ampicillin sodium</i>	34
ACTHIB	218	ALOXI	54	<i>ampicillin trihydrate</i>	34
ACTIMMUNE	217	ALPHAGAN P	232	<i>ampicillin-sulbactam</i>	34
ACTIVELLA	188	<i>alprazolam</i>	106	AMPYRA	145
ACUVAIL	230	ALREX	230	ANADROL-50	186
<i>acyclovir</i>	104	ALTAVERA	188	<i>anagrelide hcl</i>	119
<i>acyclovir sodium</i>	104	ALUNBRIG	77	ANALGESICS	16
ADACEL TDAP	218	ALYACEN	188	<i>anastrozole</i>	76
ADAGEN	173	AMABELZ	188	ANDRODERM	186
ADCIRCA	240	<i>amantadine</i>	86,87	ANDROGEL	186
<i>adefovir dipivoxil</i>	101	AMBISOME	56	ANESTHETICS	22
ADEMPAS	240	<i>amcinonide</i>	179	ANGELIQ	189
ADRENALIN	237	AMETHIA	188	ANORO ELLIPTA	242
ADRENALIN CHLORIDE	237	AMETHIA LO	188	ANTI-	
ADRIAMYCIN	67	<i>amikacin sulfate</i>	25	ADDICTION/SUBSTANCE	
ADVAIR DISKUS	242	<i>amiloride hcl</i>	136	ABUSE TREATMENT	
ADVAIR HFA	242	<i>amiloride-</i>		AGENTS	23
AFEDITAB CR	127	<i>hydrochlorothiazide</i>	130	ANTIBACTERIALS	25
AFINITOR	76	<i>aminophylline</i>	243	ANTICONVULSANTS	39
AFINITOR DISPERZ	76	AMINOSYN II	158	ANTIDEMENTIA AGENTS	47
AIMOVIG AUTOINJECTOR	61			ANTIDEPRESSANTS	48

ANTIEMETICS.....	54	<i>aspirin 81 mg tab chew.....</i>	16	<i>bacitracin 500 unit/g oint.</i>	
ANTIFUNGALS.....	56	<i>aspirin 81 mg tablet dr.....</i>	16	<i>(g).....</i>	148
ANTIGOUT AGENTS.....	60	<i>aspirin-dipyridamole er.....</i>	121	<i>bacitracin zinc 500 unit/g oint.</i>	
ANTIMIGRAINE AGENTS...	60	<i>atazanavir sulfate.....</i>	99	<i>(g).....</i>	148
ANTIMYASTHENIC		<i>atenolol.....</i>	126	<i>bacitracin-polymyxin.....</i>	227
AGENTS.....	62	<i>atenolol-chlorthalidone.....</i>	130	<i>baclofen.....</i>	94
ANTIMYCOBACTERIALS...	63	ATGAM.....	214	BACTROBAN NASAL.....	28
ANTINEOPLASTICS.....	64	<i>atomoxetine hcl.....</i>	142	<i>balsalazide disodium.....</i>	223
ANTIPARASITICS.....	83	<i>atorvastatin calcium.....</i>	137	BALZIVA.....	189
ANTIPARKINSON AGENTS.	86	<i>atovaquone.....</i>	84	BANZEL.....	45
ANTIPSYCHOTICS.....	88	<i>atovaquone-proguanil hcl....</i>	84	BARACLUDE.....	101
ANTISPASTICITY AGENTS.	94	ATRIPLA.....	95	BASAGLAR KWIKPEN U-	
ANTIVIRALS.....	95	<i>atropine sulfate.....</i>	166,227	100.....	112
ANUSOL-HC.....	224	ATROVENT HFA.....	237	BAVENCIO.....	68
ANXIOLYTICS.....	106	AUBAGIO.....	145	BAXDELA.....	37
APIDRA.....	114	AUBRA.....	189	<i>bcg vaccine (tice strain)....</i>	68
APIDRA SOLOSTAR.....	114	AURYXIA.....	165	BEKYREE.....	189
APOKYN.....	87	AVANDIA.....	108	BELEODAQ.....	77
<i>apraclonidine hcl.....</i>	232	AVASTIN.....	68	BELVIQ.....	144
<i>aprepitant.....</i>	54	AVIANE.....	189	<i>benazepril hcl.....</i>	123
APRI.....	189	AVONEX.....	145	<i>benazepril-</i>	
APTIOM.....	45	AVONEX PEN.....	145	<i>hydrochlorothiazide....</i>	130,131
APTIVUS.....	99	AVYCAZ.....	31	BENDEKA.....	68
ARALAST NP.....	173	<i>azacitidine.....</i>	120	BENLYSTA.....	215,218
ARANELLE.....	189	AZACTAM.....	33	<i>benznidazole.....</i>	28
ARANESP.....	119	AZACTAM-ISO-OSMOTIC		<i>benzonatate 100 mg</i>	
ARCALYST.....	217	DEXTROSE.....	33	<i>capsule.....</i>	242
ARCAPTA NEOHALER....	238	AZASAN.....	210	<i>benzonatate 200 mg</i>	
<i>aripiprazole.....</i>	90	AZASITE.....	36	<i>capsule.....</i>	242
<i>aripiprazole odt.....</i>	90	<i>azathioprine.....</i>	210	<i>benzoyl peroxide 5 % gel</i>	
ARISTADA.....	90	<i>azathioprine sodium.....</i>	210	<i>(gram).....</i>	148
ARNUITY ELLIPTA.....	234	<i>azelastine hcl.....</i>	229,243	<i>benztropine mesylate.....</i>	86
ARRANON.....	67	<i>azithromycin.....</i>	26,36	BESIVANCE.....	37
<i>arsenic trioxide.....</i>	68	<i>azithromycin 250 mg tablet</i>		<i>betamethasone diprop</i>	
<i>ascorbic acid 1000 mg</i>		<i>(dose pack).....</i>	36	<i>augmented.....</i>	179
<i>tablet.....</i>	158	AZOPT.....	232	<i>betamethasone</i>	
ASHLYNA.....	189	<i>aztreonam.....</i>	33	<i>dipropionate.....</i>	148,179
ASMANEX.....	234	B		<i>betamethasone valerate....</i>	179
ASMANEX HFA.....	235			BETASERON.....	145
<i>aspirin 325 mg tablet.....</i>	16			<i>betaxolol hcl.....</i>	126,232
<i>aspirin 325 mg tablet dr.....</i>	16			<i>bethanechol chloride.....</i>	177

BETHKIS.....	239	brimonidine tartrate.....	232	calcium carbonate 600 mg	
BETOPTIC S.....	232	BRIVIACT.....	40	tablet.....	154
BEVYXXA.....	117	bromocriptine mesylate.....	87	calcium carbonate/vitamin d3	
bexarotene.....	82	brompheniramin/pseudoephedri	250 mg-125 tablet.....	154	
BEXSERO.....	218	ne 1-15mg/5ml liquid.....	235	calcium carbonate/vitamin d3	
BEYAZ.....	189	BROVANA.....	238	500 mg-100 tab chew.....	154
bicalutamide.....	65	budesonide.....	235	calcium carbonate/vitamin d3	
BICILLIN C-R.....	34	budesonide ec.....	223	500 mg-125 tablet.....	154
BICILLIN L-A.....	34	bumetanide.....	135	calcium carbonate/vitamin d3	
BICNU.....	68	buprenorphine hcl.....	19,23	500 mg-200 tablet.....	154
BIKTARVY.....	98	buprenorphine-naloxone.....	23	calcium carbonate/vitamin d3	
BILTRICIDE.....	83	bupropion hcl.....	48	500 mg-400 tab chew.....	154
bimatoprost.....	233	bupropion hcl sr.....	24,48	calcium carbonate/vitamin d3	
BIPOLAR AGENTS.....	107	bupropion xl.....	49	500 mg-400 tablet.....	154
bisacodyl 10 mg supp.rect.....	170	buspirone hcl.....	106	calcium carbonate/vitamin d3	
bisacodyl 5 mg tablet dr.....	170	busulfan.....	68	600 mg-200 tablet.....	154
bismuth subsalicylate 262 mg		butalbital-acetaminophen-		calcium carbonate/vitamin d3	
tablet.....	166	caffeine 50-325-40 mg tablet.....	16	600 mg-400 tablet.....	155
bisoprolol fumarate.....	126	BYDUREON.....	108	calcium carbonate/vitamin d3	
bisoprolol-		BYDUREON BCISE.....	108	600 mg-800 tablet.....	155
hydrochlorothiazide.....	131	BYDUREON PEN.....	108	calcium citrate 200(950)mg	
BIVIGAM.....	215	BYETTA.....	109	tablet.....	155
bleomycin sulfate.....	68			calcium citrate/vitamin d3 200	
BLEPHAMIDE.....	227	C		mg-250 tablet.....	155
BLEPHAMIDE S.O.P.....	227	cabergoline.....	207	calcium citrate/vitamin d3 315	
BLISOVI 24 FE.....	189	CABOMETYX.....	77	mg-250 tablet.....	155
BLISOVI FE.....	189	calcipotriene.....	148	calcium folinate.....	75
BLOOD GLUCOSE		calcitonin-salmon.....	225	calcium gluconate 45(500) mg	
REGULATORS.....	108	calcitriol.....	225	tablet.....	155
BLOOD		calcium acetate.....	177	calcium phosphate dibas/vit d3	
PRODUCTS/MODIFIERS/VOL		calcium carbonate 215(500)mg		105 mg-120 tablet.....	155
UME EXPANDERS.....	117	tab chew.....	154	CALQUENCE.....	69
blood sugar diagnostic strip.....	247	calcium carbonate 260mg(648)		CAMILA.....	202
BOOSTRIX TDAP.....	218	tablet.....	154	CAMRESE LO.....	190
bortezomib.....	68	calcium carbonate 300mg(750)		CANASA.....	223
BOSULIF.....	77	tab chew.....	154	candesartan cilexetil.....	123
BOTOX.....	94	calcium carbonate 500 mg/5ml		candesartan-	
BRAFTOVI.....	68	oral susp.....	154	hydrochlorothiazid.....	131
BREO ELLIPTA.....	242	calcium carbonate 500(1250)		CAPASTAT SULFATE.....	63
BRIELLYN.....	190	tablet.....	154	CAPRELSA.....	77
BRILINTA.....	121			captopril.....	123

<i>captopril-</i>	<i>cefotetan</i>	26	<i>cholecalciferol (vitamin d3)</i>	
<i>hydrochlorothiazide</i>	<i>cefoxitin</i>	32	<i>2000 unit tablet</i>	158
CARBAGLU.....	<i>cefpodoxime proxetil</i>	32	<i>cholecalciferol (vitamin d3) 400</i>	
<i>carbamazepine</i>	<i>cefprozil</i>	32	<i>unit capsule</i>	158
<i>carbamazepine er</i>	<i>ceftazidime</i>	32	<i>cholecalciferol (vitamin d3) 400</i>	
<i>carbamide peroxide 6.5 %</i>	<i>ceftriaxone</i>	26,32	<i>unit tablet</i>	158
<i>drops</i>	<i>cefuroxime</i>	32	<i>cholecalciferol (vitamin d3)</i>	
<i>carbidopa</i>	<i>cefuroxime sodium</i>	26,32	<i>5000 unit capsule</i>	159
<i>carbidopa-levodopa</i>	<i>celecoxib</i>	17	<i>cholecalciferol (vitamin d3)</i>	
<i>carbidopa-levodopa er</i>	CELLCEPT.....	210	<i>50000 unit capsule</i>	159
<i>carbidopa-levodopa-</i>	CELONTIN.....	41	<i>cholestyramine</i>	138
<i>entacapone</i>	CENTRAL NERVOUS		<i>cholestyramine light</i>	138
<i>carboplatin</i>	SYSTEM AGENTS.....	141	<i>ciclopirox</i>	57
<i>carboxymethylcellulose sodium</i>	<i>cephalexin</i>	32	<i>cidofovir</i>	100
<i>0.5 % droperette</i>	CEREZYME.....	173	<i>cilostazol</i>	121
<i>carboxymethylcellulose sodium</i>	CERVARIX.....	218	CILOXAN.....	37
<i>0.5 % ophthalmic drops</i>	CESAMET.....	55	CIMDUO.....	98
<i>carboxymethylcellulose sodium</i>	<i>cetirizine hcl 10 mg tablet</i> ...	235	<i>cimetidine</i>	169
<i>1 % ophthalmic dropper gel</i>	<i>cetirizine hcl 5 mg tablet</i> ...	235	CIMZIA.....	210
CARDIOVASCULAR	<i>cevimeline hcl</i>	146	CINRYZE.....	210
AGENTS.....	CHANTIX.....	24	CIPRO HC.....	234
CARIMUNE NF	CHEMET.....	152	CIPRODEX.....	234
NANOFILTERED.....	<i>chloramphenicol sod</i>		<i>ciprofloxacin</i>	37
<i>carisoprodol</i>	<i>succinate</i>	28	<i>ciprofloxacin hcl</i>	37
<i>carmustine</i>	<i>chlordiazepoxide hcl</i>	106	<i>ciprofloxacin-d5w</i>	26
CAROSPIR.....	<i>chlorhexidine gluconate</i>	147	<i>cisplatin</i>	69
<i>carteolol hcl</i>	<i>chloroquine phosphate</i>	84	<i>citalopram hbr</i>	49
CARTIA XT.....	<i>chlorothiazide</i>	136	<i>cladribine</i>	69
<i>carvedilol</i>	<i>chlorothiazide sodium</i>	136	CLARAVIS.....	148
<i>caspofungin acetate</i>	<i>chlorpheniramine maleate 4 mg</i>		<i>clarithromycin</i>	36
CATHFLO ACTIVASE.....	<i>tablet</i>	235	CLEOCIN.....	28
CAYSTON.....	<i>chlorpromazine hcl</i>	88	CLIMARA PRO.....	190
CAZIENT.....	<i>chlorthalidone</i>	136	<i>clindamycin hcl</i>	28,29
<i>cefaclor</i>	CHOLBAM.....	173	<i>clindamycin palmitate hcl</i> ...	28
<i>cefadroxil</i>	<i>cholecalciferol (vitamin d3)</i>		<i>clindamycin pediatric</i>	29
<i>cefazolin sodium</i>	<i>1000 unit capsule</i>	158	<i>clindamycin phos-benzoyl</i>	
<i>cefazolin sodium-0.9% nacl</i> ...	<i>cholecalciferol (vitamin d3)</i>		<i>perox</i>	148
<i>cefdinir</i>	<i>1000 unit tablet</i>	158	<i>clindamycin phosphate</i> ...	26,29
<i>cefepime hcl</i>	<i>cholecalciferol (vitamin d3)</i>		<i>clindamycin phosphate-d5w</i> ...	29
<i>cefixime</i>	<i>2000 unit capsule</i>	158	CLINIMIX.....	159
<i>cefotaxime sodium</i>			CLINIMIX E.....	159

CLINISOL.....	159	COSENTYX PEN (2 PENS) 149	<i>daunorubicin hcl</i>	69
<i>clobazam</i>	41	COTELLIC.....	DAYSEE.....	202
<i>clobetasol emollient</i>	179	COUMADIN.....	DAYTRANA.....	142
<i>clobetasol propionate</i>	179	CREON.....	DEBLITANE.....	202
<i>clofarabine</i>	66	CRINONE.....	<i>decitabine</i>	69
<i>clomipramine hcl</i>	52	CRIXIVAN.....	DELSTRIGO.....	98
<i>clonazepam</i>	41,42	<i>cromolyn sodium</i>	DELYLA.....	190
<i>clonidine</i>	122	<i>cromolyn sodium 5.2 mg</i>	DELZICOL.....	223
<i>clonidine hcl</i>	122	<i>spray/pump</i>	<i>demeclocycline hcl</i>	38
<i>clonidine hcl er</i>	142	CRYSELLE.....	DEMSEER.....	131
<i>clopidogrel</i>	121	<i>cyanocobalamin (vitamin b-12)</i>	DENAVIR.....	104
<i>clorazepate dipotassium</i>	42	<i>1000 mcg tablet</i>	DENTAL AND ORAL	
<i>clotrimazole</i>	57,148	<i>cyanocobalamin (vitamin b-12)</i>	AGENTS.....	146
<i>clotrimazole 1 %</i>		<i>1000mcg/ml vial</i>	DEPEN.....	177
<i>cream/appl</i>	148	CYCLAFEM.....	DEPO-ESTRADIOL.....	186
<i>clotrimazole 2 %</i>		<i>cyclobenzaprine hcl</i>	DEPO-MEDROL.....	179
<i>cream/appl</i>	149	<i>cyclophosphamide</i>	DEPO-PROVERA.....	202
<i>clotrimazole-</i>		<i>cyclosporine</i>	DEPO-SUBQ PROVERA	
<i>betamethasone</i>	149	<i>cyclosporine modified</i>	104.....	202
<i>clozapine</i>	93	<i>cyproheptadine hcl</i>	DERMATOLOGICAL	
<i>clozapine odt</i>	94	CYRAMZA.....	AGENTS.....	147
COARTEM.....	84	CYSTADANE.....	DESCOVY.....	98
<i>codeine phosphate/guaifenesin</i>		CYSTAGON.....	<i>desipramine hcl</i>	52
<i>10-100mg/5 liquid</i>	242	CYSTARAN.....	<i>desloratadine</i>	236
<i>codeine sulfate</i>	21	<i>cytarabine</i>	<i>desmopressin acetate</i>	184
<i>colchicine</i>	60	D	<i>desogestr-eth estrad eth</i>	
<i>colesevelam hcl</i>	109	<i>dacarbazine</i>	<i>estra</i>	190
<i>colestipol hcl</i>	138	<i>dactinomycin</i>	<i>desogestrel-ethinyl</i>	
<i>colistimethate</i>	26	DAKLINZA.....	<i>estradiol</i>	190
COMBIGAN.....	227	<i>dalfampridine er</i>	<i>desonide</i>	180
COMBIPATCH.....	190	DALIRESP.....	<i>desoximetasone</i>	180
COMBIVENT RESPIMAT.....	243	DALVANCE.....	<i>desvenlafaxine er</i>	49
COMETRIQ.....	77	<i>danazol</i>	<i>desvenlafaxine succinate er</i>	50
COMPLERA.....	95	<i>dantrolene sodium</i>	<i>dexamethasone</i>	180
<i>condoms, latex, lubricated</i>	247	<i>dapsone</i>	DEXAMETHASONE	
CONDYLOX.....	149	DAPTACEL DTAP.....	INTENSOL.....	180
CONSTULOSE.....	170	<i>daptomycin</i>	<i>dexamethasone sodium</i>	
CORLANOR.....	134	DARAPRIM.....	<i>phosphate</i>	180,230
<i>cortisone acetate</i>	179	<i>darifenacin er</i>	<i>dexrazoxane</i>	70
CORTISPORIN.....	149	DARZALEX.....	<i>dextroamphetamine sulfate</i>	141
COSENTYX (2 SYRINGES) 149				

E

EMFLAZA.....	180	<i>erythromycin</i>	36	FAYOSIM.....	191
EMOQUETTE.....	191	<i>erythromycin-benzoyl</i>		<i>felbamate</i>	44
EMPLICITI.....	82	<i>peroxide</i>	150	<i>felodipine er</i>	128
EMSAM.....	49	ESBRIET.....	241,244	FEMRING.....	187
EMTRIVA.....	97	<i>escitalopram oxalate</i>	50	FEMYNOR.....	192
<i>enalapril maleate</i>	123	<i>esomeprazole sodium</i>	172	<i>fenofibrate</i>	137
<i>enalapril-</i>		ESTARYLLA.....	191	<i>fenofibric acid</i>	137
<i>hydrochlorothiazide</i>	131	ESTRACE.....	187	<i>fentanyl</i>	16,19
ENBREL.....	211	<i>estradiol</i>	187	<i>fentanyl citrate</i>	21
ENBREL SURECLICK.....	211	<i>estradiol valerate</i>	187	FERRIPROX.....	152
ENDOCET.....	16	<i>estradiol-norethindrone</i>		<i>ferrous gluconate 324(38)mg</i>	
ENGERIX-B ADULT.....	219	<i>acetat</i>	191	<i>tablet</i>	152
ENGERIX-B PEDIATRIC-		ESTRING.....	187	<i>ferrous sulfate 220 mg/5 ml</i>	
ADOLESCENT.....	219	<i>estropipate</i>	187	<i>elixir</i>	152
<i>enoxaparin sodium</i>	118	<i>eszopiclone</i>	246	<i>ferrous sulfate 324(65)mg</i>	
ENPRESSE.....	191	<i>ethacrynate sodium</i>	135	<i>tablet dr</i>	153
ENSKYCE.....	191	<i>ethambutol hcl</i>	63	<i>ferrous sulfate 325(65) mg</i>	
<i>entacapone</i>	86	<i>ethosuximide</i>	41	<i>tablet</i>	153
<i>entecavir</i>	101	<i>ethynodiol-ethinyl estradiol</i>	191	<i>ferrous sulfate 325(65) mg</i>	
ENTRESTO.....	134	<i>etidronate disodium</i>	225	<i>tablet dr</i>	153
ENTYVIO.....	166	<i>etodolac</i>	17	FETZIMA.....	50
ENULOSE.....	171	<i>etoposide</i>	76	<i>fexofenadine hcl 180 mg</i>	
EPCLUSA.....	102	EURAX.....	85	<i>tablet</i>	236
EPIDIOLEX.....	40	EVOTAZ.....	99	<i>fexofenadine hcl 60 mg</i>	
<i>epinephrine</i>	238,243	EVZIO.....	24	<i>tablet</i>	236
<i>epirubicin hcl</i>	70	<i>exemestane</i>	76	<i>finasteride</i>	177
EPIVIR HBV.....	101	EXJADE.....	152	FIRAZYR.....	210
<i>eplerenone</i>	136	EXONDYS 51.....	174	FIRMAGON.....	207
EPOGEN.....	120	<i>ezetimibe</i>	131	FLAREX.....	231
ERAXIS (WATER DILUENT).....	57	F			
ERBITUX.....	70	<i>flavoxate hcl</i>		FLEBOGAMMA DIF.....	215
<i>ergocalciferol (vitamin d2)</i>		FABRAZYME.....	174	<i>flecainide acetate</i>	125
<i>50000 unit capsule</i>	161	FALMINA.....	191	FLECTOR.....	18
<i>ergoloid mesylates</i>	47	<i>famciclovir</i>	104	FLOVENT DISKUS.....	235
ERIVEDGE.....	78	<i>famotidine</i>	169	FLOVENT HFA.....	235
ERLEADA.....	65	<i>famotidine 10 mg tablet</i>	166	<i>fluconazole</i>	57
ERRIN.....	202	FANAPT.....	91	<i>fluconazole in saline</i>	57
<i>ertapenem</i>	33	FARESTON.....	66	<i>fluconazole-nacl</i>	57
ERWINAZE.....	70	FARYDAK.....	78	<i>flucytosine</i>	57
ERYTHROCIN		FASENRA.....	242	<i>fludarabine phosphate</i>	71
LACTOBIONATE.....	27	FASLODEX.....	70	<i>fludrocortisone acetate</i>	180

<i>flunisolide</i>	244	<i>galantamine er</i>	47	<i>glatiramer acetate</i>	145
<i>fluocinolone acetonide</i> ..	181,234	<i>galantamine hbr</i>	47	GLATOPA.....	146
<i>fluocinolone acetonide oil</i> ...	234	<i>galantamine hydrobromide</i> ...	47	GLEOSTINE.....	64
<i>fluocinonide</i>	150,181	GAMASTAN S-D.....	215	<i>glimepiride</i>	109
<i>fluocinonide-e</i>	181	GAMMAGARD LIQUID.....	215	<i>glipizide</i>	109
<i>fluorometholone</i>	231	GAMMAGARD S-D.....	215	<i>glipizide er</i>	109
<i>fluorouracil</i>	71,150	GAMMAKED.....	215	<i>glipizide xl</i>	109
<i>fluoxetine hcl</i>	50	GAMMAPLEX.....	215	<i>glipizide-metformin</i>	112
<i>fluphenazine decanoate</i>	88	GAMUNEX-C.....	215	GLUCAGON EMERGENCY	
<i>fluphenazine hcl</i>	88	<i>ganciclovir sodium</i>	100	KIT.....	114
<i>flurazepam hcl</i>	246	GARDASIL.....	219	<i>glucose in water</i>	161
<i>flurbiprofen sodium</i>	231	GARDASIL 9.....	219	<i>glyburide</i>	110
<i>flutamide</i>	65	GASTROINTESTINAL		<i>glyburide-metformin hcl</i>	113
<i>fluticasone propionate</i> ..	181,244	AGENTS.....	166	<i>glycerin adult supp.rect</i>	171
<i>fluticasone-salmeterol</i>	243	<i>gatifloxacin</i>	37	<i>glycopyrrolate</i>	166
<i>flvoxamine maleate</i>	51	GATTEX.....	168	GOLYTELY.....	166
FML FORTE.....	231	<i>gauze pads & dressings - pads</i>		<i>granisetron hcl</i>	54,55
FML S.O.P.....	231	2 x 2.....	247	<i>griseofulvin</i>	57
<i>folic acid 0.4 mg tablet</i>	161	GAVILYTE-C.....	166	<i>griseofulvin ultramicrosize</i> ...	57
<i>folic acid 0.8 mg tablet</i>	161	GAVILYTE-G.....	166	<i>guanfacine hcl</i>	122
<i>folic acid 1 mg tablet</i>	161	GAVILYTE-N.....	166	<i>guanfacine hcl er</i>	142
FOLOTYN.....	71	GELNIQUE.....	176	<i>guanidine hcl</i>	62
<i>fomepizole</i>	161	<i>gemcitabine hcl</i>	71	GYNOL II.....	247
<i>fondaparinux sodium</i>	118	<i>gemfibrozil</i>	137		
FORTEO.....	225	GENERESS FE.....	192	H	
<i>fosamprenavir calcium</i>	99	GENERLAC.....	171	H.P. ACTHAR.....	181
<i>fosinopril sodium</i>	123	GENETIC OR ENZYME		HAEGARDA.....	210
<i>fosinopril-</i>		DISORDER: REPLACEMENT,		HALAVEN.....	71
<i>hydrochlorothiazide</i>	131,132	MODIFIERS, TREATMENT	173	<i>halobetasol propionate</i>	181
<i>fosphenytoin sodium</i>	39	GENGRAF.....	211	<i>haloperidol</i>	89
FOSRENOL.....	165	GENITOURINARY		<i>haloperidol decanoate</i>	89
FRAGMIN.....	118	AGENTS.....	176	<i>haloperidol decanoate 100</i> ...	89
FREAMINE HBC.....	161	GENOTROPIN.....	184	<i>haloperidol lactate</i>	89
<i>furosemide</i>	132,135,136	<i>gentamicin sulfate</i>	25	HARVONI.....	102
FUZEON.....	98	<i>gentamicin sulfate in ns</i>	25	HAVRIX.....	216,219
FYAVOLV.....	192	GENVOYA.....	95	HEATHER.....	202
FYCOMPA.....	44	GEODON.....	91	<i>heparin sodium</i>	119
		GIANVI.....	192	HEPATAMINE.....	162
G		GILENYA.....	145	HERCEPTIN.....	71
<i>gabapentin</i>	42	GILOTTRIF.....	78	HETLIOZ.....	246
GABITRIL.....	43	GLASSIA.....	174	HEXALEN.....	64

HIBERIX.....	219	HUMIRA PEDIATRIC	<i>ifosfamide</i>	71
HORMONAL AGENTS,		CROHN'S.....	ILARIS.....	218
PARATHYROID.....	178	HUMIRA PEN.....	<i>imatinib mesylate</i>	78
HORMONAL AGENTS,		HUMIRA PEN CROHN-UC-HS	IMBRUVICA.....	78
STIMULANT/REPLACEMENT/		STARTER.....	IMFINZI.....	82
MODIFYING (ADRENAL)...	179	HUMIRA PEN PSORIASIS-	<i>imipenem-cilastatin</i>	
HORMONAL AGENTS,		UVEITIS.....	<i>sodium</i>	27,33
STIMULANT/REPLACEMENT/		HUMULIN 70-30.....	<i>imipramine hcl</i>	53
MODIFYING (PITUITARY)...	184	HUMULIN 70/30 KWIKPEN...	<i>imiquimod</i>	150
HORMONAL AGENTS,		HUMULIN N.....	IMMUNOLOGICAL	
STIMULANT/REPLACEMENT/		HUMULIN N KWIKPEN.....	AGENTS.....	210
MODIFYING (SEX		HUMULIN R.....	IMOGAM RABIES-HT.....	216
HORMONES/MODIFIERS)...	186	<i>hydalazine hcl</i>	IMOVAX RABIES	
HORMONAL AGENTS,		<i>hydrochlorothiazide</i>	VACCINE.....	219
STIMULANT/REPLACEMENT/		<i>hydrocodone-acetaminophen</i>	INCASSIA.....	192
MODIFYING (THYROID)...	204	<i>hydrocodone-ibuprofen</i>	INCRELEX.....	185
HORMONAL AGENTS,		<i>hydrocortisone</i>	INCRUSE ELLIPTA.....	237
SUPPRESSANT		<i>hydrocortisone 0.5 % cream</i>	<i>indapamide</i>	137
(ADRENAL).....	207	(g).....	<i>indomethacin</i>	18
HORMONAL AGENTS,		<i>hydrocortisone butyrate</i>	INFANRIX DTAP.....	220
SUPPRESSANT		<i>hydrocortisone valerate</i>	INFED.....	153
(PITUITARY).....	207	<i>hydromorphone hcl</i>	INFLAMMATORY BOWEL	
HORMONAL AGENTS,		<i>hydroxocobalamin 1000mcg/ml</i>	DISEASE AGENTS.....	223
SUPPRESSANT		<i>vial</i>	INFLECTRA.....	216
(THYROID).....	209	<i>hydroxychloroquine sulfate</i> ...	INGREZZA.....	144
HUMALOG.....	114	<i>hydroxyprogesterone</i>	<i>inhaler, assist devices</i>	247
HUMALOG JUNIOR		<i>caproate</i>	INLYTA.....	78,79
KWIKPEN.....	115	<i>hydroxyurea</i>	<i>insulin pen needle</i>	247
HUMALOG KWIKPEN U-		<i>hydroxyzine hcl</i>	<i>insulin syringe (disp) u-100 0.3</i>	
100.....	114	<i>hydroxyzine pamoate</i>	<i>ml</i>	247
HUMALOG KWIKPEN U-		HYPERRAB S-D.....	<i>insulin syringe (disp) u-100 1</i>	
200.....	115		<i>ml</i>	247
HUMALOG MIX 50-50.....	115		<i>insulin syringe (disp) u-100 1/2</i>	
HUMALOG MIX 50-50		<i>ibandronate sodium</i>	<i>ml</i>	247
KWIKPEN.....	115	IBRANCE.....	INTELENCE.....	96
HUMALOG MIX 75-25.....	115	IBU.....	INTRALIPID.....	162
HUMALOG MIX 75-25		<i>ibuprofen</i>	INTRAROSA.....	192
KWIKPEN.....	115	<i>ibuprofen 200 mg tablet</i>	INTRON A.....	101,102
HUMATROPE.....	185	ICLUSIG.....	INTROVALE.....	192
HUMIRA.....	211	<i>idarubicin hcl</i>	INVANZ.....	33
		IDHIFA.....	INVEGA SUSTENNA.....	91

INVEGA TRINZA.....	91	JANUVIA.....	110	KLOR-CON 8.....	156
INVIRASE.....	99	JARDIANCE.....	113	KLOR-CON M10.....	162
INVOKAMET.....	113	JENTADUETO.....	113	KLOR-CON M15.....	156
INVOKAMET XR.....	113	JEVTANA.....	79	KOMBIGLYZE XR.....	113
INVOKANA.....	110	JINTELI.....	192	KORLYM.....	207
IONOSOL MB-DEXTROSE		JOLIVETTE.....	203	KRISTALOSE.....	171
5%.....	162	JULEBER.....	192	KURVELO.....	193
IOPIDINE.....	232	JULUCA.....	98	KUVAN.....	174
IPOL.....	220	JUNEL.....	193	KYNAMRO.....	139
<i>ipratropium bromide</i>	237,244	JUNEL FE.....	193	KYPROLIS.....	72
<i>ipratropium-albuterol</i>	244	JUNEL FE 24.....	193		
<i>irbesartan</i>	123	JUXTAPID.....	139	L	
<i>irbesartan-</i>		JYNARQUE.....	153	<i>labetalol hcl</i>	126
<i>hydrochlorothiazide</i>	132			LACRISERT.....	229
IRESSA.....	79	K		<i>lactated ringers</i>	162
<i>irinotecan hcl</i>	71	K-TAB ER.....	155	<i>lactulose</i>	171
ISENTRESS.....	95	KADCYLA.....	72	<i>lamivudine</i>	97,101
ISENTRESS HD.....	95	KADIAN.....	19	<i>lamivudine hbv</i>	101
ISIBLOOM.....	192	KAITLIB FE.....	193	<i>lamivudine-zidovudine</i>	97
ISOLYTE P WITH		KALETRA.....	99	<i>lamotrigine</i>	44
DEXTROSE.....	162	KALYDECO.....	239	<i>lamotrigine (blue)</i>	44
ISOLYTE S.....	155	KARIVA.....	193	<i>lamotrigine (green)</i>	44
<i>isoniazid</i>	63	KELNOR 1-35.....	193	<i>lamotrigine (orange)</i>	44
<i>isopropyl alcohol 0.7 ml/ml</i>		KELNOR 1-50.....	193	<i>lancets</i>	247
<i>medicated pad</i>	247	KENALOG-10.....	182	LANOXIN.....	135
<i>isosorbide dinitrate</i>	140	KEPIVANCE.....	147	<i>lansoprazole</i>	172
<i>isosorbide dinitrate er</i>	140	<i>ketoconazole</i>	58	<i>lanthanum carbonate</i>	177
<i>isosorbide mononitrate</i>	140	<i>ketorolac tromethamine</i>	231	LANTUS.....	116
<i>isosorbide mononitrate er</i> ...	140	<i>ketotifen fumarate 0.025 %</i>		LANTUS SOLOSTAR.....	116
<i>isotretinoin</i>	150	<i>drops</i>	230	LARIN.....	193
ISTODAX.....	72	KEVEYIS.....	132	LARIN FE.....	193
<i>itraconazole</i>	58	KEVZARA.....	211	LARISSIA.....	194
<i>ivermectin</i>	84	KEYTRUDA.....	72	LARTRUVO.....	82
IXIARO.....	220	KIMIDESS.....	193	LASTACAFT.....	227
		KINERET.....	212	<i>latanoprost</i>	233
J		KINRIX.....	216,220	LATUDA.....	91
JADENU.....	153	KIONEX.....	153	LAYOLIS FE.....	194
JAKAFI.....	79	KISQALI.....	72	LEENA.....	194
JANTOVEN.....	119	KISQALI FEMARA CO-		<i>leflunomide</i>	218
JANUMET.....	113	PACK.....	75	LENVIMA.....	72,79
JANUMET XR.....	113	KLOR-CON 10.....	155	LESSINA.....	194

MENOSTAR.....	188	metoclopramide hcl.....	54	mometasone furoate.....	182
MENVEO A-C-Y-W-135-DIP.....	220	metolazone.....	137	MONONESSA.....	196
meperidine hcl.....	21	metoprolol succinate.....	127	montelukast sodium.....	236
meprobamate.....	106	metoprolol tartrate.....	127	MONUROL.....	29
mercaptopurine.....	67	metoprolol-hydrochlorothiazide.....	132	morphine sulfate.....	19,21
meropenem.....	33	metronidazole.....	29	morphine sulfate er.....	19,20
mesalamine.....	223	mexiletine hcl.....	125	MOVANTIK.....	168
mesna.....	83	MIACALCIN.....	225	MOVIPREP.....	171
MESNEX.....	83	MIBELAS 24 FE.....	195	moxifloxacin.....	38
MESTINON.....	62	miconazole 3.....	58	MOZOBIL.....	120
METABOLIC BONE DISEASE AGENTS.....	224	miconazole nitrate 2 % cream (g).....	150	MULTAQ.....	125
metaproterenol sulfate.....	238	miconazole nitrate 2 % cream/appl.....	150	mupirocin.....	30
metformin hcl.....	110	miconazole nitrate 200 mg-2 % kit.....	150	MUSTARGEN.....	65
metformin hcl er.....	110	MICORT-HC.....	224	MUTAMYCIN.....	73
methadone hcl.....	19	MICROGESTIN.....	195	MYALEPT.....	168
methazolamide.....	135	MICROGESTIN FE.....	195	MYCAMINE.....	58
methimazole.....	209	midodrine hcl.....	122	mycophenolate mofetil.....	212,216
methocarbamol.....	245	MIGERGOT.....	61	mycophenolic acid.....	212
methotrexate.....	212,216	miglitol.....	110	MYFORTIC.....	212
methotrexate sodium.....	216	miglustat.....	174	MYLOTARG.....	73
methoxsalen.....	150	MILI.....	196	MYORISAN.....	150
methyclothiazide.....	137	MIMVEY.....	196	MYRBETRIQ.....	176
methyldopa.....	122	MIMVEY LO.....	196	MYTESI.....	167
methyldopa-hydrochlorothiazide.....	132	MINASTRIN 24 FE.....	196	N	
methyldopate hcl.....	122	mineral oil/petrolatum,white 42.5-57.3% ophthalmic oint. (g).....	227	nabumetone.....	18
methylphenidate er.....	143	minocycline hcl.....	39	nadolol.....	127
methylphenidate er (la).....	143	minoxidil.....	140	naftillin sodium.....	35
methylphenidate hcl....	142,143	mirtazapine.....	49	naftifine hcl.....	58
methylphenidate hcl cd....	143	misoprostol.....	171	NAGLAZYME.....	174
methylphenidate hcl er (cd).....	143	mitomycin.....	72	nalbuphine hcl.....	21
methylphenidate la....	143,144	mitoxantrone hcl.....	76	naloxone hcl.....	24
methylphenidate sr.....	144	modafinil.....	246	naltrexone hcl.....	23
methylprednisolone.....	182	moexipril hcl.....	124	naltrexone/bupropion 8-90 mg tablet.....	144
methylprednisolone acetate.....	182	hydrochlorothiazide.....	132	NAMENDA XR.....	48
methylprednisolone sodium succ.....	182			naproxen.....	18
methyltestosterone.....	186			naratriptan.....	61
metipranolol.....	233			naratriptan hcl.....	61
				NARCAN.....	23
				NATACYN.....	58

NATAZIA.....	196	<i>nicotine 7mg/24hr patch td24</i>	24	NORTHERA.....	122
<i>nateglinide</i>	110	<i>nicotine polacrilex 2 mg gum</i>	24	NORTREL.....	197
NATPARA.....	178	<i>nicotine polacrilex 2 mg</i>		<i>nortriptyline hcl</i>	53
NEBUPENT.....	85	<i>lozenge</i>	24	NORVIR.....	100
NECON.....	196	<i>nicotine polacrilex 4 mg gum</i>	24	NOVOLIN 70-30.....	116
<i>needles, insulin disp., safety</i>	247	<i>nicotine polacrilex 4 mg</i>		NOVOLIN 70-30 FLEXPEN	116
<i>nefazodone hcl</i>	51	<i>lozenge</i>	24	NOVOLIN N.....	116
<i>neomycin sulfate</i>	25	NICOTROL.....	23	NOVOLIN R.....	116
<i>neomycin-bacitracin-poly-hc</i>	227	NICOTROL NS.....	23	NOVOLOG.....	116
<i>neomycin-bacitracin-</i>		<i>nifedipine</i>	129	NOVOLOG FLEXPEN.....	116
<i>polymyxin</i>	227	<i>nifedipine er</i>	129,133	NOVOLOG MIX 70-30.....	117
<i>neomycin-polymyxin b</i>	27	NIKKI.....	196	NOVOLOG MIX 70-30	
<i>neomycin-polymyxin-</i>		<i>nilutamide</i>	65	FLEXPEN.....	116
<i>dexameth</i>	227,228	<i>nimodipine</i>	129	NOXAFIL.....	58
<i>neomycin-polymyxin-</i>		NINLARO.....	76	NPLATE.....	212
<i>gramicidin</i>	228	NIPENT.....	67	NUCALA.....	243
<i>neomycin-polymyxin-hc</i>	228,234	NITRO-BID.....	140	NUDEXTA.....	144
<i>neomycin-polymyxin-</i>		<i>nitrofurantoin</i>	30	NULOJIX.....	216
<i>hydrocort</i>	234	<i>nitrofurantoin mono-macro</i> ...	30	NUPLAZID.....	91
<i>neomycin/bacitracin/polymyxinb</i>		<i>nitroglycerin</i>	133,140	NUTRILIPID.....	163
<i>3.5-400-5k oint. (g)</i>	150	<i>nitroglycerin patch</i>	141	NUTROPIN AQ	
NEORAL.....	212	NITROSTAT.....	141	NUSPIN.....	168,185
NERLYNX.....	73	<i>nizatidine</i>	170	NUVARING.....	197
NEULASTA.....	120	NOCTIVA.....	185	NYAMYC.....	58
NEUPOGEN.....	120	NORA-BE.....	203	<i>nystatin</i>	58
NEUPRO.....	87	NORDITROPIN FLEXPEN	185	<i>nystatin-triamcinolone</i>	59
NEVANAC.....	231	<i>norethin-eth estra-ferrous</i>		NYSTOP.....	59
<i>nevirapine</i>	96	<i>fum</i>	196		
<i>nevirapine er</i>	96	<i>norethindron-ethinyl</i>			
NEXAVAR.....	80	<i>estradiol</i>	197	OCALIVA.....	174
<i>niacin 100 mg tablet</i>	163	<i>norethindrone</i>	203	OCELLA.....	197
<i>niacin 250 mg tablet er</i>	163	<i>norethindrone ac (lupaneta)</i>	203	OCTAGAM.....	216
<i>niacin 50 mg tablet</i>	163	<i>norethindrone acetate</i>	203	<i>octreotide acetate</i>	185,208
<i>niacin er</i>	139	<i>norgestimate-ethinyl</i>		ODEFSEY.....	96
<i>nicardipine hcl</i>	129	<i>estradiol</i>	197	ODOMZO.....	80
<i>nicotine 14mg/24hr patch</i>		NORLYROC.....	203	OFEV.....	242
<i>td24</i>	24	NORMOSOL-M AND		<i>ofloxacin</i>	38
<i>nicotine 21 mg/24hr patch</i>		DEXTROSE.....	163	OGESTREL.....	197
<i>td24</i>	24	NORMOSOL-R AND		<i>olanzapine</i>	91,92
<i>nicotine 21-14-7mg patch</i>		DEXTROSE.....	163	<i>olanzapine odt</i>	92
<i>dysq</i>	24	NORMOSOL-R PH 7.4.....	156	<i>olanzapine-fluoxetine hcl</i>	48

<i>olmesartan medoxomil</i>	133	<i>oxiconazole nitrate</i>	59	PENTACEL.....	221
<i>olmesartan-</i>		OXISTAT.....	59	PENTACEL ACTHIB	
<i>hydrochlorothiazide</i>	133	<i>oxybutynin chloride</i>	176	COMPONENT.....	221
<i>olopatadine hcl</i>	230	<i>oxybutynin chloride er</i>	176	PENTACEL DTAP-IPV	
<i>omega-3 acid ethyl esters</i> ..	139	<i>oxycodone hcl</i>	21	COMPONENT.....	221
<i>omega-3 fatty acids 100 mg tab</i>		<i>oxycodone hcl er</i>	20	PENTAM 300.....	85
<i>chew</i>	133	<i>oxycodone hcl-aspirin</i>	17	PENTASA.....	223
<i>omeprazole</i>	172	<i>oxycodone-acetaminophen</i> ..	17	<i>pentoxifylline</i>	135
<i>omeprazole magnesium 20 mg</i>		OXYCONTIN.....	20	<i>perindopril erbumine</i>	124
<i>capsule dr</i>	172	<i>oxymorphone hcl</i>	21	PERJETA.....	73
OMNITROPE.....	185	<i>oxymorphone hcl er</i>	20	<i>permethrin</i>	85
<i>ondansetron hcl</i>	55,56	OXYTROL.....	176	<i>permethrin 1 % liquid</i>	85
<i>ondansetron odt</i>	56	P		<i>perphenazine</i>	89
ONFI.....	43			<i>perphenazine-amitriptyline</i> ..	48
ONGLYZA.....	111	<i>paclitaxel</i>	73	PERTZYE.....	167,174
OPDIVO.....	82	<i>paliperidone er</i>	92	<i>phenelzine sulfate</i>	49
OPHTHALMIC AGENTS... ..	227	<i>palonosetron hcl</i>	54	<i>phenobarbital</i>	43
OPSUMIT.....	240	<i>pamidronate disodium</i>	225	<i>phenoxybenzamine hcl</i>	122
ORBACTIV.....	30	PANCREAZE.....	174	<i>phentermine hcl 15 mg</i>	
ORENCIA.....	212	PANRETIN.....	82	<i>capsule</i>	144
ORENCIA CLICKJECT....	212	<i>pantoprazole sodium</i>	172	<i>phentermine hcl 30 mg</i>	
ORENITRAM ER.....	240	<i>paricalcitol</i>	226	<i>capsule</i>	144
ORKAMBI.....	239,244	<i>paromomycin sulfate</i>	25	PHENYTEK.....	46
<i>orphenadrine citrate</i>	245	<i>paroxetine hcl</i>	51	<i>phenytoin</i>	46
<i>orphenadrine citrate er</i>	245	PASER.....	63	<i>phenytoin sodium</i>	40
ORSYTHIA.....	197	PAXIL.....	51	<i>phenytoin sodium extended</i> ..	46
ORTHO MICRONOR.....	204	PAZEO.....	230	PHOSPHOLINE IODIDE... ..	233
ORTHO TRI-CYCLEN.....	197	PEDIARIX.....	217	PHYSIOLYTE.....	156
ORTHO TRI-CYCLEN LO ..	197	PEDVAXHIB.....	220	PHYSIOSOL.....	156
ORTHO-CYCLEN.....	198	<i>peg 3350-electrolyte</i>	167	<i>phytonadione (vit k1) 5 mg</i>	
ORTHO-NOVUM.....	198	<i>peg-3350 and electrolytes</i> ..	167	<i>tablet</i>	163
<i>oseltamivir phosphate</i> ..	103,105	PEGANONE.....	46	PIFELTRO.....	96
OSMOPREP.....	156	PEGASYS.....	102	<i>pilocarpine hcl</i>	147,233
OTEZLA.....	218	PEGASYS PROCLICK.....	102,105	<i>pimozide</i>	89
OTIC AGENTS.....	234	<i>penicillin g potassium</i>	35	PIMTREA.....	198
<i>oxacillin</i>	35	<i>penicillin g procaine</i>	35	<i>pindolol</i>	127
<i>oxacillin sodium</i>	35	<i>penicillin g sodium</i>	35	<i>pioglitazone hcl</i>	111
<i>oxaliplatin</i>	73	<i>penicillin gk-iso-osm</i>		<i>piperacillin-tazobactam</i> ..	28,35
<i>oxandrolone</i>	198	<i>dextrose</i>	35	PIRMELLA.....	198
<i>oxazepam</i>	107	<i>penicillin v potassium</i>	35	<i>piroxicam</i>	18
<i>oxcarbazepine</i>	46	PENNSAID.....	18	PLASMA-LYTE 148.....	156

PLASMA-LYTE A PH 7.4...	156	PREMARIN.....	188	<i>promethazine/phenyleph/codei</i>	
PLEGRIDY.....	146	PREMASOL.....	163	<i>ne 6.25-5-10 syrup.....</i>	243
PLEGRIDY PEN.....	146	PREMPHASE.....	198	<i>propafenone hcl.....</i>	125
PLENAMINE.....	175	PREMPRO.....	198	<i>propafenone hcl er.....</i>	125
<i>podofilox.....</i>	151	<i>prenatal tablet.....</i>	163	<i>propranolol hcl.....</i>	127
<i>polyethylene glycol 3350.....</i>	171	<i>prenatal vitamin with minerals</i>		<i>propranolol hcl er.....</i>	127
<i>polymyxin b sul-</i>		<i>and folic acid greater than 0.8</i>		<i>propranolol-</i>	
<i>trimethoprim.....</i>	228	<i>mg oral tablet.....</i>	163	<i>hydrochlorothiazid.....</i>	133
<i>polymyxin b sulfate.....</i>	30	PREVIFEM.....	198	<i>propylene glycol/peg 400/pf 0.3</i>	
<i>polyvinyl alcohol 1.4 %</i>		PREVYMIS.....	100	<i>%-0.4% dropperette.....</i>	228
<i>drops.....</i>	228	PREZCOBIX.....	100	<i>propylthiouracil.....</i>	209
<i>polyvinyl alcohol 1.4 %</i>		PREZISTA.....	100	PROQUAD.....	221
<i>ophthalmic drops.....</i>	228	PRIFTIN.....	63	PROSOL.....	164
POMALYST.....	66	<i>primaquine.....</i>	85	<i>protriptyline hcl.....</i>	53
PORTIA.....	198	<i>primidone.....</i>	43	PROVENTIL HFA.....	238
<i>potassium chl-normal saline</i>	156	PRIVIGEN.....	217	<i>pseudoephedrine hcl 30 mg</i>	
<i>potassium chloride.....</i>	157,163	PROAIR HFA.....	238	<i>tablet.....</i>	244
<i>potassium chloride in d5lr.....</i>	162	PROAIR RESPICLICK.....	238	<i>pseudoephedrine hcl 30 mg/5</i>	
<i>potassium chloride proamp.....</i>	157	<i>probenecid.....</i>	60	<i>ml liquid.....</i>	244
<i>potassium chloride-nacl.....</i>	157	<i>probenecid-colchicine.....</i>	60	<i>pseudoephedrine hcl 60 mg</i>	
<i>potassium chloride-water.....</i>	163	<i>procainamide hcl.....</i>	125	<i>tablet.....</i>	244
<i>potassium citrate er.....</i>	157	PROCALAMINE.....	164	<i>psyllium husk/aspartame</i>	
PRADAXA.....	119	<i>prochlorperazine.....</i>	55	<i>3.4g/5.8g powder.....</i>	167
PRALUENT PEN.....	139	<i>prochlorperazine edisylate.....</i>	54	PULMICORT FLEXHALER.....	235
<i>pramipexole dihydrochloride.....</i>	87	<i>prochlorperazine maleate.....</i>	55	PULMOZYME.....	245
<i>prasugrel hcl.....</i>	121	PROCRT.....	120	PURIXAN.....	67
<i>pravastatin sodium.....</i>	138	PROCTO-MED HC.....	183	<i>pyrantel pamoate 50 mg/ml</i>	
<i>praziquantel.....</i>	84	PROCTOSOL-HC.....	183	<i>oral susp.....</i>	84
<i>prazosin hcl.....</i>	122	PROCTOZONE-HC.....	183	<i>pyrazinamide.....</i>	63
PRED MILD.....	231	<i>progesterone.....</i>	204	<i>pyridostigmine bromide.....</i>	62
PRED-G.....	228	PROGLYCEM.....	114	<i>pyridostigmine bromide er.....</i>	62
<i>prednicarbate.....</i>	182	PROGRAF.....	213	<i>pyridoxine hcl (vitamin b6) 100</i>	
<i>prednisolone.....</i>	182	PROLASTIN C.....	175	<i>mg tablet.....</i>	164
<i>prednisolone acetate.....</i>	232	PROLEUKIN.....	73	<i>pyridoxine hcl (vitamin b6) 25</i>	
<i>prednisolone sodium phos</i>		PROLIA.....	226	<i>mg tablet.....</i>	164
<i>odt.....</i>	182	PROMACTA.....	120	<i>pyridoxine hcl (vitamin b6) 50</i>	
<i>prednisolone sodium</i>		<i>promethazine hcl.....</i>	55	<i>mg tablet.....</i>	164
<i>phosphate.....</i>	182,183,232	<i>promethazine hcl/codeine 6.25-</i>			
<i>prednisone.....</i>	183	<i>10/5 syrup.....</i>	243		
PREDNISON INTENSOL.....	183	<i>promethazine/dextromethorpha</i>		QUADRACEL DTAP-IPV.....	221
PREFEST.....	198	<i>n 6.25-15/5 syrup.....</i>	243	QUARTETTE.....	199



QUASENSE.....	199	RESPIRATORY	
<i>quetiapine fumarate</i>	92	TRACT/PULMONARY	
<i>quetiapine fumarate er</i>	93	AGENTS.....	234
<i>quinapril hcl</i>	124	RESTASIS.....	229
<i>quinapril-</i>		RESTASIS MULTIDOSE... 229	
<i>hydrochlorothiazide</i>	133	RETACRIT.....	121
<i>quinidine gluconate</i>	125,126	RETROVIR.....	97
<i>quinidine sulfate</i>	126	REVATIO.....	241
<i>quinine sulfate</i>	85	REVLIMID.....	66
QVAR REDIHALER.....	235	REXULTI.....	92
		REYATAZ.....	100
		RHOPHYLAC.....	213
R		RIBASPHERE.....	102
RABAVERT.....	221	<i>ribavirin</i>	102
<i>rabeprazole sodium</i>	172	<i>riboflavin (vitamin b2) 50 mg</i>	
RADICAVA.....	144	<i>tablet</i>	164
<i>raloxifene hcl</i>	204	RIDAURA.....	218
<i>ramipril</i>	124	<i>rifabutin</i>	63
RANEXA.....	135	RIFAMATE.....	63
<i>ranitidine hcl</i>	167,170	<i>rifampin</i>	63
RAPAMUNE.....	213	RIFATER.....	64
<i>rasagiline mesylate</i>	88	<i>riluzole</i>	144
RAVICTI.....	175	<i>rimantadine hcl</i>	103
RAYALDEE.....	226	<i>ringers injection</i>	164
REBIF.....	146	<i>ringers irrigation</i>	164
REBIF REBIDOSE.....	146	RISPERDAL CONSTA.....	92
RECLIPSEN.....	199	<i>risperidone</i>	92
RECOMBIVAX HB.....	217,221	<i>risperidone odt</i>	92,93
RECTIV.....	141	<i>ritonavir</i>	100
REGRANEX.....	151	RITUXAN.....	82
RELENZA.....	103	<i>rivastigmine</i>	47
RELISTOR.....	169	RIVELSA.....	199
REMICADE.....	213	<i>rizatriptan</i>	61
REMODULIN.....	241	<i>ropinirole hcl</i>	87
RENAGEL.....	178	<i>rosuvastatin calcium</i>	138
RENFLEXIS.....	217	ROTARIX.....	221
<i>repaglinide</i>	111	ROTATEQ.....	221
REPATHA PUSHTRONEX.....	139	ROZEREM.....	246
REPATHA SURECLICK.....	139	RUBRACA.....	73
REPATHA SYRINGE.....	139	RYDAPT.....	80
RESCRIPTOR.....	96		
		S	
		SABRIL.....	43
		SAFYRAL.....	199
		SAIZEN.....	169,185
		SAIZEN-SAIZENPREP.....	185
		SANDIMMUNE.....	213
		SANDOSTATIN LAR	
		DEPOT.....	208
		SANTYL.....	151
		SAPHRIS.....	93
		SAVELLA.....	145
		<i>scopolamine</i>	55
		SEASONIQUE.....	199
		SEGLUROMET.....	111
		<i>selegiline hcl</i>	86,88
		<i>selenium sulfide</i>	151
		<i>selenium sulfide 1 %</i>	
		<i>shampoo</i>	151
		SELZENTRY.....	98,105
		<i>sennosides 8.6 mg tablet</i> ...	171
		SENSIPAR.....	178
		SEREVENT DISKUS.....	238
		SEROSTIM.....	169
		<i>sertraline hcl</i>	51
		SETLAKIN.....	199
		<i>sevelamer carbonate</i>	178
		SHAROBEL.....	204
		SHINGRIX.....	221
		SIGNIFOR.....	208
		SIGNIFOR LAR.....	208
		<i>sildenafil</i>	241
		<i>sildenafil citrate</i>	241
		SILIQ.....	213
		SILVADENE.....	38
		<i>silver sulfadiazine</i>	38
		<i>simethicone 80 mg tab</i>	
		<i>chew</i>	168
		SIMPONI.....	213
		SIMPONI ARIA.....	213
		SIMULECT.....	217

<i>simvastatin</i>	138	<i>spironolactone</i>	136	SYLATRON.....	102
<i>sirolimus</i>	213	<i>spironolactone-hctz</i>	133	SYLVANT.....	73
SIRTURO.....	64	SPORANOX.....	59	SYMBICORT.....	243
SIVEXTRO.....	30	SPRINTEC.....	199	SYMDEKO.....	239
SKELETAL MUSCLE		SPRITAM.....	40	SYMFI.....	98
RELAXANTS.....	245	SPRYCEL.....	80	SYMFI LO.....	99
SLEEP DISORDER		SPS.....	153	SYMLINPEN 120.....	111
AGENTS.....	246	SRONYX.....	199	SYMLINPEN 60.....	111
<i>sod borate/boric ac/water/nacl</i>		SSD.....	38	SYMTUZA.....	99
<i>irrig soln</i>	228	<i>stavudine</i>	97	SYNAGIS.....	217
<i>sodium bicarbonate 325 mg</i>		STEGLATRO.....	111	SYNAREL.....	209
<i>tablet</i>	168	STEGLUJAN.....	111	SYNDROS.....	56
<i>sodium bicarbonate 650 mg</i>		STELARA.....	151	SYNERCID.....	28
<i>tablet</i>	168	STIOLTO RESPIMAT.....	245	SYNJARDY.....	114
<i>sodium chloride</i>	157,164	STIVARGA.....	80	SYNJARDY XR.....	114
<i>sodium chloride 0.65 %</i>		STRENSIQ.....	175	SYNRIBO.....	73
<i>spray</i>	243	<i>streptomycin sulfate</i>	25	SYNTHROID.....	205
<i>sodium chloride 5 % drops</i>	228	STRIBILD.....	95		
<i>sodium chloride-water</i>	157	STRIVERDI RESPIMAT.....	239	T	
<i>sodium fluoride 2.2 mg (fluoride</i>		SUBVENITE.....	45	TABLOID.....	67
<i>ion 1 mg) oral tablet</i>	164	SUBVENITE (BLUE).....	45	<i>tacrolimus</i>	151,214
<i>sodium lactate</i>	164	SUBVENITE (GREEN).....	45	<i>tadalafil</i>	241
<i>sodium phenylbutyrate</i>	175	SUBVENITE (ORANGE).....	45	TAFINLAR.....	80
<i>sodium polystyrene</i>		<i>sucralfate</i>	172	TAGRISSO.....	81
<i>sulfonate</i>	153	<i>sulfacetamide sodium</i>	38	TALTZ AUTOINJECTOR.....	151
<i>sodium sulfacetamide</i>	38	<i>sulfacetamide-prednisolone</i>	228	TALTZ SYRINGE.....	151
<i>sodium,potassium phosphates</i>		<i>sulfadiazine</i>	38	TALZENNA.....	74
<i>280-250 mg oral powder</i>		<i>sulfamethoxazole-</i>		TAMIFLU.....	103,105
<i>packets</i>	153	<i>trimethoprim</i>	38	<i>tamoxifen citrate</i>	66
SOLQUA 100-33.....	114	SULFAMYLON.....	30	<i>tamsulosin hcl</i>	177
SOLOSEC.....	30	<i>sulfasalazine</i>	224	TARCEVA.....	81
SOLTAMOX.....	66	<i>sulfasalazine dr</i>	224	TARGRETIN.....	83
SOLU-CORTEF.....	183	<i>sulindac</i>	19	TARINA FE.....	199
SOLU-MEDROL.....	183	<i>sumatriptan</i>	61	TASIGNA.....	81
SOMATULINE DEPOT.....	209	<i>sumatriptan succinate</i>	61	TAVALISSE.....	214
SOMAVERT.....	209	SUPPLIES.....	247	TAYTULLA.....	200
<i>sotalol</i>	126	SUPRAX.....	33	<i>tazarotene</i>	151
<i>sotalol af</i>	126	SUPREP.....	165	TAZORAC.....	151
SOVALDI.....	103	SUSTIVA.....	96	TAZTIA XT.....	129
SPIRIVA.....	237	SUTENT.....	80	TECENTRIQ.....	82
SPIRIVA RESPIMAT.....	237	SYEDA.....	199	TECFIDERA.....	146

TECHNIVIE.....	103	TOBRADEX.....	25	TRI-LO-SPRINTEC.....	200
TEFLARO.....	33	TOBRADEX ST.....	228	TRI-MILI.....	200
<i>telmisartan</i>	123	<i>tobramycin</i>	25,240	TRI-NORINYL.....	200
<i>telmisartan-</i>		<i>tobramycin sulfate</i>	25	TRI-PREVIFEM.....	200
<i>hydrochlorothiazid</i>	133	<i>tobramycin-dexamethasone</i>	229	TRI-SPRINTEC.....	200
<i>temazepam</i>	246	TOBREX.....	26	TRI-VYLIBRA.....	200
<i>temsirolimus</i>	214	<i>tolazamide</i>	111	<i>triamcinolone</i>	
TENIVAC.....	221	<i>tolbutamide</i>	112	<i>acetonide</i>	147,183,184
<i>tenofovir disoproxil</i>		<i>tolcapone</i>	86	<i>triamcinolone acetonide</i>	55
<i>fumarate</i>	101	<i>tolnaftate 1 % solution</i>	152	<i>mcg spray</i>	235
<i>terazosin hcl</i>	122	<i>tolterodine tartrate</i>	176	<i>triamterene-</i>	
<i>terbinafine hcl</i>	59	<i>tolterodine tartrate er</i>	176	<i>hydrochlorothiazid</i>	134
<i>terbutaline sulfate</i>	239	<i>topiramate</i>	45	<i>triazolam</i>	107
<i>terconazole</i>	59	<i>topotecan hcl</i>	76	<i>trientine hcl</i>	153
<i>testosterone</i>	186	TORISEL.....	214	<i>trifluoperazine hcl</i>	90
<i>testosterone cypionate</i>	186	<i>torseamide</i>	136	<i>trifluridine</i>	104
<i>testosterone enanthate</i>	186	TOUJEO MAX SOLOSTAR.....	117	<i>trihexyphenidyl hcl</i>	86
<i>tetanus diphtheria toxoids</i>	222	TOUJEO SOLOSTAR.....	117	TRILYTE WITH FLAVOR	
<i>tetrabenazine</i>	145	TOVIAZ.....	176	PACKETS.....	168
THALOMID.....	66	TPN ELECTROLYTES.....	165	<i>trimethobenzamide hcl</i>	55
<i>theophylline</i>	240	TRACLEER.....	241	<i>trimethoprim</i>	31
<i>theophylline anhydrous</i>	240	TRADJENTA.....	112	<i>trimipramine maleate</i>	53
<i>thiamine hcl 50 mg tablet</i>	165	<i>tramadol hcl</i>	22	TRINESSA.....	200
<i>thioridazine hcl</i>	89	<i>trandolapril</i>	124	TRINTELLIX.....	52
<i>thiotepa</i>	74	<i>tranexamic acid</i>	121	<i>triprolidine/pseudoephedrine</i>	
<i>thiothixene</i>	89	<i>tranylcypromine sulfate</i>	49	<i>2.5mg-60mg tablet</i>	236
THYMOGLOBULIN.....	214	TRAVASOL.....	165	TRISENOX.....	74
THYROLAR-1.....	205	TRAVATAN Z.....	233	TRIUMEQ.....	105
THYROLAR-1/2.....	205	<i>trazodone hcl</i>	51	TRIVORA-28.....	200
THYROLAR-1/4.....	206	TREANDA.....	74	TROPHAMINE.....	165
THYROLAR-2.....	206	TRECATOR.....	64	<i>tropium chloride</i>	176
THYROLAR-3.....	206	TRELEGY ELLIPTA.....	243	<i>tropium chloride er</i>	177
<i>tiagabine hcl</i>	43	TRELSTAR.....	209	TRULANCE.....	170
TIBSOVO.....	74	TREMFYA.....	214	TRUMENBA.....	222
<i>tigecycline</i>	30	TRESIBA FLEXTOUCH U-		TRUVADA.....	97
<i>timolol maleate</i>	127,233	100.....	117	TUDORZA PRESSAIR 400	
<i>tinidazole</i>	30	TRESIBA FLEXTOUCH U-		MCG INH (30	
TIROSINT.....	206	200.....	117	ACTUATIONS).....	237
TIVICAY.....	95	<i>tretinoin</i>	83,152	TUDORZA PRESSAIR 400	
<i>tizanidine hcl</i>	94	TRI-LEGEST FE.....	200	MCG INH (60	
TOBI PODHALER.....	239	TRI-LO-ESTARYLLA.....	200	ACTUATIONS).....	237

TULANA.....	204	VENTAVIS.....	241	VYFEMLA.....	201
TWINRIX.....	222	VENTOLIN HFA.....	239	VYLIBRA.....	201
TYBOST.....	99	<i>verapamil er</i>	129	VYXEOS.....	75
TYDEMY.....	201	<i>verapamil er pm</i>	130		
TYKERB.....	81	<i>verapamil hcl</i>	129,130	W	
TYMLOS.....	226	<i>verapamil sr</i>	130	<i>warfarin sodium</i>	119
TYPHIM VI.....	222	VERSACLOZ.....	94	<i>water</i>	164
TYSABRI.....	146	VERZENIO.....	74	WELCHOL.....	112
		VESICARE.....	177	WYMZYA FE.....	201
U		<i>vgo 20</i>	248		
UNCATEGORIZED.....	248	<i>vgo 30</i>	248	X	
UNITHROID.....	206	<i>vgo 40</i>	248	XALKORI.....	81
UPTRAVI.....	241	VIBERZI.....	170	XARELTO.....	119
<i>urine glucose-acet test strip</i>	247	VIBRAMYCIN.....	39	XATMEP.....	214
<i>ursodiol</i>	169	VICTOZA 2-PAK.....	112	XELJANZ.....	214
		VICTOZA 3-PAK.....	112	XELJANZ XR.....	214
V		VIDEX.....	97	XEOMIN.....	94
VABOMERE.....	33	VIDEX EC.....	97	XERMELO.....	169
<i>valacyclovir</i>	104	VIEKIRA PAK.....	103	XGEVA.....	226
VALCHLOR.....	65	VIEKIRA XR.....	103	XIFAXAN.....	31
<i>valganciclovir hcl</i>	101,105	VIENVA.....	201	XIIDRA.....	229
<i>valproate sodium</i>	43	<i>vigabatrin</i>	43	XOLAIR.....	245
<i>valproic acid</i>	43	VIIBRYD.....	52	XTANDI.....	65
<i>valsartan</i>	123	VIMPAT.....	46	XULANE.....	201
<i>valsartan-</i>		<i>vinblastine sulfate</i>	74	XYREM.....	246
<i>hydrochlorothiazide</i>	134	<i>vincristine sulfate</i>	74	Y	
<i>vancomycin hcl</i>	28,31	<i>vinorelbine tartrate</i>	75	YASMIN 28.....	201
VAQTA.....	222	VIOKACE.....	168	YAZ.....	201
VARIVAX VACCINE.....	222	VIORELE.....	201	YERVOY.....	75
VARIZIG.....	222	VIRACEPT.....	100	YF-VAX.....	222
VASCEPA.....	134,140	VIRAMUNE.....	96	YONDELIS.....	65
VECTIBIX.....	74	VIREAD.....	101,102	YONSA.....	65
VELCADE.....	74	<i>vitamin e (dl,tocopheryl acet)</i>		YUVAFEM.....	201
VELIVET.....	201	<i>200 unit capsule</i>	165		
VEMLIDY.....	105	VIVITROL.....	23	Z	
VENCLEXTA.....	81	VIZIMPRO.....	75	<i>zafirlukast</i>	237
VENCLEXTA STARTING		<i>voriconazole</i>	59	<i>zaleplon</i>	246
PACK.....	81	VOSEVI.....	103	ZALTRAP.....	75
<i>venlafaxine hcl</i>	52	VOTRIENT.....	81	ZANOSAR.....	75
<i>venlafaxine hcl er</i>	52	VPRIV.....	175	ZARAH.....	202
VENOFER.....	153	VRAYLAR.....	93		

ZARXIO.....	121
ZAVESCA.....	175
ZEJULA.....	81
ZELAPAR.....	88
ZELBORAF.....	82
ZEMAIRA.....	175
ZENATANE.....	152
ZENCHENT.....	202
ZENPEP.....	175
ZEPATIER.....	103
ZERBAXA.....	33
ZERIT.....	98
<i>zidovudine</i>	98
ZINPLAVA.....	217
<i>ziprasidone hcl</i>	93
ZIRGAN.....	101
<i>zoledronic acid</i>	226
ZOLINZA.....	76
<i>zolmitriptan</i>	61
<i>zolmitriptan odt</i>	62
<i>zolpidem tartrate</i>	246
ZOMACTON.....	169
ZOMETA.....	226
<i>zonisamide</i>	41
ZONTIVITY.....	119
ZORBTIVE.....	169
ZORTRESS.....	214
ZOSTAVAX.....	222
ZOVIA 1-35E.....	202
ZOVIRAX.....	104
ZURAMPIC.....	60
ZYDELIG.....	82
ZYKADIA.....	82
ZYPREXA RELPREVV.....	93
ZYTIGA.....	65,66

Chương trình OneCare Connect Cal MediConnect (Medicare- Medicaid Plan) là một chương trình y tế có hợp đồng với Medicare và Medi-Cal để cung cấp các phúc lợi của cả hai chương trình cho các tham dự viên. OneCare Connect tuân thủ luật dân quyền hiện hành của Liên bang và không phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia, độ tuổi, khuyết tật, hoặc giới tính. Thông tin phúc lợi là một sự tóm tắt ngắn gọn, không phải là một sự miêu tả hoàn chỉnh của các phúc lợi. Những giới hạn, tiền phụ phí, và hạn chế có thể được áp dụng. Để biết thêm thông tin, xin gọi Văn Phòng Dịch Vụ OneCare Connect hoặc đọc Cẩm Nang Thành Viên OneCare Connect. Các phúc lợi và/hoặc tiền phụ phí có thể thay đổi vào ngày 1 tháng 1 mỗi năm. Để biết thêm thông tin, xin vào trang mạng www.caloptima.org/onecareconnect. Nếu quý vị có thắc mắc, xin gọi đường dây miễn phí OneCare Connect ở số **1-855-705-8823**, 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Thành viên sử dụng máy TDD/TTY có thể gọi đường dây miễn phí tại **1-800-735-2929**.

English: ATTENTION: If you speak a language other than English, language assistance services, free of charge, are available to you. Call **1-855-705-8823** (TTY: **1-800-735-2929**).

Spanish: ATENCIÓN: Si habla español, tiene a su disposición servicios gratuitos de asistencia lingüística. Llame al **1-855-705-8823** (TTY: **1-800-735-2929**).

Chinese: 注意：如果您使用繁體中文，您可以免費獲得語言援助服務。請致電 **1-855-705-8823** (TTY: **1-800-735-2929**).

Vietnamese: CHÚ Ý: Nếu bạn nói Tiếng Việt, có các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ miễn phí dành cho bạn. Gọi số **1-855-705-8823** (TTY: **1-800-735-2929**).

Tagalog: PAUNAWA: Kung nagsasalita ka ng Tagalog, maaari kang gumamit ng mga serbisyo ng tulong sa wika nang walang bayad. Tumawag sa **1-855-705-8823** (TTY: **1-800-735-2929**).

Korean: 주의: 한국어를 사용하시는 경우, 언어 지원 서비스를 무료로 이용하실 수 있습니다. **1-855-705-8823** (TTY: **1-800-735-2929**) 번으로 전화해 주십시오.

Armenian: ՈՒՇԱԴՐՈՒԹՅՈՒՆ՝ Եթե խոսում եք հայերեն, ապա ձեզ անվճար կարող են տրամադրվել լեզվական աջակցության ծառայություններ: Զանգահարեք **1-855-705-8823** (TTY (հեռատիպ)՝ **1-800-735-2929**):

Farsi:

توجه: اگر به زبان فارسی گفتگو می کنید، تسهیلات زبانی بصورت رایگان برای شما فراهم می باشد.
باشماره **1-855-705-8823** (TTY: **1-800-735-2929**) تماس بگیرید.

Russian: ВНИМАНИЕ: Если вы говорите на русском языке, то вам доступны бесплатные услуги перевода. Звоните **1-855-705-8823** (телетайп: **1-800-735-2929**).

Japanese: 注意事項：日本語を話される場合、無料の言語支援をご利用いただけます。
1-855-705-8823 (TTY: **1-800-735-2929**)まで、お電話にてご連絡ください。

Arabic:

ملحوظة: إذا كنت تتحدث بلغة أخرى غير الإنجليزية، فإن خدمات المساعدة اللغوية تتوفر لك بالمجان. اتصل علي الرقم 1 855 705 8823 (الهاتف النصي/خط الاتصال لضعاف السمع 1-800-735-2929).

Punjabi: ਧਿਆਨ ਦਿਓ: ਜੇ ਤੁਸੀਂ ਪੰਜਾਬੀ ਬੋਲਦੇ ਹੋ, ਤਾਂ ਭਾਸ਼ਾ ਵਿੱਚ ਸਹਾਇਤਾ ਸੇਵਾ ਤੁਹਾਡੇ ਲਈ ਮੁਫਤ ਉਪਲਬਧ ਹੈ। 1-855-705-8823 (TTY: 1-800-735-2929) 'ਤੇ ਕਾਲ ਕਰੋ।

Cambodian: ប្រយ័ត្ន: បើសិនជាអ្នកនិយាយភាសាខ្មែរ, សេវាជំនួយផ្នែកភាសាដោយមិនគិតថ្លៃ គឺអាចមានសំរាប់អ្នក។ ចូរ ទូរស័ព្ទ 1-855-705-8823 (TTY: 1-800-735-2929)។

Hmong: LUS CEEV: Yog tias koj hais lus Hmoob, cov kev pab txog lus, muaj kev pab dawb rau koj. Hu rau 1-855-705-8823 (TTY: 1-800-735-2929).

Hindi: ध्यान दें: यदि आप बोलते हैं तो आपके लिए मुफ्त में भाषा सहायता सेवाएं उपलब्ध हैं। 1-855-705-8823 (TTY: 1-800-735-2929) पर कॉल करें।

Thai: ระวัง: ถ้าคุณพูดภาษาไทยคุณสามารถใช้บริการช่วยเหลือทางภาษาได้ฟรี โทร 1-855-705-8823 (TTY: 1-800-735-2929).

Lao: ໂປດຊາບ: ຖ້າວ່າ ທ່ານເວົ້າພາສາ ລາວ, ການບໍລິການຊ່ວຍເຫຼືອດ້ານພາສາ, ໂດຍບໍ່ເສັຽຄ່າ, ແມ່ນມີພ້ອມໃຫ້ທ່ານ. ໂທ 1-855-705-8823 (TTY: 1-800-735-2929).